

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Tel: +84 243 880 3456 Fax: +84 243 783 2189 Website: www.dsc.com.vn**CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

1. Thời gian khai mạc : 09h00 ngày 25/03/2024
2. Địa điểm tổ chức : Hội trường Tầng 2, Thành Công Tower, 79 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG (dự kiến)	THỰC HIỆN
1.	8h30 – 9h00	Đón tiếp và đăng ký dự họp	Ban tổ chức
2.	9h00 – 9h05	Ban Kiểm tra tư cách đại biểu công bố kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.	Trưởng Ban Kiểm tra tư cách đại biểu
3.	9h05 – 9h15	Khai mạc Đại hội, Giới thiệu Đại biểu, Giới thiệu Đoàn chủ tịch, chỉ định thư ký Đại hội, bầu Ban kiểm phiếu.	Chủ tọa
4.	9h15 – 9h20	Trình bày và thông qua Chương trình, Quy chế làm việc và biểu quyết của Đại hội.	Ban tổ chức
5.	9h20 – 9h30	Trình bày Báo cáo của Hội đồng quản trị	Chủ tịch HĐQT
6.	9h30 – 9h40	Trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát	Trưởng BKS
7.	9h40 – 9h50	Trình bày Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024	Tổng giám đốc
8.	9h40 - 10h00	Trình bày: <ul style="list-style-type: none">• Tờ trình thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng giám đốc;• Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023;• Tờ trình thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023;• Tờ trình thông qua thủ lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;• Tờ trình thông qua báo cáo tình hình sử dụng vốn thực tế trong đợt tăng vốn lên 2.048 tỷ đồng;• Tờ trình thông qua việc sửa đổi điều lệ Công ty;	Chủ tịch HĐQT Hoặc thành viên Đoàn Chủ tọa



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Tầng 2, Thành Công Building, 80 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Tel: +84 243 880 3455 Fax: +84 243 783 2189 Website: www.dsc.com.vn

STT	THỜI GIAN	NỘI DUNG (Dự kiến)	THỰC HIỆN
		<ul style="list-style-type: none">Tờ trình phê duyệt lại việc chuyển sản niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí MinhTờ trình khác (nếu có)	
9.	10h00 – 10h05	Trình bày: <ul style="list-style-type: none">Tờ trình V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2024;	Trưởng BKS
10.	10h05 – 10h20	Thảo luận các vấn đề	Chủ tọa
11.	10h20 – 10h45	Hướng dẫn biểu quyết; Đại hội tiến hành bỏ phiếu biểu quyết.	Ban kiểm phiếu
12.	10h45 – 11h15	Nghỉ giải lao	
13.	11h15 – 11h30	Công bố kết quả kiểm phiếu;	Ban kiểm phiếu
14.	11h30 – 11h40	Đọc Biên bản và dự thảo Nghị quyết Đại hội.	Thư ký đại hội
15.	11h40 – 11h45	Biểu quyết thông qua Biên bản, Nghị quyết Đại hội	Chủ tọa



Hà Nội, ngày ... tháng 03 năm 2024

**QUY CHẾ LÀM VIỆC VÀ BIỂU QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2022/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2022 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (“Điều lệ Công ty”).

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC (“DSC”, “Công ty”) được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc và biểu quyết sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thể hiện ý chí thống nhất của Đại hội đồng cổ đông, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- **Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC.
- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các Đại biểu, đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên DSC đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp; và được coi là hợp lệ, có quyền quyết định tất cả các vấn đề mà Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất có thể phê chuẩn.

Điều 4. Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Các cổ đông của DSC sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết (theo danh sách cổ đông do Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam cung cấp tại ngày đăng ký cuối cùng: 23/02/2024) đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho Đại diện của mình tham dự Đại hội đồng cổ đông.
2. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp Luật. Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền.
3. Trường hợp cổ đông cử hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
4. Cổ đông và/hoặc đại diện theo ủy quyền sau đây được gọi là "Đại biểu" khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội;
5. Trong thời gian diễn ra Đại hội đồng cổ đông, Đại biểu phải tuân thủ theo các quy định sau đây:
 - a. Đúng giờ, trang phục lịch sự, trang trọng, tuân thủ việc kiểm tra an ninh (nếu có), giấy tờ tùy thân ... theo yêu cầu của BTC Đại hội;

- b. Nhận hồ sơ, tài liệu phục vụ Đại hội tại bàn đón tiếp đại biểu;
- c. Cổ động hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng;
- d. Để điện thoại ở chế độ rung hoặc tắt máy, khi cần thì ra bên ngoài đàm thoại;
- e. Tuân thủ các quy định của Ban tổ chức, của Chủ tọa điều hành Đại hội;
- f. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp;
- g. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

Điều 5. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 thành viên. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của DSC .
2. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp
3. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - a. Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông theo Chương trình đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại đại hội;
 - b. Hướng dẫn các Đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - c. Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết/bầu cử (nếu có);
 - d. Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - e. Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
4. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 6. Thư ký Đại hội

1. Thư ký của Đại hội bao gồm 01 người do Chủ tọa giới thiệu và đề cử (thông qua Ban Tổ chức Đại hội); Chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ

của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.

2. Nhiệm vụ của Thư ký Đại hội:

- a. Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách Đại biểu dự họp (khi cần thiết);
- b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Nghị quyết của Đại hội và gửi thông báo của Đoàn Chủ tịch đến các Đại biểu khi được yêu cầu;
- c. Tiếp nhận, rà soát Phiếu thảo luận, các ý kiến của Đại biểu, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định;
- d. Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
- e. Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội;
- f. Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp ĐHCĐ và thông báo đến các Đại biểu theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 7. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu

1. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tịch giới thiệu đến Đại hội. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách Đại biểu:
 - a. Ban kiểm tra tư cách Đại biểu của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông đến dự họp.
 - b. Trưởng Ban kiểm tra tư cách Đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng Đại biểu dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông DSC được tiến hành.

Điều 8. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu (thông qua Ban Tổ chức Đại hội) và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - a. Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết/bầu cử (nếu có);
 - b. Kiểm và ghi nhận thẻ biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết, kết quả bầu cử (nếu có);
 - c. Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết/bầu cử (nếu có) cho Thư ký Đại hội;
 - d. Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết/bầu cử hoặc

đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết;

- e. Lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội đồng cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình.

Điều 9. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- a. Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội đồng cổ đông;
- b. Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu thảo luận và chuyển cho Ban Thư ký;
- c. Ban Thư ký sẽ sắp xếp các Phiếu thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
- d. Đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Đoàn Chủ tịch nhất trí mới được phát biểu. Mỗi Đại biểu phát biểu không quá 05 phút, nội dung cần ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:

- a. Trên cơ sở Phiếu thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
- b. Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được DSC trả lời sau.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề

1. Nguyên tắc:

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận công khai và tiến hành biểu quyết công khai bằng thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín bằng phiếu biểu quyết.
- b. Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết được DSC in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự ĐHCĐ). Mỗi đại biểu được cấp 01 Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thẻ biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.
- c. Hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024:
 - **Biểu quyết bằng hình thức giơ Thẻ biểu quyết:** hình thức này được dùng để thông qua các vấn đề như: Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc và biểu quyết tại Đại hội; thông qua Ban kiểm phiếu, thư ký Đại hội; thông qua Biên bản Đại hội, Nghị quyết Đại hội và các nội dung khác tại Đại hội (nếu có);
 - **Biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết:** hình thức này được dùng để

thông qua các nội dung tờ trình Đại hội, được xác định và ghi rõ trong từng phiếu biểu quyết gửi cho mỗi cổ đông.

2. Cách thức biểu quyết:

- a. Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết tương ứng với các nội dung cần biểu quyết theo quy định tại Khoản 1 Điều này.
- b. Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết:
 - Mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tịch.
 - Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” của một vấn đề thì được xem như không tham dự biểu quyết vấn đề đó.
 - Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết quá một lần trong tổng số ba lần biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” của một vấn đề thì được xem như việc biểu quyết cho vấn đề đó là không hợp lệ.
 - Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm phiếu/Ban kiểm tra tư cách đại biểu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến”, Không hợp lệ.
- c. Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết:
 - Đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “x” hoặc “✓” vào ô mình chọn.
 - Trường hợp đại biểu không chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không ý kiến” của một nội dung cần thông qua thì được xem như không tham dự biểu quyết về vấn đề đó.
 - Trường hợp Đại biểu hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi việc bỏ Phiếu Biểu Quyết kết thúc vẫn được đăng ký đại biểu và biểu quyết với những vấn đề phát sinh sau khi Đại biểu đó đăng ký đại biểu nhưng không được phép tham gia biểu quyết những vấn đề đã được bỏ phiếu xong. Trong trường hợp này hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
 - *Nội dung biểu quyết không hợp lệ* là nội dung mà Đại biểu đánh dấu vào nhiều hơn một ô biểu quyết đối với cùng nội dung biểu quyết đó. Nếu Phiếu biểu quyết hợp lệ có một hoặc một số nội dung biểu quyết không hợp lệ thì các nội dung hợp lệ còn lại vẫn được tính vào kết quả biểu quyết đối với nội dung hợp lệ đó.
 - Sau khi hoàn tất tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm

phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

3. Phiếu biểu quyết hợp lệ:

- a. Phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra;
- b. Không có gạch xóa, cạo, sửa chữa, rách nát... không ghi thêm nội dung biểu quyết nào khác ngoài quy định cho phiếu này.
- c. Ký và ghi đầy đủ họ tên được viết tay của Đại biểu tham dự.
- d. Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi Đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) tình trạng biểu quyết của nội dung đó. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.

4. Phiếu biểu quyết không hợp lệ:

- a. Phiếu không do Ban tổ chức phát ra;
- b. Không ký và ghi đầy đủ họ tên của Đại biểu;
- c. Phiếu không có dấu đỏ của DSC hoặc bị tẩy xóa, cạo, sửa chữa, viết thêm bất kỳ ký hiệu, nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết;
- d. Phiếu biểu quyết có tất cả các nội dung biểu quyết không hợp lệ;
- e. Phiếu nộp khi đã mở niêm phong hòm phiếu.

5. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông (Căn cứ Điều 29 Điều lệ Công ty):

- a. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện **ít nhất 65%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:
 - Quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;
 - Tổ chức lại, giải thể công ty.
- b. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị là ứng cử viên nhận được tổng số phiếu bầu từ năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần đang lưu hành tại thời điểm bầu và được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số

thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử Công ty.

- c. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- d. Trừ những trường hợp nói trên, các quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho từ 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp có quyền biểu quyết tán thành.

Điều 11. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

Điều 12. Thi hành Quy chế

Đại biểu, khách mời dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc và biểu quyết này, các quy định, nội quy, quy chế quản trị hiện hành của công ty và các quy định pháp luật có liên quan. Đại biểu vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể, Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này gồm 12 Điều và có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội đồng cổ đông năm 2024 của Công ty biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Hội đồng quản trị Công ty (“HĐQT”) Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2023 và định hướng hoạt động năm 2024 với các nội dung sau:

1. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm 2023

Trong năm 2023, nền kinh tế Việt Nam nói riêng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức và có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng bắt nguồn từ những lý do như: Bất ổn về chính trị, kinh tế thế giới gặp khó khăn, tổng cầu phục hồi yếu, lạm phát nhiều nước vẫn ở mức cao, chuỗi cung ứng thiếu ổn định, đã ảnh hưởng đến kinh tế trong nước; Sản xuất công nghiệp tuy có chuyển biến tích cực nhưng còn chậm, chưa tạo được sự bứt tốc mạnh mẽ so với cùng kỳ năm 2022 chủ yếu do sụt giảm đơn hàng, chi phí đầu vào tăng cao, thiếu thị trường xuất khẩu đã ảnh hưởng đến nhiều ngành sản xuất công nghiệp, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến chế tạo; Thị trường BĐS tiếp tục âm ỉ, dòng tiền luân chuyển hạn chế, đặc biệt trong bối cảnh áp lực đáo hạn và trả nợ trái phiếu doanh nghiệp năm 2023 lớn. Thêm nữa, việc thu hút đầu tư nước ngoài năm 2023 chưa phát huy hiệu quả khi các nhà đầu tư chưa mở rộng quy mô đầu tư vào các dự án đang hoạt động ở Việt Nam do những khó khăn chung của kinh tế thế giới nói chung và của cộng đồng doanh nghiệp.

Tuy nhiên, khác biệt so với năm 2022, thị trường chứng khoán Việt Nam có thể được nhận định là “bứt phá trong nghịch cảnh” khi tính đến ngày 30/11, chỉ số VN-Index đạt 1.094,13 điểm, tăng 8,6% so với cuối năm 2022. Chỉ số HNX-Index đóng cửa ở mức 226,15 điểm, tăng 10,2 so với cuối năm 2022. Cùng với đó, quy mô vốn hóa và quy mô niêm yết của thị trường cổ phiếu vẫn tiếp tục tăng so với cuối năm 2022. Tính đến ngày 30/11/2023, mức vốn hóa thị trường đạt 5.754 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% so với cuối năm 2022, tương đương 60,5% GDP. Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch của thị trường tính đến cuối tháng 11/2023 đạt 2.092 nghìn tỷ đồng, tăng 5,5% so với cuối năm 2022 với 742 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở Giao dịch Chứng khoán và 859 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM¹.

Theo đà phát triển của thị trường chứng khoán trong nước, Hội đồng quản trị cùng Ban Tổng Giám đốc Công ty đã có những chỉ đạo đúng đắn và đưa ra những quyết sách kịp thời, để Công ty tận dụng và nắm bắt các cơ hội để phát triển hoạt động kinh doanh trong năm 2023. Theo đó, trong năm 2023, Công ty đã đạt được những kết quả hoạt động như sau:

1.1. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty:

- Doanh thu hoạt động năm 2023 : 438,447 tỷ đồng;
- Lợi nhuận sau thuế năm 2023 : 119,917 tỷ đồng.

¹ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (2023), *Hội nghị Tổng kết công tác năm 2023 và triển khai chương trình công tác năm 2024*, Hà Nội.

- Một số chỉ tiêu chính về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 như sau:

Đơn vị tính: tỷ đồng

CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2022	NĂM 2023	
		THỰC HIỆN	% tăng/giảm so với năm 2022
Doanh thu thuần	166,860	438,447	163%
Chi phí hoạt động	50,683	151,347	199%
Lợi nhuận trước thuế	42,396	150,166	254%
Thuế TNDN	8,949	30,249	238%
Lợi nhuận sau thuế	33,447	119,917	259%

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022, 2023

1.2. Công tác Quản trị

- Công ty đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về kinh doanh, nghĩa vụ thuế, và quản trị công ty.
- Quản trị rủi ro, tuân thủ: tăng cường công tác giám sát, tuân thủ, nhận diện các rủi ro có thể phát sinh. Mặc dù các rủi ro hoạt động là không tránh khỏi, nhưng với sự quyết liệt trong việc thực thi chính sách, DSC đã ngăn chặn được những nguy cơ tiềm tàng, có cơ hội gây tổn thất cho công ty.
- Tính minh bạch, an toàn cho giao dịch của nhà đầu tư/ khách hàng tiếp tục được tuân thủ tuyệt đối, chính sách quản lý tách bạch tài khoản của nhà đầu tư và Công ty, công cụ giám sát, báo cáo về tài sản cho khách hàng tiện dụng.
- Tiếp tục thu hút được các nhân sự tốt cùng đồng hành với công ty, chính sách đãi ngộ được cải thiện.

2. Các hoạt động của Hội đồng quản trị

2.1. Các hoạt động chung

Trong năm 2023, HĐQT nhiệm vụ đúng theo quy định tại Điều lệ Công ty, tuân thủ quy định pháp luật có liên quan, cụ thể:

- Chủ trì và chỉ đạo thành công các cuộc họp ĐHĐCĐ.
- Phân cấp/phân quyền, giao việc cho Chủ tịch HĐQT nhằm giảm bớt khối lượng công việc cho HĐQT đối với một số vụ việc mang tính hành chính, sự vụ, diễn ra thường xuyên, ổn định, nhằm mục đích để HĐQT tập trung thời gian hơn vào việc hoạch định chính sách, chủ trương và kế hoạch phát triển dài hạn của Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các NQ ĐHĐCĐ, và NQ HĐQT đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của Ban TGD trong hoạt động kinh doanh.

Bên cạnh đó, Hội đồng quản trị luôn cố gắng phối hợp hoạt động nhằm đạt được những kế hoạch đề ra.

2.2. Hoạt động của Tiểu ban trực thuộc HĐQT

Bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng của Công ty, có chức năng thực hiện dựa trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ bao gồm: Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách Pháp Luật, Điều lệ, các quyết định của,



Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này; Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ; Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ; Đánh giá việc tuân thủ các quy định Pháp Luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản; Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty; Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con,...

2.3. Hoạt động giám sát của HĐQT

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ, Quy chế Quản trị nội bộ Công ty, các Quy định, Quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, hoạt động giám sát của HĐQT gồm:

- Chủ trì, chỉ đạo và tổ chức thành công các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông năm 2023;
- Tổ chức chỉ đạo việc thực hiện nghiêm túc chế độ Báo cáo tài chính Quý, Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tài chính năm, các báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 06 tháng đầu năm, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm 2023, Báo cáo thường niên và các loại báo cáo khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước.
- Giám sát thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã ban hành, kiểm tra hoạt động điều hành của Ban Tổng Giám đốc trong các hoạt động kinh doanh;
- Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch và kịp thời theo đúng quy định;

Qua quá trình giám sát, nhờ thực hiện đúng quy trình, thủ tục kết hợp hoạt động giữa HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, công việc điều hành hoạt động kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc không bị trở ngại, việc giám sát của HĐQT và Tiểu ban Kiểm toán nội bộ được duy trì thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo hoạt động của công ty thực hiện đúng nghị quyết của HĐQT, thực hiện quản trị công ty theo chuẩn mực hành vi, đạo đức nghề nghiệp của thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc vì quyền lợi của cổ đông công ty. HĐQT đánh giá cao việc Ban Tổng Giám đốc đã triển khai nghiêm túc các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT; kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của HĐQT; đề xuất các kế hoạch kinh doanh và những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty.

2.4. Thù lao và các khoản lợi ích khác của các Thành viên HĐQT

Tổng thù lao mà HĐQT nhận được trong năm 2023 là: **2.569.500.000 VND** (Hai tỷ năm trăm sáu mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng)

3. Định hướng hoạt động năm 2024

Năm 2024, dự báo các rủi ro tiềm ẩn từ môi trường kinh tế thế giới vẫn còn hiện hữu và tiếp tục tác động tiêu cực lên triển vọng phục hồi tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Hậu quả của đại dịch Covid 19 vẫn còn dai dẳng. Lạm phát ở một số nền kinh tế lớn nhiều khả năng vẫn ở mức cao do tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt. Nợ công tiếp tục gia tăng. Tăng trưởng thương mại toàn cầu tiếp tục xu hướng thấp, chịu ảnh hưởng từ cạnh tranh địa chính trị diễn biến căng thẳng, khó lường. Áp lực từ giá dầu thô, lương thực biến động mạnh, tăng lãi suất kéo dài ở nhiều quốc gia... Khả năng phục hồi của kinh tế toàn cầu chưa rõ ràng. Theo đó, tác động từ sự suy giảm của nền kinh tế thế giới dồn nén từ thời đại dịch tới nay nhiều khả năng vẫn sẽ tiếp tục tác động,



đến nền kinh tế Việt Nam ít nhất trong nửa đầu năm 2024 trước khi đón nhận những dấu hiệu tích cực, khả quan hơn.

Để đáp ứng được thực tế khách quan này, đòi hỏi sự đoàn kết chặt chẽ và những nỗ lực to lớn của toàn thể CBCNV công ty. HĐQT sẽ tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi để Ban TGD đạt được những mục tiêu, kế hoạch tới năm 2025.

Với mục tiêu trọng tâm đó, giải pháp thực hiện hoạt động kinh doanh trong năm 2024 như sau:

- Xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ thống các quy định/quy chế hoạt động nội bộ của Công ty để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn khách quan.
- Cùng cố công tác quản trị, điều hành Công ty. Nâng cao năng suất lao động và năng lực quản lý của các cấp đặc biệt là đội ngũ quản lý tầm trung;
- Tập trung tái cấu trúc nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của các mảng kinh doanh cốt lõi và phù hợp với diễn biến của nền kinh tế & thị trường chứng khoán.
- Hoạt động mảng hỗ trợ/vận hành, quản trị đẩy mạnh quy trình hóa và từng bước IT hóa, số hóa tối đa thông tin nhằm đảm bảo tính an toàn, hiệu quả, thông suốt trong việc vận hành, quản trị Công ty;
- Đánh giá đa chiều chất lượng nhân sự hiện hữu để có hướng qui hoạch, đào tạo, bổ sung thay thế bao gồm tái cấu trúc. Chú trọng công tác xây dựng, đào tạo đội ngũ và chính sách chế độ thu nhập, phúc lợi phù hợp, có sự phân cấp hợp lý nhằm giữ và thu hút người tài, nguồn nhân lực có chất lượng và có đạo đức kinh doanh...
- Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro, kiểm tra nội bộ & đặc biệt là kiểm tra tuân thủ;
- Nâng cao ý thức kỷ luật, xây dựng môi trường đào tạo, học tập chuyên nghiệp trong toàn Công ty và thúc đẩy ý thức tự giác, hướng tới tinh thần sẵn sàng thay đổi chính mình nhằm hoàn thiện các khả năng, kỹ năng của mỗi nhân viên... và cùng nhau xây dựng, vun đắp văn hóa doanh nghiệp.

Hội đồng quản trị kính gửi Quý cổ đông báo cáo đánh giá của HĐQT đối với hoạt động của công ty năm 2023 và kế hoạch hoạt động năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn Đại hội *nhu*

Nơi nhận:

- ĐHDCĐ;
- Ban Kiểm soát; Ban TGD,
- Lưu VP HĐQT

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



NGUYỄN ĐỨC ANH

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

V/v: Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Sau đây, tôi xin thay mặt Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày trước Đại hội, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Kế hoạch kinh doanh năm 2023 của DSC,

I. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH

1. Kinh tế vĩ mô

- Trong năm 2023, nền kinh tế Việt Nam nói riêng phải đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức và có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng bắt nguồn từ những lý do như: Bất ổn về chính trị, kinh tế thế giới gặp khó khăn, tổng cầu phục hồi yếu, lạm phát nhiều nước vẫn ở mức cao, chuỗi cung ứng thiếu ổn định, đã ảnh hưởng đến kinh tế trong nước. Mặc dù vậy, Năm 2023, nền kinh tế Việt Nam đạt tăng trưởng 5,05%, cao hơn mục tiêu của chính phủ, và nhanh hơn so với tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế thế giới. Hiện nay, kinh tế Việt Nam đã có độ mở rất lớn và chịu ảnh hưởng từ diễn biến kinh tế của các đối tác lớn như Mỹ, EU hay Trung Quốc.
- Trong năm 2024, kinh tế thế giới vẫn được dự báo sẽ hồi phục chậm. Cụ thể, theo dự phóng của các định chế tài chính lớn như IMF, World Bank, BlackRock, JPMorgan, v.v., tăng trưởng GDP của Mỹ, EU, và Trung Quốc cho năm 2024 sẽ lần lượt đạt 1,5%, 1,3%, và 5%, thấp hơn đáng kể so với tăng trưởng trung bình của các nước này trong 20 năm trở lại. Trong bối cảnh đó, nền kinh tế Việt Nam được dự báo sẽ chỉ đạt mức tăng trưởng vừa phải 5 – 5,5% trong năm 2024.

2. Thị trường chứng khoán

- Thị trường chứng khoán Việt Nam đã khép lại năm 2023 với những tín hiệu tích cực. Chỉ số VN Index tăng 12,2% kể từ đầu năm, lọt top các thị trường tăng mạnh nhất châu Á. Nhìn lại diễn biến năm qua, nhìn chung thị trường đang có xu hướng phục hồi tuy nhiên vẫn có sự giằng co trên đường đi lên. Sau giai đoạn tích lũy từ cuối 2022 đến T4/2023, VN Index đã có sự bứt phá mạnh mẽ, tăng hơn 20% từ T5-T8/2023 tiệm cận mức 1.250 điểm
- Yếu tố ảnh hưởng tích cực đến thị trường trong năm qua là chính sách tiền tệ nới lỏng được NHNN thực hiện với 4 lần cắt giảm mạnh lãi suất điều hành. Mặt bằng lãi suất xuống mức rất thấp là yếu tố hỗ trợ cho dòng tiền chảy vào TTCK. Tuy vậy, các yếu tố vĩ mô như tăng trưởng nền kinh tế trong nước phục hồi nhưng chậm hơn kỳ vọng, hoạt động kinh doanh còn nhiều khó khăn, sự bấp bênh của kinh tế thế giới và các biến động địa chính trị đã kìm hãm đà phục hồi của thị trường

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2023

1. Tình hình tài chính

Tình hình vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
Vốn điều lệ	1.000.000.000.000	2.048.389.250.000
Vốn kinh doanh	2.409.334.003.474	4.122.648.226.916

Tình hình công nợ

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2022	31/12/2023
Tổng nợ phải thu	38.540.167.613	438.717.512.616
Tổng nợ phải trả	1.343.845.964.151	1.888.854.149.281

(Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2022; BCTC đã kiểm toán năm 2023 của DSC)

2. Cơ cấu tổng tài sản năm 2023

Thay đổi trong cơ cấu tài sản

	Đơn vị	2023	2022	Thay đổi
Tài sản ngắn hạn	Triệu VND	4.083.141	2.371.155	72%
Tài sản dài hạn	Triệu VND	39.507	38.179	3%
Tổng tài sản	Triệu VND	4.122.648	2.409.334	71%
Nợ phải trả ngắn hạn	Triệu VND	1.887.721	1.343.846	40%
Nợ phải trả dài hạn	Triệu VND	1.133	0	%
Nợ phải trả	Triệu VND	1.888.854	1.343.846	41%
Vốn chủ sở hữu	Triệu VND	2.233.794	1.065.488	110%
Tổng nguồn vốn	Triệu VND	4.122.648	2.409.334	71%

Nguồn: DSC.

- Hoạt động cho vay ký quỹ cũng gia tăng tích cực so với năm 2022. Dư nợ cho vay margin tại thời điểm 31/12/2023 tăng 49% so với đầu năm. Dư nợ cho vay margin tăng cao xuất phát từ tâm lý nhà đầu tư cá nhân trong nước đã tích cực hơn trong bối cảnh lãi suất giảm, chứng khoán trở thành kênh đầu tư hấp dẫn so với ngân hàng.

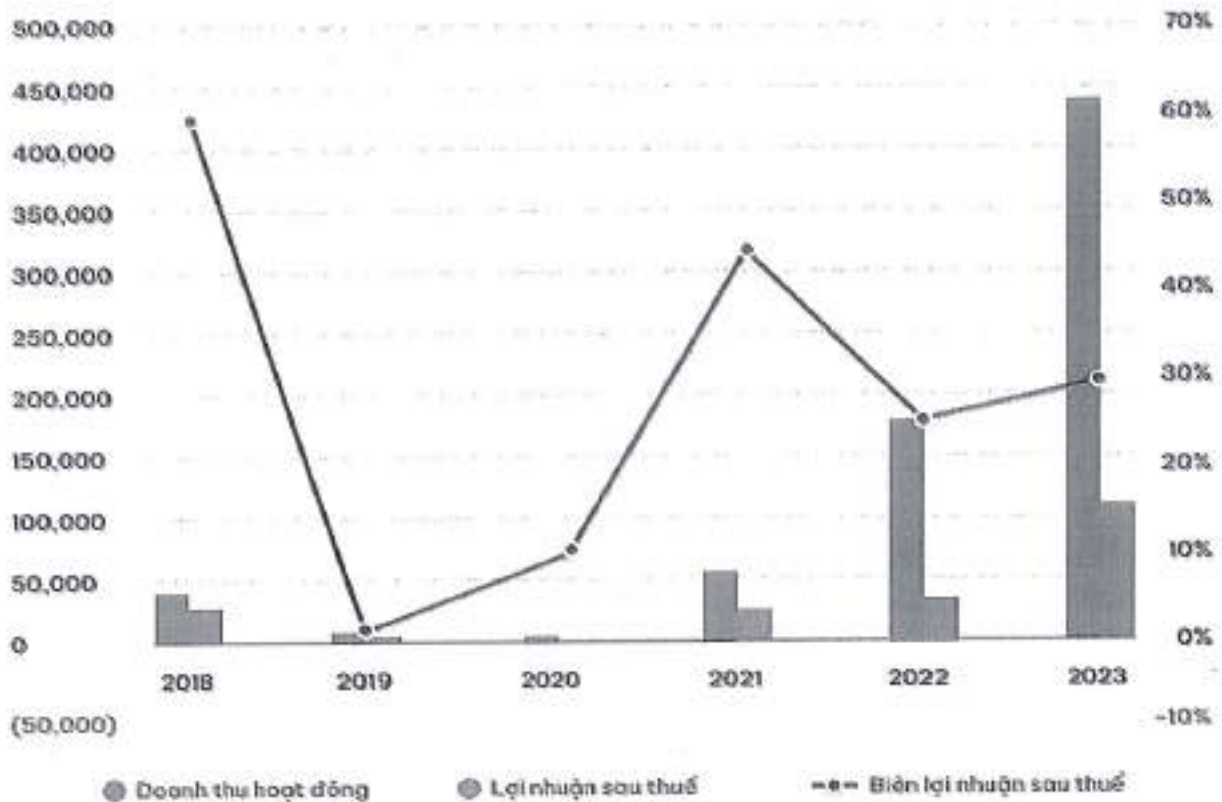
Cùng với những chính sách cho vay kích cầu giao dịch của DSC. Bên cạnh đó, DSC vẫn duy trì được chính sách quản lý rủi ro chặt chẽ, dự báo sớm và xử lý kịp thời những thời điểm thị trường dao động mạnh ảnh hưởng tới khách hàng. Năm 2023, hoạt động cho vay được thúc đẩy với các chính sách cho vay linh hoạt, đáp ứng mọi nhu cầu vốn giao dịch của khách hàng.

- Sau khi tăng vốn, cơ cấu nguồn vốn của DSC hiện nay chủ yếu bao gồm Vốn chủ sở hữu và nợ vay ngắn hạn. Công ty chưa có các nguồn huy động từ trái phiếu mà chủ yếu là vay ngân hàng với lãi suất tương đối thấp, do đó có thể thấy rằng DSC còn rất nhiều dư địa để huy động vốn đặc biệt là kênh trái phiếu và cổ phiếu.
- Nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2023 là 1,889 tỷ VNĐ, tăng 41% so với cùng kỳ năm trước. Nguồn vốn vay tăng nhưng DSC vẫn tiếp tục đảm bảo thanh khoản ở mức cao, không phát sinh sự cố rủi ro nào và không để phát sinh chậm nợ với ngân hàng. Hình thức vay cũng đa dạng hóa, linh hoạt tối đa. Việc cân đối kỳ hạn các khoản vay khác nhau luôn đảm bảo có lợi nhất về lãi suất trên cơ sở dự đoán đúng xu hướng biến động của thị trường. Việc cân đối kỳ hạn giữ các nguồn vay và tài sản cũng được tối ưu hóa không chỉ về thanh khoản mà cả lãi suất

3. Kết quả kinh doanh

- Trải qua hơn 20 năm thăng trầm và chứng kiến những biến động của TTCK, DSC kiên định đi theo hướng đa dạng hóa sản phẩm dịch vụ thuộc các mảng kinh doanh chính bao gồm Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Cá nhân và Dịch vụ Chứng khoán Khách hàng Tổ chức (môi giới, lưu ký, tư vấn đầu tư).
- Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư (tư vấn tài chính cho khách hàng doanh nghiệp), Đầu tư, Nguồn vốn và Kinh doanh Tài chính, nhằm cung cấp cho Khách hàng trọn gói dịch vụ, giúp cho Khách hàng có thể tối ưu hóa vốn đầu tư và linh hoạt kinh doanh.
- Công ty tiếp tục dành nhiều nguồn lực nghiên cứu, phát triển đa dạng các sản phẩm để cung cấp tới nhà đầu tư, xây dựng và cải tiến hệ thống công nghệ thông tin song song với nâng cao chất lượng đội ngũ nhân sự nhằm sẵn sàng đáp ứng tốt nhất yêu cầu của khách hàng.

Kết quả kinh doanh giai đoạn 2018 - 2023



Nguồn: DSC.

Kết quả kinh doanh so với năm trước

Chỉ tiêu	Đơn vị	2023	2022	Thay đổi
Doanh thu hoạt động	Triệu VND	438.447	166.860	163%
Trong đó:				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	Triệu VND	148.026	45.354	226%
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	Triệu VND	17.907	46.937	-62%
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	Triệu VND	135.357	47.640	184%
Lãi từ tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	Triệu VND	0	0	-
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	Triệu VND	103.914	25.931	301%
Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	Triệu VND	0	100	-
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	Triệu VND	27.640	0	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	Triệu VND	2.224	796	179%
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	Triệu VND	3.168	100	3068%

<i>Doanh thu hoạt động khác</i>		212	2	10697%
Chi phí hoạt động	Triệu VND	151.347	50.683	199%
Lợi nhuận gộp hoạt động	Triệu VND	287.100	116.177	147%
Doanh thu hoạt động tài chính	Triệu VND	2.315	644	259%
Chi phí hoạt động tài chính	Triệu VND	100.847	42.154	139%
Chi phí quản lý	Triệu VND	38.402	32.110	20%
Lợi nhuận khác	Triệu VND	(0)	-161	-100%
Tổng LN kế toán trước thuế	Triệu VND	150.166	42.396	254%
Chi phí thuế TNDN	Triệu VND	30.249	8.949	238%
LN kế toán sau thuế	Triệu VND	119.917	33.447	259%

Mức độ hoàn thành kế hoạch năm

Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	Hoàn thành
Doanh thu hoạt động	Triệu VND	438.447	280.744	56%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu VND	119.917	76.961	56%

- Kết thúc năm 2023, doanh thu hoạt động đạt giá trị 438 tỷ đồng, tăng 56% so với kế hoạch đề ra. Trong đó, lãi ghi nhận từ tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL); lãi từ các khoản cho vay và phải thu; doanh thu nghiệp vụ môi giới đều tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước và mang lại doanh thu chính khi chiếm lần lượt 34%; 31% và 24% cơ cấu doanh thu hoạt động. Nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán và tư vấn tài chính doanh nghiệp cũng tăng mạnh so với cùng kỳ năm trước, chiếm hơn 6% cơ cấu doanh thu hoạt động.
- Để đảm bảo hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, sự tăng trưởng của doanh thu luôn đi cùng với tăng trưởng chi phí. Trong đó, chi phí hoạt động và chi phí quản lý tăng lần lượt là 199%, và 20% so với cùng kỳ năm trước. Chi phí tài chính tăng 139% so với đầu năm, nguyên nhân là do công ty tăng các khoản vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh.
- Lợi nhuận sau thuế đạt 119,9 tỷ đồng, tăng 259% so với cùng kỳ năm trước và vượt 56% kế hoạch năm.

Các chỉ số tài chính quan trọng

Chỉ số tài chính	Đơn vị	2022	2021
Chỉ số về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,16	1,76
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,16	1,76
Chỉ số về cơ cấu vốn			

Hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản	Lần	0,46	0,56
Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH	Lần	0,85	1,26
Chỉ số về năng lực hoạt động			
Vòng quay tổng tài sản	Lần	0,11	0,08
Chỉ số về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/ Doanh thu thuần	%	27,4%	20,0%
Hệ số LNST/ Vốn CSH	%	5,4%	3,2%
Hệ số LNST/ Tổng tài sản	%	2,9%	1,6%
Hệ số LN từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	34,2%	25,5%

Nguồn: DSC.

- **Các chỉ số về khả năng thanh toán:** đã tăng lên hơn 2. Mức chỉ số tương đương 2,16 lần cho thấy DSC đã sử dụng nguồn lực ngắn hạn triệt để hơn so với cùng kỳ năm trước, đồng thời vẫn giữ vững khả năng thanh khoản cao và an toàn, sẵn sàng tiếp cận những cơ hội đầu tư ngắn hạn cũng như chi trả các chi phí tài chính cần thiết khi đến hạn;
- **Tỉ lệ công nợ:** đã giảm so với cùng kỳ năm trước, với hệ số Nợ phải trả / Tổng tài sản chỉ ở mức 0,46 lần và Hệ số Nợ phải trả / Vốn CSH chỉ ở mức 0,85 lần. Mặc dù mức nợ vay tăng (chủ yếu là nợ ngắn hạn), song áp lực trả nợ của DSC là không lớn do khả năng thanh toán ổn định với lượng tài sản ngắn hạn, thanh khoản cao dồi dào.
- **Về năng lực hoạt động:** Chỉ số vòng quay tổng tài sản tăng so với năm trước ở mức 0,11 cho thấy DSC đã sử dụng nguồn vốn hiệu quả hơn trong hoạt động kinh doanh.
- **Khả năng sinh lời:** Vẫn duy trì ở mức cao. Trong năm 2023, khi tình hình kinh tế vượt qua được khủng hoảng và TTCK tăng trưởng trở lại, cùng với các chính sách, các gói sản phẩm mới sắp ra mắt, nhiều tín hiệu tích cực cho thấy các chỉ số này sẽ tiếp tục tăng trưởng tích cực trong các năm sau đó.

4. Tình hình hoạt động

KHỐI KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN

Năm 2023 là năm khởi Tur vắn đầu tư của DSC bắt đầu có những dấu ấn rõ nét của mình trên thị trường chứng khoán, đóng góp đáng kể vào doanh thu phí môi giới và dư nợ cho vay ký quỹ của toàn công ty.

Kênh phân phối tiếp tục được củng cố về số lượng và chất lượng với ba địa bàn hoạt động là Hà Nội, Hồ Chí Minh và Đà Nẵng. Nhân sự của khối khách hàng cá nhân DSC hầu hết có kinh nghiệm lâu năm và được đánh giá cao trên thị trường.

Khối Tur vắn đầu tư đã cùng đồng hành, tạo thêm giá trị cho nhà đầu tư bằng những sản phẩm phù hợp của DSC, cùng khách hàng vượt qua những giai đoạn khó khăn nhất của thị trường 2 năm vừa qua.



Năm 2024 tiếp tục sẽ là một năm đầy thách thức nhưng được đánh giá là nhiều cơ hội với triển vọng phục hồi của nền kinh tế và kỳ vọng vào câu chuyện nâng hạng. Khi KRX được đưa vào vận hành chính thức, thanh khoản thị trường cũng chắc chắn sẽ được gia tăng, cùng với đó là những sản phẩm mới được triển khai.

KHỞI VẬN HÀNH

Với định hướng nâng cao chất lượng dịch vụ, năm 2023 DSC đã tập trung cải thiện nhiều tính năng, giao diện (app/web trading) thân thiện để sử dụng hơn cho người dùng, bổ sung các tiện ích giúp khách hàng giao dịch được thuận lợi, nhanh chóng. Hệ thống Core sau 1 năm đi vào vận hành ổn định đã đảm bảo việc xử lý dữ liệu chính xác, tốc độ xử lý lệnh thuộc топ đầu thị trường giúp nhà đầu tư hoàn toàn yên tâm, tin tưởng khi giao dịch tại DSC.

Tính năng mở tài khoản eKYC (định danh khách hàng điện tử) kết hợp e-Signature (Chữ ký điện tử) tiếp tục được đánh giá là 1 tính năng dịch vụ vượt trội, ưu việt của DSC. Tỷ lệ khách hàng mở tài khoản qua EKYC đạt trên 95%/tổng số tài khoản mở mới trong năm 2023.

Quý 2/2023 DSC thực hiện điều chỉnh chính sách cho vay giao dịch ký quỹ: Áp dụng miễn lãi T0 cho tất cả các khoản vay đã được giải ngân của khách hàng. Đây là một chính sách hỗ trợ hiệu quả đối với các khách hàng sử dụng dịch vụ giao dịch ký quỹ, giúp tối ưu chi phí, tăng vòng quay vốn và sử dụng hiệu quả tiền vốn đầu tư.

Trong quý 4/2023 DSC đã nâng cấp các dịch vụ tư vấn, chăm sóc khách hàng từ trực tiếp sang tự động hóa thông qua việc đào tạo và đưa vào hoạt động CHATBOT AI thông minh.

Sở hữu đội ngũ nhân sự có chuyên môn cao và dày dạn kinh nghiệm thị trường, DSC luôn sẵn sàng và chuẩn bị những điều kiện phù hợp để có thể cung cấp dịch vụ tốt nhất và các giải pháp kinh doanh cho khách hàng với sự cẩn trọng, chuyên nghiệp và trách nhiệm cao nhất.

KHỞI CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

DSC luôn chú trọng quan tâm, đầu tư mạnh mẽ về hạ tầng và công nghệ ứng dụng với nhiệm vụ cốt lõi là chuyển đổi số đối với hoạt động vận hành, kinh doanh, quản trị. Trong năm 2023 các dự án CNTT tiếp tục được triển khai và đã hoàn tất các dự án đầu tư nâng cấp mở rộng hạ tầng CNTT sẵn có. Trong đó, hạ tầng phục vụ hệ thống Core giao dịch đã được tiếp tục nâng cấp tăng gấp nhiều lần về năng lực xử lý; các hệ thống về máy chủ, network, security khác đều được đầu tư đảm bảo cập nhật công nghệ mới, tính dự phòng và mở rộng cho toàn hệ thống.

Cũng trong năm 2023 DSC đã thực hiện chuyển thành công toàn bộ hệ thống máy chủ, thiết bị lưu trữ và hạ tầng CNTT về tại IDC VNPT đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế đảm bảo hoạt động ổn định và liên tục.

DSC đã thành lập đội ngũ Phát triển ứng dụng nhằm tăng tính chủ động trong việc xây dựng các ứng dụng phù hợp với yêu cầu chuyên biệt hóa của khách hàng và nghiệp vụ phát sinh. Đã áp dụng phương pháp làm việc linh hoạt (agile), kiến trúc ứng dụng mới (microservice), vận hành DevOps tự động hóa việc triển khai để có thể phát triển tính năng mới và nâng cấp các ứng dụng một cách nhanh chóng và hiệu quả.

Hoạt động quản trị rủi ro

Công tác kiểm tra, kiểm soát và quản trị rủi ro của DSC chú trọng thực hiện, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tế nhằm ngăn ngừa và giảm thiểu rủi ro, đảm bảo an toàn cho từng lĩnh vực hoạt động kinh doanh, bao gồm: (1) Xây dựng cơ cấu tổ chức (2) Hoàn thiện hệ thống văn bản nội bộ (3) Triển khai các hoạt động kiểm soát tuân thủ (4) Quản trị rủi ro trong hoạt động cho vay giao dịch ký quỹ.

III. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2024

1. Kế hoạch kinh doanh năm 2024

Ban Tổng Giám đốc đặt ra mục tiêu trong năm 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch kinh doanh 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	423
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	223
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	200

2. Phát triển nguồn nhân lực

Bên cạnh việc đẩy mạnh phát triển kinh doanh, mở rộng quy mô nhân sự đáp ứng yêu cầu hoạt động kinh doanh, DSC cũng xây dựng các kế hoạch để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, bắt kịp với xu thế của cách mạng 4.0 như:

- Xây dựng các chương trình đào tạo chuyên môn nội bộ do chính cán bộ quản lý đào tạo và các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng nghiệp vụ nội bộ/ thuê ngoài.
- Nâng cao chất lượng, tiêu chuẩn nhân sự làm nghề, tư vấn: 100% nhân sự tư vấn, môi giới và nhân sự nghiệp vụ liên quan có chứng chỉ hành nghề.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách nhân sự nhằm thu hút và giữ chân đội ngũ nhân sự nòng cốt.
- Đón đầu tuyển dụng nhân sự tại các trường đại học, trẻ hóa đội ngũ nhân sự với tinh thần, nhiệt huyết của tuổi trẻ đam mê học hỏi, sáng tạo.
- Thực hiện số hóa công tác quản trị nhân lực: áp dụng phần mềm nhân sự.
- Thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật liên quan đến người lao động.

3. Phát triển công nghệ

Hướng tới 2024, lộ trình phát triển CNTT của DSC được định hướng theo khía cạnh: Nhanh chóng tiếp cận thị trường, hỗ trợ giao dịch, phát triển khách hàng và dịch vụ mới, bảo mật thông tin, phân tích thông tin và tự động hóa, cụ thể:

- **Hỗ trợ giao dịch:** Cung cấp các thông tin và công cụ để khách hàng có thể tự nghiên cứu và ra quyết định.
- **Phát triển khách hàng và dịch vụ mới:** Hướng tới tự động hóa tối đa quy trình tương tác khách hàng. Xây dựng hệ thống toàn diện Quản lý khách hàng (CRM) cho Dịch vụ khách hàng
- **Tăng tốc độ giao dịch:** Toàn bộ hạ tầng công nghệ thông tin, từ vị trí đặt máy chủ và thiết bị lưu trữ cho tới kênh truyền tới các Sở giao dịch chứng khoán sẽ được rà soát và cải tiến để giảm độ trễ giao dịch về mức tối thiểu, mở rộng các nền tảng giao dịch lõi hiện tại để có khả năng đáp ứng số lượng lớn giao dịch tới các Sở giao dịch Chứng khoán với độ trễ thấp nhất.
- **Bảo mật thông tin:** Đây là một trong các mục tiêu trọng yếu, Công ty không ngừng cung cấp các dịch vụ trực tuyến tiện lợi nhất cho khách hàng đồng thời đảm bảo an ninh thông tin. Tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào an ninh bảo mật thông tin cả về hạ tầng, công nghệ lẫn con người để đáp ứng yêu cầu, đảm bảo các giao dịch của khách hàng an toàn và tin cậy. Thường xuyên xây dựng và sửa đổi các quy định về xử lý dữ liệu cá nhân của khách hàng tuân thủ quy định của Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân và các quy định pháp luật liên quan.
- **Sẵn sàng cho hệ thống lõi KRX mới của Sở giao dịch Chứng khoán:** Tiếp tục đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghệ và hệ thống để đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn kết nối tới Sở giao dịch Chứng khoán. Bên cạnh đó, tiếp tục chuẩn bị cho các sản phẩm/dịch vụ tài chính mới sẵn sàng cung cấp cho khách hàng khi hệ thống lõi KRX mới chính thức đi vào hoạt động.
- **Phân tích thông tin và trí tuệ nhân tạo:** Tập trung xây dựng năng lực tổ chức thông tin - lưu trữ thông tin và hoàn thiện hệ thống, nền tảng quản lý dữ liệu, phát triển công nghệ mới trong việc phân tích dữ liệu để hỗ trợ khách hàng và đội ngũ DSC liên tục nắm bắt kịp thời cơ hội kinh doanh theo điều kiện thị trường.
- **Tự động hóa tối đa các công việc để tối ưu và giảm thiểu rủi ro trong quá trình vận hành:** Áp dụng công nghệ để tối ưu và tự động hóa các quy trình, các tác vụ lặp đi lặp lại.

Trên đây là Báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua và ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt việc điều chỉnh kế hoạch (nếu cần) để phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế



của Công ty trong năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua!

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Chứng khoán DSC;
- HDQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu VP



MỘT *

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2024**

Ban kiểm soát Công ty ("BKS") Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC xin báo cáo tình hình và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023 với các nội dung sau:

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA BAN KIỂM SOÁT:

1. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Năm 2023, Ban Kiểm soát đã triển khai hoạt động giám sát, kiểm tra kiểm soát trong Công ty theo đúng chức năng nhiệm vụ, bao gồm tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị (HDQT) với Ban Tổng giám đốc (TGD) trong một số giải pháp cụ thể của Công ty, như sau:

- Giám sát việc chấp hành Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HDQT.
- Rà soát các Báo cáo tài chính trong năm 2023; đánh giá công tác quản lý của HDQT, công tác điều hành kinh doanh, tài chính kế toán của TGD và các nội dung khác có liên quan.
- BKS chủ động liên lạc, trao đổi thông tin, tài liệu với Công ty và đề ra các giải pháp cụ thể trong việc thực hiện các nhiệm vụ của BKS nhằm tăng cường vai trò quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ.

Trong quá trình làm việc, BKS luôn nhận được sự ủng hộ và phối hợp kịp thời của HDQT và TGD Công ty.

Trong năm qua, BKS không nhận được bất cứ khiếu nại nào của cổ đông.

Ban Kiểm soát Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong năm 2023.

2. Giám sát hoạt động của HDQT và Ban Tổng Giám đốc

2.1. Đánh giá của BKS với hoạt động của HDQT

- Công tác quản trị được thực hiện theo đúng Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Hoạt động quản trị đảm bảo tính công khai, minh bạch, tập trung vào chiến lược kinh doanh và hướng đến mục tiêu hiệu quả.
- HDQT tổ chức các cuộc họp định kỳ và bất thường theo đúng quy định. Các cuộc họp đều có nội dung cụ thể, được ghi biên bản và ban hành Nghị quyết chỉ đạo các bên thực hiện.
- Trong nhiệm kỳ này, HDQT đã trình Đại hội cổ đông sửa đổi một số điều của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, ban hành quy chế hoạt động của HDQT, BKS;



quy chế tài chính và nhiều quy chế hoạt động, văn bản, nghị quyết, quyết định tạo cơ sở cho việc quản trị có hệ thống, tập trung và thống nhất.

2.2. Đánh giá của BKS đối với hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- Ban TGD đã thực hiện nhiều giải pháp tăng cường công tác quản lý tài chính thông qua việc kiểm soát các khoản chi phí, công nợ khách hàng, quản lý công tác nghiệp vụ hướng đến mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT đề ra.
- Chủ động triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với cổ đông và chăm lo đời sống cho người lao động.
- Tập trung giải quyết các mặt hạn chế của Công ty, nâng cao hiệu quả hoạt động, giảm thiểu chi phí.

3. Về công tác kế toán tài chính và thẩm định BCTC năm 2023:

Qua xem xét, Ban Kiểm soát nhận thấy công tác tài chính kế toán đã được thực hiện theo đúng quy định hiện hành:

- Hệ thống chứng từ kế toán, ghi chép sổ sách kế toán được lập rõ ràng và lưu trữ đúng quy định.
- Báo cáo tài chính năm 2023 bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán, bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính. Các báo cáo tài chính năm trong năm 2023 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM. Theo kết luận của đơn vị kiểm toán, BCTC của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý, đầy đủ, rõ ràng, phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành

4. Về hoạt động kinh doanh:

Kết quả kinh doanh năm 2023, cụ thể như sau:

(Đơn vị tính: triệu đồng)

CHI TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2022	NĂM 2023	
		THỰC HIỆN	% tăng/giảm so với năm 2022
Doanh thu hoạt động	166,860	438,447	163%
Chi phí hoạt động	50,683	151,347	199%
Lợi nhuận trước thuế	42,396	150,166	254%
Thuế TNDN	8,949	30,249	238%
Lợi nhuận sau thuế	33,447	119,917	259%

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022, 2023 của DSC)

II. MỘT SỐ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ CỦA BKS:

- Hoàn thiện, tăng cường công tác đào tạo, tuyển dụng cán bộ có năng lực, kinh nghiệm, cán bộ nhân viên để nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh nhiệm năm tiếp theo.
- Chú trọng công tác quản trị rủi ro và phòng ngừa, tổ chức bộ phận quản trị rủi ro tại Công ty.

III. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BKS NĂM 2024

Kế hoạch công tác của BKS trong năm 2024 như sau:

- Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các mặt hoạt động điều hành, quản lý của HĐQT, Ban TGD theo quy định của Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị trong quá trình sản xuất kinh doanh trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ của công ty;
- Thẩm định tính hợp lý của các văn bản, quy chế quản lý nội bộ và việc áp dụng thực tế nhằm bám sát nghị quyết của Đại hội cổ đông. Đề xuất Công ty điều chỉnh, bổ sung các văn bản, quy chế quản lý nội bộ nếu xét thấy cần thiết;
- Kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Công ty định kỳ theo quy định của pháp luật hoặc khi Ban Kiểm soát xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập thực hiện soát xét Báo cáo tài chính bán niên, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên và kiểm toán BCTC năm, Báo cáo Tỷ lệ An toàn tài chính năm cho Công ty.
- Duy trì sự phối hợp công tác chặt chẽ giữa BKS với HĐQT, Ban TGD của Công ty;
- Tham gia các cuộc họp của HĐQT định kỳ và bất thường để theo sát tình hình của công ty.

Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Chứng khoán DSC;
- HĐQT; Ban TGD
- Lưu BKS

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**


NGUYỄN THỊ HIỀN NGỌC



Số: 04/2024/TTr-ĐHĐCĐ/DSC

TỜ TRÌNH

V/v: thông qua các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc


Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC ("Công ty");
- Các Báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

1. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, định hướng hoạt động năm 2024;
2. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2023, Kế hoạch hoạt động năm 2024;
3. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua. / 

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Chứng khoán DSC;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC ANH

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC ("Công ty");
- Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua Báo cáo tài chính và Báo cáo Tỷ lệ an toàn tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội.

Báo cáo tài chính năm 2023 đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải trên website của Công ty, bao gồm:

1. Báo cáo kiểm toán độc lập;
2. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2023;
3. Báo cáo kết quả hoạt động cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023;
4. Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023;
5. Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.
7. Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31/12/2023.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua. /nl

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Chứng khoán DSC;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC ("Công ty");
- Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội;
- Kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch kinh doanh năm 2024.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

1. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2023

Chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
1. Lợi nhuận sau thuế năm 2023	119.916.788.312
2. Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	9.000.000.000
3. Chia cổ tức	0
4. Lợi nhuận chưa phân phối chuyển năm 2024	184.628.313.871

2. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI NĂM 2024

Trong năm 2024 Công ty sẽ tiếp tục thực hiện chính sách thưởng cho CBNV Công ty theo nguyên tắc nếu vượt Kế hoạch thì HĐQT trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 20% phần lợi nhuận sau thuế vượt kế hoạch. Trường hợp kết quả kinh doanh chưa đạt kế hoạch thì mức thưởng sẽ là 01 tháng lương tiền lương của cán bộ, nhân viên. ĐHĐCĐ giao HĐQT xem xét quyết định cụ thể việc trích và thực hiện thưởng phù hợp với quy định và thực tế hoạt động của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Chứng khoán DSC;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VP HĐQT.



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC ("Công ty");
- Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội;
- Kết quả kinh doanh năm 2023 và Kế hoạch kinh doanh năm 2024,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua quyết toán thù lao của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023 và phương án thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 như sau:

1. Quyết toán thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2023 như sau:

STT	Thù lao	Năm 2023 (VND)
1	Hội đồng Quản trị	2.439.500.000
2	Ban Kiểm soát	130.000.000
	Tổng	2.569.500.000

2. Phương án thù lao cho Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty năm 2024:

STT	Thù lao	Năm 2024 (VND)
1	Hội đồng Quản trị	3.224.000.000
2	Ban Kiểm soát	130.000.000
	Tổng	3.838.000.000

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua./v

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Chứng khoán DSC;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC ("Công ty");
- Báo cáo của Tổng Giám đốc Công ty về Kết quả kinh doanh năm 2023 và kế hoạch Kinh doanh năm 2024;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2024 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch kinh doanh 2024
1	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	423
2	Tổng chi phí	Tỷ đồng	223
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	200

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh, báo cáo ĐHCĐ tại kỳ họp gần nhất.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua. ✓

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Chứng khoán DSC;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN ĐỨC ANH

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán cho BCTC, Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán cho BCTC, Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2024 như sau:

1. Thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để kiểm toán cho BCTC, Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2024. Cụ thể:

a. Danh sách các công ty kiểm toán độc lập:

STT	Tên công ty kiểm toán độc lập	Tiêu chuẩn
1	Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội;	Đều là các tổ chức kiểm toán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép thực hiện kiểm toán đối với các công ty niêm yết, hoàn toàn độc lập với Công ty và các cán bộ quản lý của Công ty.
2	Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY;	
3	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO.	

b. Các công việc tiến hành:

- soát xét báo cáo tài chính, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính bán niên;
- kiểm toán báo cáo tài chính năm và báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính năm của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019; Thông tư 121/2020/TT-BTC ngày 15/02/2021 quy định về hoạt động của công ty chứng khoán và hệ thống văn bản pháp luật hiện hành.
- Danh sách công ty kiểm toán độc lập bao gồm:





SECURITIES

2. Thông qua việc ủy quyền và giao cho HĐQT lựa chọn một trong các công ty kiểm toán độc lập theo danh sách đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua để kiểm toán cho BCTC, Báo cáo Tỷ lệ ATTC năm 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét thông qua./.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Chứng khoán DSC;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH





CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN DSC

-----***-----

Số: 10/2024/TTr-ĐHĐCĐ/DSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua việc niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC ("Công ty" hoặc "DSC");
- Nghị quyết ĐHĐCĐ số 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 05/10/2023 và tờ trình ĐHĐCĐ số 10/2023/TTr-ĐHĐCĐ/DSC ngày 04/07/2023 của CTCP Chứng khoán DSC;
- Nhu cầu và tình hình hoạt động thực tế của Công ty,

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc tiếp tục niêm yết cổ phiếu của Công ty như sau:

- Thông qua việc hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu DSC tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và thực hiện việc niêm yết toàn bộ cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) với thông tin như sau:
 - Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC
 - Nơi đăng ký niêm yết dự kiến: Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX)
 - Số lượng : Toàn bộ cổ phiếu DSC tại thời điểm hủy đăng ký giao dịch cổ phiếu DSC tại HNX và đăng ký niêm yết tại HSX
 - Thời gian dự kiến : Giao và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời điểm phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, tình hình thị trường và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
- Thông qua việc ủy quyền và giao cho HĐQT:



- a. Chuẩn bị, thực hiện và hoàn tất các hồ sơ/thủ tục cần thiết liên quan đến việc niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và hủy giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (nếu có);
- b. Quyết định giá niêm yết, quyết định thời điểm thích hợp để hủy việc đăng ký giao dịch cổ phiếu DSC tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và thực hiện việc niêm yết toàn bộ cổ phiếu của Công ty tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HSX) trong năm 2024 hoặc thời điểm khác phù hợp với tình hình kinh doanh của Công ty, tình hình thị trường và đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật;
- c. Được toàn quyền quyết định và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến thủ tục, hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty tại Sở Giao dịch chứng khoán; bao gồm cả việc quyết định và xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ (nếu có) trong quá trình thực hiện;
- d. Ký, ký kết các giấy tờ, văn bản liên quan đến việc thực hiện niêm yết cổ phiếu;
- e. Hoàn thiện và giải trình hồ sơ đăng ký niêm yết gửi Sở giao dịch Chứng khoán và các Cơ quan nhà nước có liên quan (nếu có);
- f. Báo cáo ĐHĐCĐ tiến độ, kết quả việc đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty cho đến khi hoàn thành việc niêm yết cổ phiếu theo quy định.

Trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị được quyền giao/ủy quyền lại đối với một phần hoặc nội dung được giao/ủy quyền nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua! ✓

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Chứng khoán DSC;
- HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu VP Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



BÁO CÁO

V/v: Thông qua Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt tăng vốn điều lệ năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC ("Công ty");
- Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội;
- Tình hình sử dụng vốn điều lệ thực tế trong năm 2023,

Hội đồng quản trị kính trình và báo cáo Đại hội đồng cổ đông Công ty về kết quả của đợt tăng vốn năm 2023 và tình hình sử dụng số tiền thu được từ các đợt tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 2.048 tỷ đồng với các nội dung sau:

1. Kết quả tăng vốn điều lệ năm 2023:

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn: 1.000.000.000.000 (Một nghìn tỷ) đồng
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn: 2.048.389.250.000 (Hai nghìn không trăm bốn mươi tám tỷ ba trăm tám mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng
- Tổng số cổ phiếu sau khi tăng vốn: 204.838.925 cổ phiếu
- Tổng số tiền thu được sau khi tăng vốn: 1.048.389.250.000 đồng. Trong đó:

Đợt chào bán/Phát hành	Số tiền
Số tiền thu được từ đợt phát hành quyền mua cổ phần cho cổ đông hiện hữu nhằm tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng	999.552.250.000 đồng
Số tiền thu được từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động	48.837.000.000 đồng

2. Báo cáo tình hình sử dụng thực tế số tiền thu được từ đợt tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 2.048 tỷ đồng như sau:

Đến thời điểm 31/12/2023, Công ty đã sử dụng số tiền thu được từ các đợt tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 2.048 tỷ đồng để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty theo Phương án sử dụng vốn đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại:

- Các Nghị quyết ĐHĐCĐ: (1) Nghị quyết ĐHĐCĐ số 02/2022/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 12/12/2022 (2) Nghị quyết ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 31/03/2023.
- Các Nghị quyết của HĐQT: (1) Nghị quyết HĐQT số 03/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 12/01/2023 (2) Nghị quyết HĐQT số 06/2023/NQ-HĐQT/DSC ngày 20/02/2023.

Cụ thể tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt tăng vốn điều lệ từ 1.000 tỷ đồng lên 2.048 tỷ đồng được thể hiện chi tiết như sau:

PHÂN BỐ SỬ DỤNG	KẾ HOẠCH ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT		TÌNH HÌNH THỰC TẾ		
	Số tiền dự kiến sử dụng	Thời gian dự kiến sử dụng	Số tiền đã sử dụng	Tỷ lệ/tổng số tiền thu được từ đợt chào bán (%)	Thời gian sử dụng
Bổ sung vốn cho hoạt động cho vay giao dịch chứng khoán ký quỹ	49% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	Trong năm 2023	694.232.250.000 (*)	66,2%	Từ 31/7/2023 đến 11/08/2023
Bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư tự doanh chứng khoán	49,5% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	Trong năm 2023	3.600.000.000 (*)	0,3%	Từ 04/08-08/08/2023
Bổ sung vốn nâng cao năng lực tài chính của Công ty để thực hiện các hợp đồng bảo lãnh phát hành	1% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	Trong năm 2023	0	0%	
Bổ sung vốn cho việc cung cấp dịch vụ/Thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến chứng khoán phái sinh, chứng quyền có bảo đảm	0,3% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	Trong năm 2023	0	0%	
Bổ sung vốn cho các hoạt động hợp pháp khác của Công ty	0,2% tổng số tiền thu được từ đợt chào bán	Trong năm 2023	350.557.000.000 (***)	33,4%	Trả nợ vay ngân hàng BIDV – Chi nhánh Đồng Hà Nội và Ngân hàng Vietcombank

- (*) *Tính tới thời điểm ngày 31/12/2023 số tiền giải ngân cho vay ký quỹ và ứng trước tiền bán chứng khoán cho Khách hàng là 432.878.226.659 đồng tương đương với 41% trên tổng số tiền thu được từ đợt chào bán.*
- (**) *Tính tới thời điểm ngày 31/12/2023 số tiền sử dụng vào hoạt động đầu tư chứng khoán tự doanh là 114.521.773.341 đồng tương đương với 11% trên tổng số tiền thu được từ đợt chào bán.*
- (***) *Trả nợ vay các ngân hàng TMCP sau: (1) BIDV – Chi nhánh Đông Hà Nội ngày 18/07/2023 48.847.000.000 đồng (2) BIDV – Chi nhánh Đông Hà Nội ngày 28/07/2023 175.700.000.000 đồng Vietcombank: 126.000.000.000 đồng.*

Ngoài ra, trong thời gian chưa sử dụng hết số tiền dự kiến được phân bổ theo Phương án sử dụng vốn thu được đã được phê duyệt, Công ty đã chuyển số tiền 200.000.000.000 đồng thành tiền gửi theo Hợp đồng tiền gửi, cụ thể: (1) Hợp đồng tiền gửi số 128/2023/37379 với giá trị 100.000.000 đồng và (2) Hợp đồng tiền gửi số 128/2023/27409 Ngày 10/11/2023 với giá trị 100.000.000 đồng để tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn và nâng cao năng lực tài chính cho các hoạt động khác của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Chứng khoán DSC;
- HĐQT, BKS, TGD;
- Lưu VP HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC ANH



TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC ("Điều Lệ Công Ty");

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc sửa Điều lệ Công ty như sau:

Theo đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung sau:

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Điều Lệ Công Ty (Chi tiết tại Bảng so sánh sửa đổi Điều lệ đính kèm) và toàn văn Điều lệ Công ty;
- Các nội dung khác của Điều lệ không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua!

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Chứng khoán DSC;
- HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu VP Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC ANH

BẢNG SO SÁNH SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU KHOẢN CỦA ĐIỀU LỆ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

((Đính kèm Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 12/2024/TTr-ĐHĐCĐ/DSC ngày 17 tháng 08 năm 2024



Điều	Điều lệ hiện tại	Điều lệ sửa đổi	Căn cứ/ghi chú
Điều 10: Vốn điều lệ	Khoản 10.1 Điều 10: "10.1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là: 1.000.000.000.000 đồng Việt Nam (Bằng chữ: Một nghìn tỷ đồng)."	Khoản 10.1 Điều 10: "10.1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là: 2.048.389.250.000 đồng Việt Nam (Bằng chữ: Hai nghìn không trăm bốn mươi tám tỷ ba trăm tám mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)."	Sửa đổi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 03/2023/NQ-ĐHĐCĐ/DSC và Giấy phép điều chỉnh số: 67/GPĐC-UBCK ngày 23/08/2023 Các nội dung khác của Điều khoản này không thay đổi.
Điều 11. Các loại cổ phần	Khoản 11.1 Điều 11: "11.1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 100.000.000 (Bằng chữ: Một trăm triệu) cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 (Bằng chữ: Mười nghìn) đồng Việt Nam/cổ phần.	Khoản 11.1 Điều 11: "11.1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 204.838.925 (Bằng chữ: Hai trăm linh tư triệu tám trăm ba mươi tám nghìn chín trăm hai mươi lăm) cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 (Bằng chữ: Mười nghìn) đồng Việt Nam/cổ phần."	Các nội dung khác của Điều khoản này không thay đổi.
Điều 29. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	Khoản 29.2 Điều 29: "29.2. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua a) Trừ trường hợp quy định tại Khoản 29.3, 29.4, 29.5 và 29.6 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. b) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất	Khoản 29.2 Điều 29: "29.2. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua a) Trừ trường hợp quy định tại Khoản 29.2.b, 29.3, 29.4, 29.5 và 29.6 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. b) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm	Sửa đổi theo Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 Các nội dung khác của Điều khoản này không thay đổi.

	<p>cả cổ đông dự họp tán thành:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Quyết định về loại cổ phần và số lượng cổ phần được quyền chào bán của từng loại; (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty; (v) Tổ chức lại, giải thể công ty. 	<p>phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông đồng tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành::</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty; (v) Tổ chức lại, giải thể công ty. 	
<p>Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>39.1. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này; b) Có đơn xin từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận; <p>39.2. Các trường hợp bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; <p>39.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 39. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>39.1. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam 	<p>Bổ sung nội dung: ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị theo Điều 25 Phụ lục I Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>

	<p>quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 39.1 và khoản 39.2 Điều này.</p> <p>39.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp: số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>39.5. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 39.4 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	<p>kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; (ii) Trình độ chuyên môn; (iii) Quá trình công tác; (iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác); (v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty; (vi) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty; (vii) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có). <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác</p>	
--	--	--	--

		<p>nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>c) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p> <p>d) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.</p> <p>39.2. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này;</p> <p>b) Có đơn xin từ chức và được Đại</p>	
--	--	---	--

		<p>hội đồng cổ đông chấp thuận;</p> <p>39.3. Các trường hợp bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:</p> <p>a) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>39.4. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 39.2 và khoản 39.3 Điều này.</p> <p>39.5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp: số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>39.6. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 39.5 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	
Điều 51. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban	Điều 51. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát 51.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm	Điều 51. Ứng cử, đề cử và miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	Bổ sung nội dung: ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát theo Điều 36 Phụ lục I Điều lệ mẫu ban hành kèm theo

<p>Kiểm soát</p>	<p>soát viên trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này; b) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận; <p>51.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công; b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty; d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. 	<p>51.1. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại điểm a) b) Khoản 39.1 Điều 39 Điều lệ này b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. <p>51.2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này; b) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận; <p>51.3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Không hoàn thành nhiệm vụ, 	<p>Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020</p>
-------------------------	---	--	--



		<p>công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty;</p> <p>d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p>	
--	--	--	--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC



ĐIỀU LỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

HÀ NỘI, THÁNG 03 NĂM 2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	7
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	7
Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty ..	8
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	9
Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh	9
Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	9
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động.....	10
Điều 7. Quyền của Công ty.....	10
Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty	11
Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế	13
CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG	14
Điều 10. Vốn Điều lệ	15
Điều 11. Các loại cổ phần.....	15
Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần	16
Điều 13. Mua lại cổ phần.....	17
Điều 14. Cách thức tăng, giảm Vốn Điều lệ.....	17
Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông	18
Điều 16. Cổ phiếu	18
Điều 17. Chứng chỉ chứng khoán khác	19
Điều 18. Quyền của cổ đông của Công ty	19
Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông	22
Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông	23
CHƯƠNG III QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	24
Điều 21. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty	24
I. Đại hội đồng cổ đông	24
Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 23. Thay đổi các quyền	25
Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.....	26

Điều 25. Ủy quyền và cách thức ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	28
Điều 26. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông.....	28
Điều 27. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 28. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	29
Điều 29. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	31
Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.....	32
Điều 31. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	34
Điều 33. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	34
II. Hội đồng quản trị	35
Điều 34. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị.....	35
Điều 35. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	39
Điều 36. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị.....	39
Điều 37. Cuộc họp Hội đồng quản trị	40
Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	43
Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	44
Điều 41. Bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ và Quản trị rủi ro của Hội đồng quản trị	45
III. Ban Tổng Giám đốc.....	46
Điều 42. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc	46
Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc	49
Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc.....	49
Điều 45. Bộ phận Kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc.....	49
Điều 46. Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký Công ty).....	50
IV. Ban Kiểm soát	51
Điều 47. Nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát	51
Điều 48. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát	54
Điều 49. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát.....	54
Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát	55

Điều 51. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	55
CHƯƠNG IV NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	56
Điều 52. Trách nhiệm cần trọng	56
Điều 53. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	56
Điều 54. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	57
CHƯƠNG V XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN.....	57
Điều 55. Các tranh chấp có thể xảy ra	57
Điều 56. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp	58
Điều 57. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận	58
Điều 58. Công khai các lợi ích liên quan	59
CHƯƠNG VI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	60
Điều 59. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	60
CHƯƠNG VII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	61
Điều 60. Công nhân viên và công đoàn	61
CHƯƠNG VIII BÁO CÁO VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	61
Điều 61. Chế độ báo cáo và công bố thông tin	61
Điều 62. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý	62
Điều 63. Báo cáo thường niên.....	63
CHƯƠNG IX QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN.....	63
Điều 64. Năm tài chính	63
Điều 65. Hệ thống kế toán	63
Điều 66. Tài khoản ngân hàng	63
Điều 67. Kiểm toán	63
Điều 68. Xử lý lỗ trong kinh doanh.....	64
Điều 69. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận	64
Điều 70. Trích lập các quỹ theo quy định	64
CHƯƠNG X CON DẤU.....	65
Điều 71. Con dấu.....	65

CHƯƠNG XI TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY	65
Điều 72. Tổ chức lại Công ty	65
Điều 73. Giải thể	65
Điều 74. Phá sản	66
Điều 75. Thanh lý	66
CHƯƠNG XII THỂ THỨC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ.....	66
Điều 76. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ	66
CHƯƠNG XIII HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ	66
Điều 77. Ngày hiệu lực.....	66

CĂN CỨ PHÁP LÝ

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Giấy phép hoạt động công ty chứng khoán số 29/UBCK-QPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/12/2006 và các lần điều chỉnh;
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số: 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 25/03/2024

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1.1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác đi, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như được quy định dưới đây:

- a) “**Công ty**” có nghĩa là Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC;
- b) “**Vốn Điều lệ**” có nghĩa là tổng giá trị mệnh giá số cổ phần đã phát hành mà các cổ đông đã thanh toán đủ và ghi vào Điều lệ Công ty;
- c) “**Luật Doanh nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- d) “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số: 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- e) “**Điều, khoản**” là một Điều khoản của Điều lệ này;
- f) “**Ngày thành lập**” có nghĩa là ngày mà Công ty được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.
- g) “**Người quản lý Công ty**” bao gồm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều lệ này;
- h) “**Người điều hành Công ty**” là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác do HĐQT bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;
- i) “**Người có liên quan**” là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau theo quy định của Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp;
- j) “**Cổ đông**” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.
- k) “**Cổ đông lớn**” là cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;
- l) “**Pháp Luật**” là các Luật Hiến Pháp, hiệp ước, Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được ban hành phù hợp với quy định tại Luật Ban hành các văn bản quy phạm pháp luật có giá trị pháp lý ràng buộc bởi bất kỳ cơ quan nhà nước có thẩm quyền có liên quan được áp dụng đối với Công Ty và các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.
- m) “**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- n) “**UBCKNN**” hay “**UBCK**” được hiểu là Ủy ban chứng khoán nhà nước.

1.2. Trong Điều lệ này, việc tham chiếu tới bất kỳ điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những văn bản sửa đổi hoặc thay thế của điều khoản hoặc văn bản đó.

1.3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ) được đưa vào để thuận tiện cho việc theo dõi và không ảnh hưởng tới ý nghĩa, nội dung của Điều lệ.

1.4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh.

Điều 2. Tên, hình thức pháp lý, trụ sở, cơ cấu tổ chức và thời hạn hoạt động của Công ty

2.1. Tên Công ty:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**
- Tên Tiếng Anh : **DSC SECURITIES CORPORATION**
- Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**
- Tên viết tắt là : **DSC**

2.2. Hình thức pháp lý của Công ty: Công ty chứng khoán DSC là một Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán, có tư cách pháp nhân, phù hợp với Pháp Luật hiện hành của Việt Nam.

2.3. Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : Tầng 2, Thành Công Building, 80 dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.
Điện Thoại : +84 243 880 3456 Fax: +84 243 783 2189
- Email : info@dsc.com.vn Website : www.dsc.com.vn

2.4. Mạng lưới hoạt động:

- a) Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được UBCK chấp thuận;
- b) Chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện là những đơn vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;
- c) Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận.
- d) Tên chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện phải mang tên Công ty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

2.5. Thời hạn hoạt động:

Thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt hoạt động trước thời hạn hoặc gia hạn hoạt động theo quy định tại Điều lệ

này.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật

- 3.1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật.
- 3.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
- 3.3. Ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật:
 - a) Người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định tại Điều lệ này phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam trên ba mươi (30) ngày thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác theo quy định Pháp Luật để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo Pháp Luật của Công ty. Trong trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ đã ủy quyền;
 - b) Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà Người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người đã được ủy quyền (theo quy định tại Điểm a) Khoản này) vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi Người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm người khác vào chức danh của Người đại diện theo pháp luật;
 - c) Trường hợp Người đại diện theo pháp luật của Công ty vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị bổ nhiệm người khác vào chức danh Người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - d) Trong một số trường hợp đặc biệt người đại diện theo pháp luật do Tòa án có thẩm quyền chỉ định trong quá trình tố tụng tại Tòa án.

Điều 4. Phạm vi hoạt động kinh doanh

- 4.1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty: bao gồm các nghiệp vụ được cấp phép theo Giấy phép hoạt động và Giấy phép điều chỉnh của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.
- 4.2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại Khoản 4.1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định của Bộ Tài chính.
- 4.3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại Khoản 4.1 Điều này sau khi được UBCK chấp thuận.

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- 5.1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là: hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán; cung cấp các dịch vụ đáp ứng nhu cầu đầu tư vào chứng khoán của các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước; tư vấn tài chính doanh nghiệp; thực hiện các dịch vụ khác có liên quan đến đầu tư; mang lại cổ tức cao cho các Cổ đông; thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước, tạo tích lũy cho Công ty nhằm phát triển kinh doanh ngày càng lớn mạnh.
- 5.2. Nếu bất kỳ mục tiêu nào trong số những mục tiêu nêu tại Khoản 5.1 Điều này cần có sự phê duyệt thì Công ty chỉ có thể thực hiện mục tiêu đó sau khi được Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động

- 6.1. Tuân thủ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Pháp Luật có liên quan.
- 6.2. Thực hiện hoạt động kinh doanh một cách công bằng, trung thực.
- 6.3. Ban hành quy trình nghiệp vụ, quy trình kiểm soát nội bộ và quản trị rủi ro, quy tắc đạo đức hành nghề phù hợp với nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
- 6.4. Đảm bảo nguồn lực về con người, vốn và cơ sở vật chất cần thiết để phục vụ cho hoạt động kinh doanh chứng khoán, tuân thủ quy định của Pháp Luật.
- 6.5. Tách biệt về văn phòng làm việc, nhân sự, hệ thống dữ liệu, báo cáo giữa các bộ phận nghiệp vụ để đảm bảo tránh xung đột lợi ích giữa Công ty với khách hàng, giữa khách hàng với nhau. Công ty phải công bố cho khách hàng biết trước về những xung đột lợi ích có thể phát sinh giữa Công ty, người hành nghề và khách hàng.
- 6.6. Bố trí người hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ hoạt động kinh doanh.
- 6.7. Dự báo giá hoặc khuyến nghị giao dịch liên quan đến một loại chứng khoán cụ thể trên các phương tiện truyền thông phải ghi rõ cơ sở phân tích và nguồn trích dẫn thông tin.

Điều 7. Quyền của Công ty

- 7.1. Có tất cả các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, nếu không mâu thuẫn với quy định của Luật Chứng khoán.
- 7.2. Cung cấp dịch vụ về chứng khoán và các dịch vụ tài chính trong phạm vi Pháp Luật cho phép.
- 7.3. Thực hiện thu phí, lệ phí phù hợp với quy định của Bộ Tài chính.
- 7.4. Ưu tiên sử dụng lao động trong nước, bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của Luật Lao động, tôn trọng quyền tổ chức công đoàn theo quy định của Pháp Luật.
- 7.5. Quản lý, sử dụng vốn do các cổ đông góp để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của công ty theo điều lệ này, nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Pháp Luật hiện hành.
- 7.6. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và của Pháp Luật.

Điều 8. Nghĩa vụ của Công ty

8.1. Nguyên tắc chung:

- a) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Thiết lập hệ thống kiểm toán nội bộ, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty và trong giao dịch với người có liên quan;
- c) Tuân thủ các nguyên tắc về quản trị công ty theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ công ty;
- d) Tuân thủ các quy định về an toàn tài chính theo quy định của Bộ Tài chính;
- e) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán tại Công ty hoặc trích lập quỹ bảo vệ nhà đầu tư để bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư do sự cố kỹ thuật hoặc sơ suất của nhân viên;
- f) Lưu giữ đầy đủ các chứng từ và tài khoản phản ánh chi tiết, chính xác các giao dịch của khách hàng và của Công ty;
- g) Thực hiện việc bán hoặc cho khách hàng bán chứng khoán khi không sở hữu chứng khoán và cho khách hàng vay chứng khoán để bán theo quy định của Bộ Tài chính;
- h) Tuân thủ các quy định của Bộ Tài chính về thực hiện nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán;
- i) Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của Pháp Luật có liên quan;
- j) Thực hiện công bố thông tin, báo cáo và lưu trữ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- k) Đóng góp quỹ hỗ trợ thanh toán theo quy định tại Quy chế về đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán;
- l) Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro của khách hàng; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của công ty cho khách hàng phải phù hợp với khách hàng đó.
- m) Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và Pháp Luật có liên quan.

8.2. Nghĩa vụ đối với cổ đông

- a) Phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông với Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để quản lý phù hợp với quy định của Pháp Luật;
- b) Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

- c) Không được thực hiện các hành vi sau:
 - (i) Cam kết về thu nhập, lợi nhuận cho các cổ đông (trừ trường hợp đối với cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cố tức cố định);
 - (ii) Nắm giữ bất hợp pháp các lợi ích, thu nhập từ cổ phần của các cổ đông;
 - (iii) Cung cấp tài chính hoặc bảo lãnh cho các cổ đông một cách trực tiếp hoặc gián tiếp; cho vay dưới mọi hình thức đối với các cổ đông lớn, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng, các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và người có liên quan của những đối tượng này;
 - (iv) Tạo thu nhập cho cổ đông bằng cách mua lại cổ phiếu của các cổ đông dưới các hình thức không phù hợp với quy định của Pháp Luật;
 - (v) Xâm phạm đến các quyền của cổ đông như: quyền sở hữu, quyền chọn, quyền giao dịch công bằng, quyền được cung cấp thông tin, các quyền và lợi ích hợp pháp khác;

8.3. Nghĩa vụ đối với khách hàng

- a) Luôn giữ chữ tín với khách hàng, không xâm phạm tài sản, quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng;
- b) Quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của từng khách hàng, quản lý tách biệt tiền và chứng khoán của khách hàng với tiền và chứng khoán của Công ty. Mọi giao dịch bằng tiền của khách hàng phải được Công ty thực hiện qua ngân hàng. Không lạm dụng các tài sản do khách hàng ủy thác cho Công ty quản lý và tiền thanh toán giao dịch của khách hàng, chứng khoán của khách hàng lưu ký tại Công ty;
- c) Ký hợp đồng bằng văn bản với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng khi thực hiện dịch vụ mà mình cung cấp;
- d) Chỉ đưa ra lời tư vấn phù hợp với khách hàng trên cơ sở nỗ lực thu thập thông tin về khách hàng: Thu thập, tìm hiểu thông tin về tình hình tài chính, mục tiêu đầu tư, khả năng chấp nhận rủi ro, kỳ vọng lợi nhuận của khách hàng và cập nhật thông tin theo quy định của Pháp Luật; bảo đảm các khuyến nghị, tư vấn đầu tư của Công ty cho khách hàng phải phù hợp với từng khách hàng;
- e) Chịu trách nhiệm về độ tin cậy của những thông tin công bố cho khách hàng. Đảm bảo rằng khách hàng đưa ra các quyết định đầu tư trên cơ sở đã được cung cấp thông tin đầy đủ, bao gồm cả nội dung và rủi ro của sản phẩm, dịch vụ cung cấp. Nghiêm cấm mọi hành vi gian dối và công bố thông tin sai sự thật;
- f) Thận trọng, không tạo ra xung đột lợi ích với khách hàng. Trong trường hợp không thể tránh được, Công ty phải thông báo trước cho khách hàng và áp dụng các biện pháp cần thiết để đảm bảo đối xử công bằng với khách hàng;

- g) Ưu tiên thực hiện lệnh của khách hàng trước lệnh của Công ty;
- h) Thiết lập một bộ phận chuyên trách, chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng;
- i) Hoàn thành nghĩa vụ của mình với khách hàng một cách tốt nhất;
- j) Bảo mật thông tin của khách hàng;
- k) Công ty có trách nhiệm bảo mật các thông tin liên quan đến sở hữu chứng khoán và tiền của khách hàng, từ chối việc điều tra, phong toả, cầm giữ, trích chuyển tài sản của khách hàng mà không có sự đồng ý của khách hàng.
- l) Quy định tại điểm này không áp dụng trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Kiểm toán viên thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty;
 - (ii) Cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 9. Các quy định về cấm và hạn chế

9.1. Quy định đối với Công ty:

- a) Không được đưa ra nhận định hoặc bảo đảm với khách hàng về mức thu nhập hoặc lợi nhuận đạt được trên khoản đầu tư của mình hoặc bảo đảm khách hàng không bị thua lỗ, ngoại trừ đầu tư vào chứng khoán có thu nhập cố định;
- b) Không được thỏa thuận hoặc đưa ra lãi suất cụ thể hoặc chia sẻ lợi nhuận/thua lỗ với khách hàng để lôi kéo khách hàng tham gia giao dịch;
- c) Không được trực tiếp hoặc gián tiếp thiết lập các địa điểm ngoài các địa điểm giao dịch đã được UBCK chấp thuận để ký hợp đồng, nhận lệnh, thực hiện lệnh giao dịch chứng khoán hoặc thanh toán giao dịch chứng khoán với khách hàng;
- d) Không nhận lệnh, thanh toán giao dịch với người khác không phải là người đứng tên tài khoản giao dịch mà không có ủy quyền của khách hàng bằng văn bản;
- e) Không sử dụng tên hoặc tài khoản của khách hàng để đăng ký, giao dịch chứng khoán;
- f) Không chiếm dụng chứng khoán, tiền hoặc tạm giữ chứng khoán của khách hàng theo hình thức lưu ký dưới tên Công ty;
- g) Không được tiết lộ thông tin về khách hàng trừ khi được khách hàng đồng ý hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- h) Không được thực hiện những hành vi làm cho khách hàng và nhà đầu tư hiểu nhầm về giá chứng khoán;
- i) Hợp đồng mở tài khoản giao dịch chứng khoán không được chứa đựng những thoả thuận nhằm trốn tránh nghĩa vụ pháp lý của Công ty; hạn chế phạm vi bồi thường của Công ty hoặc chuyển rủi ro từ Công ty sang khách hàng; buộc khách hàng thực hiện nghĩa vụ bồi thường một cách không công bằng và các thoả thuận gây bất lợi

- một cách không công bằng cho khách hàng;
- j) Không được cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán dưới mọi hình thức, trừ trường hợp cho khách hàng vay tiền để mua chứng khoán theo quy định về giao dịch ký quỹ chứng khoán của Bộ Tài chính.
 - k) Quy định đối với người hành nghề chứng khoán:
 - l) Trừ trường hợp được cử là đại diện phần vốn góp hoặc được cử vào Ban Quản lý Công ty của tổ chức sở hữu Công ty hoặc tổ chức mà Công ty đầu tư, người hành nghề chứng khoán không được:
 - (i) Không được đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với Công ty;
 - (ii) Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - (iii) Không được đồng thời làm Giám đốc (Tổng Giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết;
 - m) Chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại Công ty. Quy định này không áp dụng đối với trường hợp khi Công ty không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán;
 - n) Khi thực hiện các nghiệp vụ của Công ty, người hành nghề chứng khoán là đại diện cho Công ty để thực hiện các giao dịch với Khách hàng và Công ty phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của người hành nghề chứng khoán. Không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được Công ty ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho Công ty bằng văn bản;
- 9.2. Quy định đối với thành viên Hội đồng quản trị, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Tổng Giám đốc:**
- a) Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Giám đốc (Tổng Giám đốc) của công ty chứng khoán khác;
 - b) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác;
 - c) Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác. Tổng Giám đốc không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;

CHƯƠNG II VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ ĐÔNG

Mục 1

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN

Điều 10. Vốn Điều lệ

10.1. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Vốn Điều lệ của Công ty là: **2.048.389.250.000 đồng Việt Nam** (Bằng chữ: Hai nghìn không trăm bốn mươi tám tỷ ba trăm tám mươi chín triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)."

10.2. Công ty có thể tăng hoặc giảm Vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với Điều lệ này và quy định của Pháp Luật.

Điều 11. Các loại cổ phần

11.1. Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành **204.838.925** (Bằng chữ: Hai trăm linh tư triệu tám trăm ba mươi tám nghìn chín trăm hai mươi lăm) cổ phần. Mệnh giá cổ phần là 10.000 (Bằng chữ: Mười nghìn) đồng Việt Nam/cổ phần.

11.2. Các loại cổ phần của Công ty:

- a) Cổ phần phổ thông: 100.000.000 cổ phần;
- b) Cổ phần ưu đãi biểu quyết: 0 cổ phần;
- c) Cổ phần ưu đãi cổ tức: 0 cổ phần;
- d) Cổ phần ưu đãi hoàn lại: 0 cổ phần

11.3. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cách thức, tỉ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông thông qua trong khuôn khổ Pháp Luật.

11.4. Đặc điểm của các loại cổ phần:

- a) Cổ phần phổ thông: mỗi cổ phần phổ thông có 01 phiếu biểu quyết. Người sở hữu cổ phần phổ thông là cổ đông phổ thông;
- b) Cổ phần ưu đãi biểu quyết: cổ phần ưu đãi biểu quyết có tỷ lệ biểu quyết cao hơn so với tỷ lệ biểu quyết của cổ phần phổ thông, số phiếu biểu quyết của một cổ phần ưu đãi biểu quyết do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Chỉ có tổ chức được Chính phủ ủy quyền và cổ đông sáng lập được quyền nắm giữ cổ phần ưu đãi biểu quyết. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết không được chuyển nhượng cổ phần đó cho người khác trừ trường hợp chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế. Quyền ưu đãi biểu quyết của cổ đông sáng lập chỉ có hiệu lực trong ba (03) năm, kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sau thời hạn này, cổ phần ưu đãi biểu quyết sẽ được chuyển đổi thành cổ phần phổ thông;
- c) Cổ phần ưu đãi cổ tức: cổ phần ưu đãi cổ tức được trả cổ tức với mức cao hơn so với mức cổ tức của cổ phần phổ thông hoặc được trả ổn định hàng năm tùy theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức được trả hàng năm gồm cổ tức cố định và cổ tức thưởng. Cổ tức cố định không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của Công



ty. Mức cổ tức cố định cụ thể và phương thức xác định cổ tức thường được ghi trên cổ phiếu của cổ phần ưu đãi cổ tức;

- d) Cổ phần ưu đãi hoàn lại: Cổ phần ưu đãi hoàn lại được Công ty hoàn lại vốn góp theo yêu cầu của người sở hữu hoặc theo các điều kiện được ghi tại cổ phiếu của cổ phần ưu đãi hoàn lại. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại không có quyền biểu quyết, dự họp Đại hội đồng cổ đông, đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, trừ trường hợp quy định tại Khoản 15.9 Điều 15 Điều lệ này.

11.5. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

11.6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.

11.7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp Luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

11.8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của Pháp Luật.

Điều 12. Chuyển nhượng cổ phần

12.1. Cổ phần của Công ty được tự do chuyển nhượng, trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và quy định tại Điều lệ này. Cổ phiếu đăng ký giao dịch, niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán.

12.2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan đến số cổ phần này như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

12.3. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo Pháp Luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của công ty.

12.4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị tước quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

12.5. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của công ty.

Điều 13. Mua lại cổ phần

13.1. Công ty chỉ được quyền mua lại cổ phần khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện và tỷ lệ mua lại theo quy định của pháp luật.

13.2. Các trường hợp mua lại cổ phần:

a) Mua lại theo yêu cầu của cổ đông

(i) Cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình, nếu cổ đông đó đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty. Yêu cầu mua lại phần cổ phần phải được lập bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề quy định tại Khoản này.

(ii) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điểm a).(i) Khoản này với giá thị trường trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

b) Mua lại theo quyết định của Công ty

Công ty có thể mua lại cổ phiếu đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) để làm cổ phiếu quỹ. Tỷ lệ, cách thức, thủ tục mua cổ phiếu quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 14. Cách thức tăng, giảm Vốn Điều lệ

14.1. Công ty có thể tăng, giảm Vốn Điều lệ theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu đáp ứng quy định của Pháp Luật hiện hành.

14.2. Cách thức tăng vốn điều lệ của Công ty:

- a) Phát hành cổ phần để huy động vốn theo quy định của Pháp Luật;
- b) Kết chuyển lợi nhuận để lại, các nguồn vốn hợp lệ khác theo quy định của Pháp Luật;
- c) Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phần;
- d) Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu thưởng;
- e) Chuyển nợ thành vốn góp theo thỏa thuận giữa công ty và chủ nợ.

14.3. Việc giảm vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định nhưng vẫn phải đảm bảo điều kiện về vốn pháp định sau khi giảm vốn theo quy định hiện hành.

Điều 15. Sổ đăng ký cổ đông

15.1. Công ty phải lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động.

15.2. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

15.3. Hình thức của sổ đăng ký cổ đông do công ty quyết định có thể là văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty hoặc cả hai loại này.

15.4. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính và có thể được lưu giữ tại cả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong Sổ đăng ký cổ đông.

15.5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trong việc xác nhận đăng ký cổ phần cho cổ đông một cách đầy đủ, kịp thời. Đồng thời, chịu trách nhiệm lưu giữ sổ đăng ký và đảm bảo tính chính xác của sổ đăng ký, tránh mọi tổn hại gây ra cho cổ đông hoặc bên thứ ba do nghĩa vụ nói trên không được thực hiện. Trường hợp có sự khác biệt giữa dữ liệu trên sổ đăng ký lưu giữ tại Công ty với dữ liệu đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán thì dữ liệu do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán lưu trữ sẽ có hiệu lực.

Điều 16. Cổ phiếu

16.1. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty cổ phần phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Công ty.

16.2. Cổ đông của Công ty được cấp chứng chỉ hoặc chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại Khoản 16.7 Điều này.

16.3. Chứng chỉ cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của Người đại diện theo pháp luật hoặc Chủ tịch hội đồng quản trị của Công ty. Trường hợp có sai sót trong nội dung và hình thức cổ phiếu do Công ty phát hành thì quyền và lợi ích của người sở hữu nó không bị ảnh hưởng. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm về thiệt hại do những sai sót đó gây ra.

16.4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một phần trong số cổ phần ghi danh trong một chứng chỉ cổ phiếu ghi danh, chứng chỉ cũ sẽ bị hủy bỏ và chứng chỉ mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được Công ty cấp miễn phí.

16.5. Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị tẩy xóa, bị hủy hoại, hoặc bị mất hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác, người sở hữu cổ phiếu ghi danh có thể yêu cầu Công ty cấp lại chứng chỉ cổ phiếu nhưng sẽ phải thanh toán mọi chi phí liên quan.

16.6. Người sở hữu chứng chỉ cổ phiếu phải tự chịu trách nhiệm về việc bảo quản chứng chỉ. Công ty không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chứng chỉ bị mất hoặc bị sử dụng với mục đích lừa đảo.

16.7. Công ty có thể phát hành cổ phần ghi danh không theo hình thức chứng chỉ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các cổ phần ghi danh (theo hình thức chứng chỉ hoặc không chứng chỉ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.

Điều 17. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Mục 2

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông của Công ty

18.1. Quyền của cổ đông phổ thông: người nắm giữ cổ phần phổ thông gọi là cổ đông phổ thông. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức do Đại hội đồng cổ đông quyết định
- c) Quyền được ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty; có quyền chuyển quyền ưu tiên mua cổ phần của mình cho người khác;
- d) Quyền tự do chuyển nhượng cổ phần cho người khác trừ các trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty. Trường hợp Điều lệ Công ty có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần thì các quy định này chỉ có hiệu lực khi được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng;
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, cổ đông có quyền được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty theo thứ tự thanh toán phù hợp với quy định của Pháp Luật;
- h) Điều khoản khuyến nghị: Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.

- i) Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp Luật.
- 18.2.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên, ngoài các quyền theo quy định tại Khoản 18.1 Điều này, còn có các quyền sau:
- Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và các tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
 - Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 18.3 Điều này;
 - Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
- 18.3.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 18.2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:
- Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;
 - Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị đã vượt quá sáu (06) tháng mà Hội đồng quản trị mới chưa được bầu thay thế;
 - Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.
- 18.4.** Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 18.3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây:
- Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - Số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty;
 - Căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.
- 18.5.** Quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát công ty
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

18.6. Quyền khởi kiện của cổ đông

- a) Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho công ty hoặc người khác trong trường hợp sau đây:
 - (i) Vi phạm trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp ;
 - (ii) Không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, thực hiện không kịp thời hoặc thực hiện trái với quy định của Pháp Luật hoặc Điều lệ Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với quyền và nghĩa vụ được giao;
 - (iii) Lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- b) Trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ Công ty.
- c) Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty được tính vào chi phí của Công ty, trừ trường hợp bị bác yêu cầu khởi kiện.
- d) Cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục thông tin cần thiết theo quyết định của Tòa án, Trọng tài trước hoặc trong quá trình khởi kiện.

18.7. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết

- a) Biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông với số phiếu biểu quyết theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này;
- b) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, ngoại trừ quyền chuyển nhượng cổ phần ưu đãi biểu quyết cho người khác. Tuy nhiên, quyền chuyển nhượng này không bị hạn chế nếu chuyển nhượng theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc thừa kế.

18.8. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức

- a) Nhận cổ tức theo quy định tại Khoản 11.4 Điều 11 của Điều lệ này;
- b) Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận lại một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Công ty sau khi Công ty đã thanh toán hết các khoản nợ và cổ phần ưu đãi hoàn lại;
- c) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Tuy nhiên, đối với cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi thì quyền tham dự họp và biểu quyết này sẽ không bị hạn chế.

18.9. Quyền của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi hoàn lại

- a) Được Công ty hoàn lại vốn góp theo quy định tại Khoản 11.4 Điều 11 của Điều lệ này.
- b) Các quyền khác như cổ đông phổ thông, trừ quyền biểu quyết, quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Tuy nhiên, đối với cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi; hoặc trường hợp cổ phần ưu đãi chuyển đổi thành cổ phần phổ thông thì các quyền tham dự họp và biểu quyết này sẽ không bị hạn chế.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

- 19.1.** Thanh toán đầy đủ, đúng hạn số cổ phần cam kết mua và chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
- 19.2.** Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định của Pháp Luật. Nếu có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại đã xảy ra;
- 19.3.** Tuân thủ Điều lệ và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- 19.4.** Chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- 19.5.** Cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên vốn điều lệ của Công ty thì cổ đông đó và người có liên quan không được sở hữu trên năm phần trăm (05%) cổ phần hoặc phần vốn góp của một công ty chứng khoán khác. Không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến quyền và lợi ích của Công ty và các cổ đông khác.
- 19.6.** Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và Pháp Luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ

chức, cá nhân khác.

19.7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm Pháp Luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

19.8. Các nghĩa vụ khác:

- a) Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần và thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật hiện hành;
- b) Cổ đông lớn phải thông báo đầy đủ, kịp thời cho Công ty và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán;
- c) Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

20.1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông Công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty.

20.2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo ủy quyền để thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của Pháp Luật. Tổ chức là cổ đông công ty cổ phần sở hữu ít nhất mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện theo ủy quyền.

20.3. Trường hợp cổ đông cử hơn một (01) người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông Công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

20.4. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền đều phải thông báo bằng văn bản đến Công ty. Nội dung và thời hạn thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

20.5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo Luật Doanh nghiệp;
- b) Cổ đông là doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Điểm b) Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý công ty và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện tại công ty khác;

- c) Tiêu chuẩn và điều kiện khác do Điều lệ công ty quy định.

20.6. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền

- a) Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông Công ty tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.
- b) Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền và nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.
- c) Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước Cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

CHƯƠNG III QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 21. Bộ máy quản trị điều hành của Công ty

- 21.1. Đại hội đồng cổ đông.
- 21.2. Hội đồng quản trị.
- 21.3. Ban Tổng Giám đốc.
- 21.4. Ban Kiểm soát.

I. Đại hội đồng cổ đông

Điều 22. Thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

22.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

22.2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- c) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó;
- d) Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- f) Quyết định ngân sách hoặc tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- g) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- h) Quyết định việc tăng, giảm vốn điều lệ của Công ty;
- i) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
- j) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- l) Quyết định đầu tư hoặc giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- m) Công ty mua lại hơn mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- n) Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điểm d) Khoản 2 Điều 138, và Khoản 1, Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
- o) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- p) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.

Điều 23. Thay đổi các quyền

23.1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất bảy mươi lăm phần trăm (75%) quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

23.2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều lệ này.

23.3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 24. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

24.1. Số lượng, thời gian, cách thức tổ chức, địa điểm họp:

- a) Đại hội đồng cổ đông họp thường niên ít nhất mỗi năm một (01) lần hoặc họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
- b) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp không tổ chức họp được theo thời hạn nêu trên, Công ty phải báo cáo UBCK và tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

24.2. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.

24.3. Các trường hợp phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp Luật, hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 18.2 Điều 18 Điều lệ này;
- d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- e) Bảng cân đối kế toán năm, các báo cáo sáu (06) tháng hoặc quý hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
- f) Các trường hợp khác theo Điều lệ này và Pháp Luật hiện hành.

24.4. Thời hạn triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường như sau:

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra trường hợp quy định tại Điểm b) Khoản 24.3 Điều lệ này, hoặc nhận được yêu cầu triệu tập họp quy định tại Điểm c) và Điểm d) Khoản 24.3

Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty;

- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a) Khoản 24.4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b) Khoản 24.4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 18.2 Điều 18 Điều lệ này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

24.5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông khi có quyết định triệu tập họp và lập xong chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- b) Lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị các tài liệu liên quan đến nội dung cuộc họp;
- c) Xác định thời gian và địa điểm cuộc họp;
- d) Gửi thông báo mời họp cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp đến địa chỉ liên hệ của cổ đông.
- e) Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin cơ bản về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu.
- f) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

24.6. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 25. Ủy quyền và cách thức ủy quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

25.1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 20 của Điều lệ này.

Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty)

25.2. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông

26.1. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

26.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

26.3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 18.2 Điều 18 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

26.4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất này trong các trường hợp sau:

- a) Đề xuất được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 26.3 Điều này;
- b) Cổ đông và nhóm cổ đông không nắm giữ đủ số cổ phần phổ thông như quy định tại Khoản 18.2 Điều 18 Điều lệ này;
- c) Vấn đề, nội dung đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền, nhiệm vụ của Đại hội

đồng cổ đông.

- 26.5.** Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 26.4 Điều này thì chậm nhất là (hai) 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- 26.6.** Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chấp nhận kiến nghị quy định tại Khoản 26.4 Điều này, thì phải đưa kiến nghị vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 27. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 27.1.** Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 27.2.** Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 26.1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba phần trăm (33%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- 27.3.** Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 27.2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi (20) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
- 27.4.** Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đây:
- Trực tiếp tham dự họp và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 28. Thẻ thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

- 28.1.** Đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông
- Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành đăng ký việc dự họp Đại hội đồng cổ đông cho cổ đông, bảo đảm việc đăng ký đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp;
 - Khi đăng ký cổ đông, Người đăng ký dự họp sẽ được cấp thẻ biểu quyết, và/hoặc phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu có) trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó;
 - Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc được

đăng ký dự họp và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký xong. Chủ tọa không có nghĩa vụ dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành trước đó không bị ảnh hưởng.

28.2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp kiểm tra an ninh hoặc thực tũng các biện pháp an ninh khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến trình bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

28.3. Bầu Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu:

Chủ tọa, Thư ký và Ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- b) Chủ tọa cử một người làm Thư ký, lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Đại hội đồng cổ đông bầu Ban kiểm phiếu (gồm 03 người) theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

28.4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình họp phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình.

28.5. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác (thời gian hoãn tối đa không quá ba (03) ngày kể từ ngày dự định khai mạc cuộc họp) hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết
- c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, gây nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
- d) Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bị hoãn hoặc tạm dừng trái với quy định nêu tại Điểm a), b), c) Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người trong số những

người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp. Hiệu lực của các biểu quyết tại cuộc họp không bị ảnh hưởng bởi sự kiện này.

- 28.6.** Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
- 28.7.** Công bố kết quả kiểm phiếu: Chủ tọa đại hội sẽ công bố kết quả kiểm phiếu sau khi Ban kiểm phiếu thực hiện xong nhiệm vụ kiểm phiếu tại đại hội.

Điều 29. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

29.1. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
- b) Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.

29.2. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

- a) Trừ trường hợp quy định tại Khoản 29.2.b, 29.3, 29.4, 29.5 và 29.6 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- b) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:
 - (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;
 - (v) Tổ chức lại, giải thể công ty.

29.3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên là ứng cử viên nhận được tổng số phiếu bầu từ năm mươi phần trăm (50%) tổng số cổ phần đang lưu hành tại

thời điểm bầu và được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử Công ty.

- 29.4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ bảy mươi lăm phần trăm (75%) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
- 29.5. Các Nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và ủy quyền tham dự đại diện một trăm phần trăm (100%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng quy định.
- 29.6. Trường hợp thông qua Nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thì Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.
- 29.7. Quyết định/Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty, trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày quyết định được thông qua.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

- 30.1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, kể các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
- 30.2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu lấy ý kiến theo thông báo mời họp có thể thay thế bằng đăng lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tài tài liệu.

30.3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

30.4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Gửi thư. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

30.5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người

kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 30.6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
- 30.7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
- 30.8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- 31.1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua nghị quyết hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết.
- 31.2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 31.3. Trường hợp quyết định đã được thông qua của Đại hội đồng cổ đông bị cổ đông, nhóm cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu khởi kiện hoặc trực tiếp khởi kiện thì quyết định này vẫn tiếp tục được thi hành cho đến khi Tòa án hoặc Trọng tài có quyết định khác.

Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- 32.1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty trừ trường hợp quy định tại Khoản 31.2 Điều 31 Điều lệ này.
- 32.2. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp Luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 33. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- 33.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác với đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản được viết bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý

như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

33.2. Biên bản họp phải bao gồm các nội dung sau:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

33.3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

33.4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty, trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

33.5. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

33.6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

II. Hội đồng quản trị

Điều 34. Thẩm quyền của Hội đồng quản trị

34.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để

quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định Pháp Luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty.

34.2. Nghĩa vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty;
- b) Đề xuất loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- c) Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại không quá mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã phát hành của từng loại trong mỗi mười hai (12) tháng; quyết định phương án chào bán, chia thưởng cổ phiếu quỹ theo những cách thức phù hợp với quy định của Pháp Luật;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ công ty;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay; hợp đồng tiền gửi và các hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm l), n) Khoản 22.1 Điều 22 Điều lệ này và giao dịch với người liên quan theo quy định tại Điều 57 Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Người điều hành khác của Công ty, quyết định mức lương và lợi ích khác của các cán bộ quản lý đó; cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đại diện theo uỷ quyền;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý của Công ty trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp khác trong giới hạn quy định của Pháp Luật và Điều lệ công ty;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị

quyết;

- m) Trình báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức trả cổ tức, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- q) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro nhằm quy định chính sách chiến lược quản lý rủi ro trong hoạt động của Công ty và kiểm tra, đánh giá về sự phù hợp, hiệu quả của hệ thống quản trị rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- r) Giải quyết xung đột trong Công ty: Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cần thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;
- s) Phê chuẩn các giao dịch nằm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính vượt quá 10% giá trị kế hoạch hàng năm do Tổng Giám đốc và/hoặc Ban Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);
- t) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với các cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý chống lại cán bộ quản lý đó;
- u) Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ.

34.3. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác mà Pháp Luật không cấm. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

34.4. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện một phần quyền hạn và chức năng của Hội đồng quản trị trong thời gian Hội đồng quản trị không tổ chức cuộc họp. Nội dung ủy quyền phải được xác định rõ ràng, cụ thể. Đối với những vấn đề trọng yếu, liên quan đến lợi ích sống còn của Công ty thì không được ủy quyền cho Chủ tịch hội đồng quản trị quyết định.

34.5. Khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị phải tuân thủ đúng quy định của Pháp Luật, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của Pháp Luật hoặc Điều

lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm.

34.6. Trường hợp các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua nhưng vi phạm Pháp Luật, vi phạm nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, các cổ đông hoặc Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Công ty phải lập tức hủy bỏ nghị quyết và các quyết định có liên quan.

34.7. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyền của thành viên Hội đồng quản trị:

(i) Quyền được cung cấp thông tin:

- + Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty;
- + Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

(ii) Quyền được nhận thù lao và lợi ích khác :

- + Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thoả thuận được.
- + Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
- + Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ chi trả khi thực hiện nhiệm vụ được giao;
- + Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

b) Nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị:

- (i) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Pháp Luật có liên quan, Điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- (ii) Thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;

- (iii) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- (iv) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận tại cuộc họp;
- (v) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
- (vi) Các thành viên Hội đồng quản trị không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
- (vii) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ công ty;

Điều 35. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- 35.1.** Số lượng thành viên Hội đồng quản trị của Công ty là: từ ba (03) đến mười một (11) thành viên. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về Pháp Luật, tài chính và chứng khoán; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành, trong đó tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên hội đồng quản trị không điều hành.
- 35.2.** Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.
- 35.3.** Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra trên nguyên tắc bầu dồn phiếu theo quy định tại Điều lệ này. Trường hợp các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác có thể đề cử thêm ứng cử viên vào Hội đồng quản trị hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do Công ty quy định. Cơ chế đề cử hoặc cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm, Ban Kiểm soát, cổ đông khác đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử. Những ứng viên vào Hội đồng quản trị phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại Điều 36 của Điều lệ này.
- 35.4.** Trường hợp Hội đồng quản trị đã hết nhiệm kỳ mà Đại hội đồng cổ đông chưa bầu được Hội đồng quản trị mới, Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

Điều 36. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị

- 36.1.** Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Luật doanh nghiệp.

- 36.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty.
- 36.3. Không phải là Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác; không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị của quá năm (05) công ty khác (đối với công ty niêm yết).
- 36.4. Không từng là thành viên Hội đồng quản trị hoặc đại diện theo pháp luật của một công ty bị phá sản hoặc bị cấm hoạt động do những vi phạm pháp luật nghiêm trọng;
- 36.5. Khuyến nghị các thành viên Hội đồng quản trị cần có những phẩm chất và năng lực sau đây:
- Nhận được sự tin tưởng của các cổ đông (phản ánh qua việc các cổ đông biểu quyết ủng hộ), các thành viên khác trong Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý và nhân viên của Công ty;
 - Có khả năng cân bằng lợi ích của tất cả các bên có quyền lợi liên quan và đưa ra những quyết định hợp lý;
 - Có kinh nghiệm chuyên môn và trình độ học vấn cần thiết để điều hành hoạt động Công ty một cách hiệu quả;
 - Có kinh nghiệm kinh doanh quốc tế, am hiểu các vấn đề địa phương, hiểu biết về thị trường, sản phẩm và đối thủ cạnh tranh;
 - Có khả năng biến kiến thức và kinh nghiệm thành các giải pháp thực tiễn.
- 36.6. Khi bắt đầu nhiệm kỳ, tất cả thành viên Hội đồng quản trị đều phải đáp ứng đầy đủ những điều kiện theo yêu cầu của pháp luật, quy chế quản trị, Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty. Trong nhiệm kỳ của mình, nếu có sự thay đổi thì các thành viên phải thông báo với Chủ tịch hội đồng quản trị. Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.

Điều 37. Cuộc họp Hội đồng quản trị

- 37.1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập bất cứ khi nào nếu thấy cần thiết, nhưng tối thiểu mỗi quý phải tổ chức họp một (01) lần.
- 37.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
- 37.3. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch trong nhiệm kỳ mới thì cuộc họp đầu tiên để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
- 37.4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07)

ngày trong các trường hợp sau đây:

- a) Nhận được đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Nhận được đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- c) Nhận được đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

Đề nghị họp phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

37.5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty và người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị để triệu tập họp Hội đồng quản trị.

37.6. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

37.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Cách thức gửi thông báo thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

37.8. Thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

37.9. Cuộc họp Hội đồng quản trị theo giấy triệu tập lần thứ nhất được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên tham dự trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập lần thứ nhất không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trong trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

37.10. Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được hơn một phần hai (1/2) tổng số thành viên dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

37.11. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 37.12 Điều lệ này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình

thức điện tử khác;

- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

37.12. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 38. Biên bản họp Hội đồng quản trị

38.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 38.2 Điều này.

38.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 38.1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

38.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

38.4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

38.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

38.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi Biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp

trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

Điều 39. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

39.1. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

- a) Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
- (i) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - (ii) Trình độ chuyên môn;
 - (iii) Quá trình công tác;
 - (iv) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - (v) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - (vi) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
 - (vii) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- c) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- d) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

39.2. Các trường hợp miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 36 của Điều lệ này;
- b) Có đơn xin từ chức và được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận;

39.3. Các trường hợp bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

39.4. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 39.2 và khoản 39.3 Điều này.

39.5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp: số lượng thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số lượng quy định tại Điều lệ công ty thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi (60) ngày để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.

39.6. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 39.5 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 40. Chủ tịch Hội đồng quản trị

40.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

40.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

40.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền bao gồm và không giới hạn quyền hạn của Tổng Giám đốc, ngoài ra Chủ tịch Hội đồng quản trị còn có các quyền sau:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, ký thay mặt Đại hội đồng cổ đông trong các nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- f) Lãnh đạo và đảm bảo sự hoạt động có hiệu quả của Hội đồng quản trị;
- g) Xây dựng, thực hiện và rà soát các thủ tục chi phối hoạt động của Hội đồng quản trị;

- h) Lên lịch họp Hội đồng quản trị và các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị;
 - i) Chuẩn bị chương trình nghị sự cho các cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - j) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, và các hợp đồng thương mại, dân sự, và các hợp đồng, giao dịch, thỏa thuận khác của Công ty ngoại trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - l) Được uỷ quyền cho cấp dưới thực hiện một hoặc một số công việc thuộc thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật và trước Hội đồng quản trị về việc uỷ quyền đó;
 - m) Tuyển dụng lao động;
 - n) Thường xuyên gặp gỡ Tổng Giám đốc và đóng vai trò là người liên lạc giữa Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc;
 - o) Đảm bảo việc trao đổi thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác và rõ ràng giữa các thành viên Hội đồng quản trị với Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - p) Đảm bảo việc truyền thông và liên lạc hiệu quả với các cổ đông;
 - q) Tổ chức đánh giá định kỳ công tác của Hội đồng quản trị, các bộ phận trực thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - r) Tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành hoạt động một cách có hiệu quả và thiết lập mối quan hệ có tính chất xây dựng giữa các thành viên điều hành và những thành viên không điều hành trong Hội đồng quản trị;
 - s) Thực thi những nhiệm vụ và trách nhiệm khác theo yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo nhu cầu và hoàn cảnh thực tế;
- 40.4.** Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị (nếu có) hoặc một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ này. Trường hợp không có người được uỷ quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một (01) người trong số các thành viên, tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 41. Bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ của Hội đồng quản trị

- 41.1.** Bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ thực hiện chức năng của mình trên nguyên tắc độc lập, trung thực, khách quan và bảo mật. Các chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ phận (Ban)

Kiểm toán nội bộ như sau:

- a) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách Pháp Luật, Điều lệ, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- b) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;
- c) Đánh giá việc tuân thủ của hoạt động kinh doanh đối với các chính sách và quy trình nội bộ;
- d) Tham mưu thiết lập các chính sách và quy trình nội bộ;
- e) Đánh giá việc tuân thủ các quy định Pháp Luật, kiểm soát các biện pháp đảm bảo an toàn tài sản;
- f) Đánh giá kiểm soát nội bộ thông qua thông tin tài chính và thông qua quá trình kinh doanh;
- g) Đánh giá quy trình xác định, đánh giá và quản lý rủi ro kinh doanh;
- h) Đánh giá hiệu quả của các hoạt động;
- i) Đánh giá việc tuân thủ các cam kết trong hợp đồng;
- j) Thực hiện kiểm soát hệ thống công nghệ thông tin;
- k) Điều tra các vi phạm trong nội bộ Công ty;
- l) Thực hiện kiểm toán nội bộ Công ty và các công ty con;

41.2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận (Ban) Kiểm toán nội bộ:

- a) Không phải là người đã từng bị xử phạt từ mức phạt tiền trở lên đối với các hành vi vi phạm trong lĩnh vực chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm trong vòng năm (05) năm gần nhất tính tới năm được bổ nhiệm;
- b) Trưởng Bộ phận Kiểm toán nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- c) Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc khối, chi nhánh trong Công ty;
- d) Có Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc Chứng chỉ hành nghề chứng khoán;
- e) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

III. Ban Tổng Giám đốc

Điều 42. Thành phần, nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Tổng Giám đốc

- 42.1.** Thành phần Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có: Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc.
- 42.2.** Thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị thuê hoặc bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 42.3.** Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng đối với tất cả các vị trí, đơn vị, bộ phận và hoạt động của công ty nhằm bảo đảm mục tiêu theo quy định của pháp luật.
- 42.4.** Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
- Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát.

42.5. Nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước Pháp Luật về việc thực hiện các nhiệm vụ được giao. Nghĩa vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc cụ thể như sau:

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
- Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phân công, phân cấp, giao theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị;
- Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, kiến nghị hoặc ban hành quy chế quản lý nội bộ Công ty;
- Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển của Công ty;
- Trình báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh hằng năm lên Hội đồng quản trị;
- Tổ chức, quản lý và điều hành hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm hoạt động

của Công ty an toàn hiệu quả, tuân thủ đúng các quy định của pháp luật;

- h) Ban hành các quy trình nghiệp vụ, các quy định, văn bản hướng dẫn để phục vụ cho các hoạt động kinh doanh và công tác quản trị điều hành tại Công ty;
- i) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, kỷ luật các chức danh quản lý trong Công ty theo các quy định nội bộ của Công ty, trừ các chức danh phải được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- j) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả chức danh quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc theo các quy định nội bộ của Công ty;
- k) Đề xuất số lượng và cán bộ giữ các chức danh quản lý thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, bãi nhiệm theo các quy định nội bộ của Công ty;
- l) Tuyển dụng lao động;
- m) Tổ chức, sắp xếp và sử dụng nhân sự tại các Đơn vị trực thuộc TGD, tại các Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện để triển khai công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;
- n) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- o) Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với Pháp Luật, Điều lệ này và nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị.

42.6. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, các thành viên Ban Tổng Giám đốc có nghĩa vụ và quyền lợi sau đây:

- a) Nghĩa vụ của thành viên Ban Tổng Giám đốc:
 - (i) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Pháp Luật có liên quan, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì phải chịu trách nhiệm trước Pháp Luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty;
 - (ii) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
 - (iii) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - (iv) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;

- (v) Thành viên Ban Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
 - (vi) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ công ty.
- b) Quyền lợi của thành viên Ban Tổng Giám đốc
- (i) Thành viên Ban Tổng Giám đốc được quyền nhận thù lao, tiền lương, thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định;
 - (ii) Thù lao và tiền lương của thành viên Ban Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp Luật và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty, phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 43. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

- 43.1. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- 43.2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh, kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng.
- 43.3. Không được đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên cho công ty chứng khoán khác; không đồng thời làm việc cho doanh nghiệp khác.
- 43.4. Đáp ứng các điều kiện quy định đối với Tổng Giám đốc công ty chứng khoán theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động công ty chứng khoán và các quy định có liên quan.
- 43.5. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn quy định tại Khoản 5 Điều 74 Luật Chứng khoán..

Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- 44.1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 43 Điều lệ này.
- 44.2. Có đơn xin từ chức.
- 44.3. Theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 45. Bộ phận Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc

45.1. Bộ phận Kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

- a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định Pháp Luật, điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong công ty;
- b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong

nội bộ công ty, đặc biệt đối với các hoạt động kinh doanh của bản thân công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động đã ủy quyền.

- c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- e) Tách biệt tài sản của khách hàng;
- f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng Giám đốc giao.

45.2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận Kiểm soát nội bộ:

- a) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- b) Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong công ty chứng khoán;
- c) Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- d) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty;

45.3. Chức năng và nguyên tắc hoạt động của Bộ phận (Ban) Quản trị rủi ro:

- a) Quy định chính sách, chiến lược quản lý rủi ro; các tiêu chuẩn đánh giá rủi ro; mức độ rủi ro tổng thể của Công ty và từng bộ phận trong Công ty;
- b) Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách, quy trình rủi ro đã được thiết lập trong Công ty;
- c) Kiểm tra, xem xét và đánh giá sự đầy đủ, hiệu quả và hiệu lực của hệ thống quản trị rủi ro trực thuộc Ban Tổng Giám đốc nhằm hoàn thiện hệ thống này;

45.4. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:

- a) Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;
- b) Xác định rủi ro của Công ty;
- c) Đo lường rủi ro;
- d) Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

Điều 46. Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký Công ty)

46.1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị.

46.2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a) Có hiểu biết về Pháp Luật;
- b) Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của Pháp Luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

46.3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Tham dự các cuộc họp;
- e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của Pháp Luật;
- f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h) Bảo mật thông tin theo các quy định của Pháp Luật và Điều lệ công ty;
- i) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp Luật và Điều lệ công ty.

IV. Ban Kiểm soát

Điều 47. Nghĩa vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát

47.1. Nghĩa vụ của Ban Kiểm soát:

- a) Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Pháp Luật, Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các nhiệm vụ của mình;
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- c) Thẩm định báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và

- sáu tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị; trình báo cáo thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị lên Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- d) Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 10 Điều 16 của Điều lệ này;
 - e) Khi có yêu cầu kiểm tra của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 18.2 Điều 18 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải có báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - f) Khi có yêu cầu khởi kiện của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 18.2 Điều 18 của Điều lệ này, Ban Kiểm soát phải trả lời bằng văn bản xác nhận đã nhận được yêu cầu khởi kiện và tiến hành các thủ tục khởi kiện theo yêu cầu của cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khởi kiện.
 - g) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của Công ty;
 - h) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm Pháp Luật, Điều lệ công ty dẫn đến xâm phạm quyền và lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc khách hàng, xâm phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong thời hạn 48 giờ, và yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm, đồng thời có giải pháp nhằm khắc phục hậu quả. Nếu vi phạm đó nghiêm trọng hoặc thành viên vi phạm không chịu thực hiện chấm dứt, điều chỉnh hành vi vi phạm đúng thời hạn theo yêu cầu, Ban kiểm soát phải đề nghị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để đề xuất biện pháp giải quyết tiếp theo;
 - i) Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc của Công ty vi phạm nghiêm trọng các quy định của Pháp Luật, Ban Kiểm soát phải trực tiếp báo cáo lên UBCK bằng văn bản trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát hiện vi phạm;
 - j) Trường hợp kiểm soát viên biết rằng các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc vi phạm quy định của Pháp Luật, nguyên tắc quản trị và Điều lệ công ty, vi thể xâm phạm đến quyền và lợi ích của Công ty nhưng không thực hiện thông báo, thực hiện trách nhiệm của mình theo quy định thì kiểm soát viên đó phải

chịu trách nhiệm về những vấn đề có liên quan đến nhiệm vụ của mình;

- k) Các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

47.2. Quyền của Ban Kiểm soát:

- a) Sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- b) Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị: Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- c) Được cung cấp đầy đủ thông tin:
- (i) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - (ii) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành phải được gửi đến thành viên Ban Kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị;
 - (iii) Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của Công ty làm việc để thực thi nhiệm vụ của mình;
 - (iv) Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát.
- d) Được nhận thù lao và hưởng các lợi ích khác:
- (i) Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức thù lao và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát căn cứ vào số ngày làm việc dự tính, số lượng và tính chất của công việc và mức thù lao bình quân hàng ngày của thành viên;
 - (ii) Thành viên Ban Kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
 - (iii) Thù lao và chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp Luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Pháp Luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.

47.3. Trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình, thành viên Ban Kiểm soát phải có nghĩa vụ sau đây:

- a) Tuân thủ Pháp Luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;

47.4. Trường hợp Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 47.3 Điều này, dẫn đến gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì các thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp có được do vi phạm nghĩa vụ của mình đều thuộc sở hữu của Công ty.

47.5. Nếu phát hiện có thành viên Ban Kiểm soát vi phạm nghĩa vụ trong khi thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm soát, yêu cầu phải chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 48. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát

48.1. Ban Kiểm soát của Công ty có từ ba (03) đến năm (05) thành viên.

48.2. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là năm (05) năm. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

48.3. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Ban Kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban Kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

48.4. Thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu. Việc bầu thành viên Ban Kiểm soát phải thực hiện trên nguyên tắc bầu dồn phiếu. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền đề cử ứng viên vào Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 49. Cách thức hoạt động và cuộc họp của Ban Kiểm soát

49.1. Ban Kiểm soát phải ban hành các quy định về cách thức hoạt động và trình tự, thủ tục, cách thức tổ chức cuộc họp của Ban Kiểm soát.

49.2. Mỗi năm Ban Kiểm soát phải tổ chức họp tối thiểu hai (02) lần.

49.3. Cuộc họp của Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

49.4. Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thêm dự và trả lời các vấn đề được làm rõ.

Điều 50. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát

50.1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty
- e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- f) Không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

Ban Kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam và ít nhất một thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

50.2. Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của công ty chứng khoán khác. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

50.3. Điều khoản khuyến nghị: Có trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành tài chính, ngân hàng.

50.4. Các điều kiện và tiêu chuẩn khác do Công ty tự quy định phù hợp với Pháp Luật hiện hành.

Điều 51. Ứng cử, đề cử và miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

51.1. Ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát

- a) Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban Kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại điểm a) b) Khoản 39.1 Điều 39 Điều lệ này
- b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

51.2. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này;
- b) Có đơn xin từ chức và được chấp thuận;

51.3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm Kiểm soát viên trong các trường hợp sau:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và Điều lệ Công ty;
- d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG IV NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

Điều 52. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 53. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

53.1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này, Luật doanh nghiệp và các quy định Pháp Luật khác.

53.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

53.3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

53.4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại

chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và Pháp Luật chuyên ngành có quy định khác.

Điều 54. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

54.1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

54.2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty uỷ quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện theo uỷ quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo uỷ quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện theo uỷ quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

- a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;
- b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

54.3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG V XỬ LÝ MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN

Điều 55. Các tranh chấp có thể xảy ra

55.1. Các trường hợp được xem là tranh chấp giữa Công ty với các đối tác liên quan khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa:

- a) Cổ đông với Công ty;
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc điều hành hay người quản lý quy định tại Điều lệ công ty;

c) Khách hàng hoặc các đối tác liên quan khác với Công ty.

55.2. Nội dung của tranh chấp cần giải quyết; các tranh chấp có liên quan tới hoạt động của Công ty, tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hoặc từ bất cứ quyền và nghĩa vụ nào do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định.

Điều 56. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp

56.1. Thương lượng và hoà giải: Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng và hoà giải. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp, trừ khi tranh chấp có liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu, chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

56.2. Đưa ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế: Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

56.3. Chi phí thương lượng, hoà giải và chi phí của Toà án:

- a) Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải;
- b) Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 57. Các hợp đồng, giao dịch phải được chấp thuận

57.1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông của công ty và những người có liên quan của họ;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai theo quy định tại Khoản 58.2 Điều 58 của Điều lệ này.

57.2. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

57.3. Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch sau

- a) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 57.2 Điều này;
- b) Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn mười phần trăm (10%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ năm mươi một phần trăm (51%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

57.4. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại Khoản 57.3 Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết. Hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại Điểm b) Khoản 29.2 Khoản 29.6 Điều 29 Điều lệ này.

57.5. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

57.6. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định tại Điều 58 Điều lệ này và Pháp Luật có liên quan.

Điều 58. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

58.1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với công ty;

58.2. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác của công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

58.3. Việc kê khai quy định tại Khoản 58.2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07)

ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

58.4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 58.1 và Khoản 58.2 Điều này được thực hiện như sau:

- a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
- b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
- c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc, và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;
- d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại Điểm c) Khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này.

58.5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về công ty.

CHƯƠNG VI QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 59. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

59.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 18.2 Điều 18 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

59.2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

59.3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của Pháp Luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

59.4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của Công ty.

CHƯƠNG VII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 60. Công nhân viên và công đoàn

60.1. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý.

60.2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định Pháp Luật hiện hành.

CHƯƠNG VIII BÁO CÁO VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 61. Chế độ báo cáo và công bố thông tin

61.1. Nghĩa vụ công bố thông tin:

- a) Công ty phải thực hiện chế độ công bố thông tin, báo cáo định kỳ và bất thường theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền một cách đầy đủ, kịp thời. Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các thông tin, số liệu công bố, báo cáo;
- b) Việc công bố thông tin được thực hiện theo những cách thức nhằm đảm bảo cho cổ đông/thành viên và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng tại cùng một thời điểm. Ngôn từ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu, tránh gây nhầm lẫn cho cổ đông và công chúng đầu tư.

61.2. Nội dung công bố thông tin:

- a) Công ty thực hiện công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:
 - (i) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm kèm theo báo cáo của tổ chức kiểm toán;
 - (ii) Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra hoặc phát

hiện sự kiện theo luật định;

(iii) Công bố thông tin theo yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

- b) Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị của Công ty trong các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông hàng năm, trong báo cáo thường niên của Công ty.

61.3. Tổ chức công bố thông tin: Công ty thực hiện xây dựng và ban hành các quy định về công bố thông tin theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn. Đồng thời, bổ nhiệm ít nhất một cán bộ chuyên trách về công bố thông tin đáp ứng yêu cầu sau:

- a) Có kiến thức kế toán, tài chính, có kỹ năng nhất định về tin học;
- b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
- c) Có đủ thời gian để thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của cổ đông và định kỳ công bố, giải đáp, trả lời những ý kiến đó và các vấn đề quản trị Công ty theo quy định.

61.4. Người công bố thông tin: Việc công bố thông tin phải do Người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc Người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải chịu trách nhiệm về nội dung thông tin do Người được ủy quyền công bố.

Điều 62. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

62.1. Công ty phải lập bán báo cáo tài chính năm theo quy định của Pháp Luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 67 Điều lệ này, và cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

62.2. Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

62.3. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

62.4. Công ty phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính.

62.5. Công ty phải lập và công bố các báo cáo bán niên và quý theo quy định pháp luật.

62.6. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo bán niên và quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.

62.7. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo bán niên và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ

sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 63. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của Pháp Luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG IX QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN

Điều 64. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

Điều 65. Hệ thống kế toán

65.1. Công ty sử dụng Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán được Bộ Tài chính chấp thuận, tuân thủ các chế độ kế toán dành cho công ty chứng khoán do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản hướng dẫn kèm theo. Công ty phải chịu sự kiểm tra của cơ quan Nhà nước về việc thực hiện chế độ kế toán - thống kê.

65.2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu trữ hồ sơ, sổ sách kế toán theo loại hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Hồ sơ, sổ sách kế toán phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đầy đủ để có thể chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

Điều 66. Tài khoản ngân hàng

66.1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

66.2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của Pháp Luật.

66.3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 67. Kiểm toán

67.1. Báo cáo tài chính năm, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 31 tháng 12, báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại ngày 30 tháng 6 của Công ty phải được một tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán, soát xét.

67.2. Tổ chức kiểm toán độc lập và các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được UBCK chấp thuận và do Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

67.3. Sau khi kết thúc năm tài chính, Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính năm, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị cùng với thư quản lý trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

67.4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại Đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

Điều 68. Xử lý lỗ trong kinh doanh

Lỗ năm trước sẽ được xử lý trong năm kế tiếp khi năm kế tiếp đó Công ty kinh doanh có lãi.

Điều 69. Nguyên tắc phân chia lợi nhuận

- 69.1.** Điều kiện phân chia lợi nhuận cho các cổ đông: Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các cổ đông phổ thông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp Luật, đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo các điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.
- 69.2.** Thông qua việc phân chia lợi nhuận: Đại hội đồng cổ đông quyết định về tỷ lệ, hình thức phân chia lợi nhuận và chia thưởng theo quy định của Pháp Luật. Mức chi trả cổ tức không được vượt quá mức đề xuất của Hội đồng quản trị.
- 69.3.** Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
- 69.4.** Ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức, thường: Hội đồng quản trị quyết định ngày chốt danh sách cổ đông và ngày chi trả cổ tức, thường theo phương án của Đại hội đồng cổ đông.
- 69.5.** Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
- 69.6.** Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
- 69.7.** Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

Điều 70. Trích lập các quỹ theo quy định

70.1. Hàng năm, Công ty trích từ lợi nhuận sau thuế để lập các quỹ sau đây:

- a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn Điều lệ;

- b) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ;
- c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
- d) Các quỹ khác theo quy định của Pháp Luật.

70.2. Tỷ lệ trích lập, giới hạn trích lập và việc quản lý, sử dụng các quỹ quy định tại Khoản 70.1 Điều này thực hiện theo quy định của Pháp Luật hiện hành.

CHƯƠNG X CON DẤU

Điều 71. Con dấu

- 71.1.** Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khác theo quy định của luật pháp.
- 71.2.** Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của Pháp Luật hiện hành.

CHƯƠNG XI TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ VÀ PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 72. Tổ chức lại Công ty

- 72.1.** Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được sự chấp thuận của UBCK.
- 72.2.** Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Pháp Luật liên quan.

Điều 73. Giải thể

- 73.1.** Công ty giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau:
- a) Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể Công ty trước thời hạn. Trường hợp Công ty giải thể trước thời hạn hoạt động phải được UBCK chấp thuận;
 - b) Công ty không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu trong thời hạn sáu (06) tháng liên tục theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - c) UBCK thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc bị Tòa án tuyên bố phá sản theo quy định hiện hành của Pháp Luật.
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của Pháp Luật.
- 73.2.** Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác và Công ty không đang trong quá trình giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc cơ quan trọng tài. Trường hợp mất khả năng thanh toán, Công ty phải thực hiện giải thể theo quy định của Luật Phá sản và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- 73.3.** Hội đồng quản trị công ty thành lập Ban thanh lý để giải quyết số tài sản của Công ty tại thời điểm giải thể. Mọi vấn đề phát sinh trong quá trình giải thể do Ban thanh lý giải quyết và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trước Hội đồng quản trị công ty và Pháp

Luật.

Điều 74. Phá sản

Việc phá sản Công ty được thực hiện theo quy định của Pháp Luật về phá sản đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng.

Điều 75. Thanh lý

75.1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

75.2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho UBCK về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

75.3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Mục (a) đến (e) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XII THỂ THỨC SỬA ĐỔI VÀ BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 76. Bổ sung và Sửa đổi Điều lệ

76.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông công ty xem xét quyết định.

76.2. Trong trường hợp có những quy định của Pháp Luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập hoặc có những quy định mới của Pháp Luật khác với những điều khoản trong bản Điều lệ này thì những quy định của Pháp Luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIII HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU LỆ

Điều 77. Ngày hiệu lực

77.1. Bản điều lệ này gồm 13 Chương 77 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thông qua và chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ ngày 25 tháng 03 năm 2024.

77.2. Điều lệ này được lập thành hai (02) bản, có giá trị pháp lý như nhau.

77.3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

77.4. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 03 năm 2024. ✓

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGI ★

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua nội dung sửa đổi các Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Chứng khoán số 59/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC ("Điều Lệ Công Ty");

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị, điều hành Công ty, Hội đồng quản trị đã rà soát các quy chế hoạt động nội bộ hiện hành của Công ty. Trên cơ sở rà soát, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản của các Quy chế quản trị nội bộ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với các yêu cầu quản trị, điều hành của Công ty.

Theo đó, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua nội dung sau:

1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế Quản trị nội bộ Công ty (Chi tiết tại Bảng so sánh số 01 đính kèm tờ trình này) và toàn văn Quy chế Quản trị nội bộ Công ty;
2. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty (Chi tiết tại Bảng so sánh số 02 đính kèm tờ trình này) và toàn văn Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty;
3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty (Chi tiết tại Bảng so sánh số 03 đính kèm tờ trình này) và toàn văn Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty;
4. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty (Chi tiết tại Bảng so sánh số 04 đính kèm tờ trình này) và toàn văn Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty;
5. Các nội dung khác của Điều lệ không thay đổi và giữ nguyên hiệu lực.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua!

Nơi nhận:

- Cổ đông CTCP Chứng khoán DSC;
- HĐQT, Ban Kiểm soát;
- Lưu VP Cty.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC ANH



**BẢNG SO SÁNH SỐ 01****SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU KHOẢN CỦA QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

((Đính kèm ~~Tờ trình~~ Đại hội đồng cổ đông số 13/2024/TT-ĐHĐCĐ/DSC ngày 27 tháng 02 năm 2024

Chương, Điều	Quy chế quản trị nội bộ hiện tại	Quy chế quản trị nội bộ sửa đổi	Căn cứ/ghi chú
CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT		<p>Điều 33. Vai trò và nhiệm vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>33.1. Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.</p> <p>33.2. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:</p> <ul style="list-style-type: none">a) Tuân thủ Pháp Luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác; <p>Điều 34. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát</p> <p>34.1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát</p>	Bổ sung Chương V: BAN KIỂM SOÁT theo Điều 4 Phụ lục II Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020

		<p>Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 48 Điều lệ Công ty.</p> <p>34.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 50 Điều lệ Công ty.</p> <p>34.3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu tối thiểu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông Công ty thực hiện đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 18.5 Điều 18 Điều lệ Công ty.</p> <p>34.4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát Việc bầu thành viên Ban kiểm soát (bao gồm cả trường hợp bầu bổ sung) phải được thực hiện dựa trên nguyên tắc dồn phiếu.</p> <p>34.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp được quy định tại Điều 51 Điều lệ Công ty.</p> <p>34.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát</p> <p>a) Thông báo về thông tin ứng cử viên: trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên thì thông tin liên quan đến các ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm</p>	
--	--	--	--

9.12
CỔ
C
CHỦ
CÁU

		<p>các thông tin quy định tại điểm a) Khoản 39.1 Điều 39 Điều lệ Công ty.</p> <p>b) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p> <p>34.7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quy định tại điểm d Khoản 47.2 Điều 47 Điều lệ Công ty</p>	
CHƯƠNG V: CÔNG BỐ THÔNG TIN	CHƯƠNG V: CÔNG BỐ THÔNG TIN	CHƯƠNG VI: CÔNG BỐ THÔNG TIN	Sửa đổi tên Chương, Điều, Khoản theo thứ tự do bổ sung Chương V: BAN KIỂM SOÁT vào sau Chương IV : PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY
CHƯƠNG VI: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	CHƯƠNG VI: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	CHƯƠNG VII: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	
CHƯƠNG VII: HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	CHƯƠNG VII: HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	CHƯƠNG VIII: HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY	
SỬA ĐỔI LOGO THEO LOGO MỚI CỦA CÔNG TY			

9-C
NG T
PH
NG K
DS
21/11/2024

BẢNG SO SÁNH SỐ 02
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

((Đính kèm Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 13/2024/TTr-DHĐCĐ/DSC ngày 27 tháng 02 năm 2024


Nội dung sửa đổi	Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban TGD Công ty hiện tại	Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban TGD Công ty sửa đổi	Căn cứ/ghi chú
SỬA ĐỔI LOGO THEO LOGO MỚI CỦA CÔNG TY			

BẢNG SO SÁNH SỐ 03
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

((Đính kèm Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 13/2024/TTr-DHĐCĐ/DSC ngày 27 tháng 02 năm 2024

Nội dung sửa đổi	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát hiện tại	Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát sửa đổi	Căn cứ/ghi chú
SỬA ĐỔI LOGO THEO LOGO MỚI CỦA CÔNG TY			
SỬA ĐỔI TÊN CÔNG TY; ĐỊA CHỈ CÔNG TY; SỐ ĐIỆN THOẠI CÔNG TY; WEBSITE CÔNG TY TRONG TOÀN BỘ QUY TRÌNH	<ul style="list-style-type: none"> - Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Đà Nẵng - Địa chỉ: 102 Nguyễn Thị Minh Khai, Q.Hải Châu, Tp. Đà Nẵng - Số điện thoại: (0236) 3888588 - Website: https://www.dnsc.com.vn/dnsc 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC - Địa chỉ: 80 Dịch Vọng Hậu, P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, TP Hà Nội - Số điện thoại: (024) 38803456 - Website: https://www.dsc.com.vn 	Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động công ty chứng khoán số 53/GPĐC-UBCK ngày 13/07/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BẢNG SO SÁNH SỐ 04
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG TẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT CÔNG TY
((Đính kèm Tờ trình Đại hội đồng cổ đông số 13/2024/TTr-DHDCD/DSC ngày 27 tháng 02 năm 2024

Nội dung sửa đổi	Quy chế hoạt động của HĐQT hiện tại	Quy chế hoạt động của HĐQT sửa đổi	Căn cứ/ghi chú
SỬA ĐỔI LOGO THEO LOGO MỚI CỦA CÔNG TY			





CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DSC
80 Dịch Vọng Hậu, P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, TP Hà
Nội
Tel: (024) 38803456
Website: <https://www.dnsc.com.vn/dnsc>



QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

-----□□□-----

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 01/2024/NQ-DHĐCĐ/DSC ngày 25 tháng 03 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Chứng khoán DSC)

QUY CHẾ QUẢN TRỊ NỘI BỘ

-----□□□-----

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 01/2024/NQ-DHDCD/DNSC ngày 25 tháng 03 năm 2024.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Chứng khoán DSC.

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.
- 1.2. Đối tượng áp dụng:** Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

- 2.1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:**

- a) **“Quản trị công ty”**: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:
 - (i) Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
 - (ii) Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - (iii) Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
 - (iv) Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông;
 - (v) Công khai minh bạch mọi hoạt động của Công ty.
- b) **“Công ty”** là Công ty cổ phần Chứng khoán DSC.
- c) **“Điều lệ”** là Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC được Đại Hội đồng Cổ đông Công ty thông qua;
- d) **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- e) **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- f) **“Việt Nam”** là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- g) **“Người điều hành doanh nghiệp”** là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
- h) **“Người quản lý doanh nghiệp”** là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty;
- i) **“Người có liên quan”** là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.
- j) **“Thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành”** (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng Quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của Công ty;
- k) **“Thành viên độc lập Hội đồng Quản trị”** (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được quy định tại khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- l) **“Người phụ trách quản trị Công ty”** là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 31 Điều lệ Công ty.
- m) **“Sở Giao dịch chứng khoán”** là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các Công ty con.
- n) **“UBCKNN”** là Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

- 2.2. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

- 3.1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
- 3.2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- 3.3. Các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông trước đó chưa được thực hiện, Hội đồng Quản trị phải báo cáo Đại Hội đồng Cổ đông tại kỳ họp thường niên gần nhất. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phải trình Đại Hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4.1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

- a) Đại Hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng Quản trị quyết định gia hạn họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại Hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường.
- b) Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại Hội đồng Cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- c) Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty và Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

4.2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp:

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật có liên quan có trách nhiệm thực hiện việc Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông.

4.3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Công ty phải công bố thông tin về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại Hội đồng Cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
- b) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải được đăng tải trên website của Công ty với nội dung thời gian chốt danh sách, địa điểm, thời gian dự kiến tổ chức họp;
- c) Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại Hội đồng Cổ đông. Trường hợp cổ đông đã lưu ký chứng khoán thì danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông được lập theo quy định của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, phù hợp với các quy định của pháp luật.

4.4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- a) Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng thư báo đảm đến địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.
- b) Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại Hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - (ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị (nếu có);
 - (iii) Phiếu biểu quyết;
 - (iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp, nội dung họp Đại Hội đồng Cổ đông.

4.5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

- a) Chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại Hội đồng Cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - (i) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

- (ii) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị (nếu có);
 - (iii) Phiếu biểu quyết;
 - (iv) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp
 - (v) Chương trình, nội dung Đại Hội đồng Cổ đông
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 18.2 Điều 18 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
- c) Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm a Khoản này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- (i) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Điểm a Khoản này;
 - (ii) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Điều lệ Công ty;
 - (iii) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - (iv) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- d) Người triệu tập họp Đại Hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b Khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại tiết iv điểm b Khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại Hội đồng Cổ đông chấp thuận.

4.6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

- a) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức sau:
- (i) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - (ii) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - (iii) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - (iv) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;

- (v) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.
- b) Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 6 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
- c) Người được ủy quyền dự họp Đại Hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). d) Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - (ii) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - (iii) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4.7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- a) Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
- b) Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự; Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được quy định tại Khoản 6 Điều này;
- c) Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

4.8. Điều kiện tiến hành cuộc họp

- a) Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

- b) Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điểm a) Khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất [nếu Điều lệ Công ty không quy định khác]. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- c) Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b) Khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn [20] ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, [nếu Điều lệ Công ty không quy định khác]. Cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4.9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- a) Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản;
- b) Công ty có thể sử dụng rộng rãi công nghệ thông tin trong việc biểu quyết, bao gồm biểu quyết vắng mặt thông qua hệ thống điện tử được bảo mật, biểu quyết qua internet hoặc qua điện thoại để tạo điều kiện thuận lợi cho các cổ đông tham gia dự họp Đại hội đồng cổ đông.

4.10. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

- a) Khi đăng ký cổ đông dự họp, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông và/hoặc tên người đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết hoặc một phiếu biểu quyết (hoặc cả hai loại trên), trên đó có ghi thông tin của Cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết, các nội dung cần thông qua tại Đại hội;
- b) Hình thức bỏ phiếu tại Đại Hội đồng Cổ đông:
 - (i) Biểu quyết theo hình thức công khai;
 - (ii) Biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín.
- c) Đại Hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
- d) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng

cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử Công ty.

4.11. Cách thức kiểm phiếu

- a) Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại Hội đồng Cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
- b) Ban kiểm phiếu có trách nhiệm công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật.
- c) Đối với trường hợp biểu quyết công khai: Ban kiểm phiếu sẽ ghi nhận số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với mỗi nội dung biểu quyết, sau đó tổng hợp trực tiếp và báo cáo ngay tại đại hội;
- d) Đối với trường hợp bỏ phiếu kín: Các cổ đông sau khi lựa chọn các phương án biểu quyết tại mỗi nội dung của Đại hội trên Phiếu biểu quyết, các cổ đông sẽ bỏ Phiếu biểu quyết vào hòm phiếu. Hòm phiếu đã được khóa và niêm phong theo đúng quy định của pháp luật và do Ban kiểm phiếu quản lý;
- e) Sau mỗi nội dung hoặc sau khi các nội dung đã được xin ý kiến, Ban kiểm phiếu tiến hành mở hòm phiếu niêm phong dưới sự chứng kiến của các thành viên Ban kiểm phiếu và các cổ đông tham dự họp nếu các cổ đông có yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp;
- f) Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra phiếu biểu quyết theo thứ tự các phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến và tổng hợp kết quả để lập Biên bản kiểm phiếu; g) Biên bản kiểm phiếu là văn bản tổng hợp kết quả kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu đối với ý kiến của cổ đông với các nội dung của đại hội, trong đó phải bao gồm các nội dung sau:
 - (i) Tên trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Các nội dung biểu quyết;
 - (iii) Số cổ đông tham dự đại hội đã biểu quyết trong đó nêu rõ số cổ phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ;
 - (iv) Tổng số phiếu và tỷ lệ phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng nội dung biểu quyết của đại hội;

- (v) Các nội dung đã được thông qua, không được thông qua tại Đại hội;
- (vi) Họ tên chữ ký của các thành viên Ban kiểm phiếu hoặc đại diện trưởng ban kiểm phiếu nhưng phải đảm bảo các thành viên Ban kiểm phiếu phải ký nháy trên Biên bản và các Phiếu biểu quyết.

4.12. Công bố kết quả kiểm phiếu

- a) Ban kiểm phiếu được bầu theo quy định tại Điều này có trách nhiệm công bố kết quả kiểm phiếu tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông theo quy định của pháp luật.
- b) Đối với các nội dung biểu quyết Đại Hội đồng Cổ đông quyết định biểu quyết theo hình thức công khai, chủ tọa hoặc đại diện Ban kiểm phiếu công bố công khai ngay sau khi tiến hành biểu quyết về nội dung đó;
- c) Đối với các nội dung Đại Hội đồng Cổ đông quyết định biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu kín, Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện Ban kiểm phiếu công bố trước thời điểm bế mạc đại hội;
- d) Đối với thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông, biên bản kiểm phiếu phải gửi đến các cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, hoặc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng 24 (hai mươi tư) giờ kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

4.13. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

- a) Trừ trường hợp quy định tại Khoản 29.2b 29.3, 29.4, 29.5 Điều 29 Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.
- b) Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết và biểu quyết tại cuộc họp tán thành:
 - (i) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - (ii) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (iii) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - (iv) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;
 - (v) Tổ chức lại, giải thể công ty

4.14. Cách thức phân đổi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp)

- a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại Hội đồng Cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.
- b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a Khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ Công ty trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

4.15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- a) Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác với đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Biên bản được viết bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
- b) Biên bản họp phải bao gồm các nội dung sau:
 - (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - (iii) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - (iv) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - (v) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - (vi) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - (vii) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- (viii) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- (ix) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- c) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
- d) Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày hoặc thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty, trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày bế mạc cuộc họp.

4.16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- a) Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
- b) Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và các tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

5.1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

5.2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

- a) Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ thường trú của từng cổ đông.
- b) Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - (iv) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
 - (v) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (vi) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - (vii) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- c) Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
- (i) Gửi thư. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - (ii) Gửi fax hoặc thư điện tử. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - (iii) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- d) Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - (ii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - (iii) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - (iv) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

- (v) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- (vi) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- e) Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.
 - f) Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
 - g) Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- 5.3.** Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết) bao gồm các nội dung sau:
- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - d) Điều kiện tiến hành;
 - e) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
 - f) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
 - g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
 - h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
 - i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
 - j) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

- 5.4.** Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến (bao gồm trình tự, thủ tục tổ chức cuộc họp và biểu quyết), do Hội đồng quản trị quy định chi tiết nhưng đảm bảo tuân thủ và đầy đủ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Điều kiện tiến hành;
- e) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- f) Cách thức bỏ phiếu;
- g) Cách thức kiểm phiếu;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- j) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5.5. Các hình thức họp Đại hội đồng cổ đông khác theo quy định tại từng thời điểm.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 6. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị)

6.1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị:

- a) Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.
- b) Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được cung cấp thông tin như sau:
 - (i) Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
 - (ii) Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin theo được thực hiện theo quyết định/quy định của Hội đồng Quản trị trong từng thời kỳ.

6.3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các thành viên Hội đồng Quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

Điều 7. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

7.1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- a) Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị là từ 05 (năm) đến 07 (bảy) thành viên.
- b) Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng Quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng Quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

7.2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng Quản trị:

- a) Cơ cấu Hội đồng Quản trị của Công ty phải đảm bảo số lượng tối thiểu của thành viên Hội đồng Quản trị không điều hành và thành viên độc lập Hội đồng Quản trị và các yêu cầu khác theo quy định của pháp luật trong từng thời kỳ. Cơ cấu Hội đồng Quản trị Công ty phải đảm bảo quy định sau:
 - (i) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - (ii) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên;
 - (iii) Công ty phải đảm bảo tối thiểu (1/3) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị là thành viên không điều hành
- b) Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - (i) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - (ii) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;
 - (iii) Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị của công ty khác với điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị Công ty chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại tối đa 05 công ty khác và không thuộc trường hợp bị cấm theo quy định tại tiết (iv) điểm b khoản 5 Điều này.
 - (iv) Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc của công ty chứng khoán khác.
 - (v) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

- c) Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng Quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- (i) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - (ii) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng theo quy định;
 - (iii) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - (iv) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - (v) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.
- d) Tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều này đồng thời áp dụng cho những thành viên Hội đồng Quản trị được bầu chọn bổ sung, thay thế.
- e) Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.
- f) Thành viên Hội đồng Quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- g) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

7.3. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

- a) Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.
- b) Phiếu bầu cử do Ban tổ chức Đại hội đồng cổ đông chuẩn bị, có ghi danh sách ứng cử viên, tổng số phiếu bầu của cổ đông, có đóng dấu treo Công ty.

7.4. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- a) Thành viên Hội đồng Quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế trong các trường hợp sau:
- (i) Thành viên Hội đồng Quản trị không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Quy chế này;
 - (ii) Thành viên Hội đồng Quản trị có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - (iii) Khi thành viên Hội đồng Quản trị có một hoặc một số hành vi sau:
 - Không thực hiện quyền, nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm vi lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty, cổ đông.
 - Không trung thành với Công ty thông qua việc thực hiện một/nhiều hành vi (bao gồm nhưng không giới hạn) như: sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Công ty, cổ đông.
 - Có hành vi gây khó khăn, cản trở hoặc bất kỳ hành vi khác có tính chất tương tự làm ảnh hưởng đến sự hoạt động thông suốt và/tiền độ của công tác quản trị, điều hành của Công ty (bao gồm nhưng không giới hạn các hành vi như cố tình không tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dù được triệu tập hợp lệ/từ chối ký Biên bản họp mà không có lý do chính đáng/không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ công việc do Hội đồng Quản trị phân công, giao nhiệm vụ/gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ...) và/hoặc có hành vi/phát sinh các sự kiện gây mất, làm ảnh hưởng đến uy tín, hình ảnh thương hiệu của Công ty.
 - Không thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty;
 - Có hành vi cạnh tranh bất hợp pháp với Công ty hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Công ty.
 - (iv) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- (i) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - (ii) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
- c) Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng Quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị ngoài trường hợp quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này.

- d) Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:
- (i) Số thành viên Hội đồng Quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - (ii) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng Quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trừ trường hợp quy định tại tiết i và tiết ii điểm d Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng Quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

7.5. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Công ty phải thực hiện công bố thông tin về việc nhận được đơn từ nhiệm, bầu, miễn nhiệm, bãi miễn thành viên Hội đồng Quản trị theo đúng quy định của pháp luật về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 8. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

- 8.1.** Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng Quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu.
- 8.2.** Ứng cử viên Hội đồng Quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng Quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng Quản trị được công bố bao gồm:
- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng Quản trị của Công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty
- 8.3.** Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng Quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng Quản trị (nếu có).

- 8.4.** Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng Quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Điều lệ Công ty, Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định sau:
- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử.
 - Ứng viên do Hội đồng Quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng Quản trị đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua.
 - Ứng viên do Hội đồng Quản trị giới thiệu phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.
 - Việc Hội đồng Quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được kiêm Tổng Giám đốc.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

Điều 10. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng Quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- Thành viên Hội đồng Quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng Quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo

nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng Quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

- 10.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
- 10.4. Thành viên Hội đồng Quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng Quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng Quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng Quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 10.5. Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng Quản trị.
- 10.6. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng Quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

11.1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

Hội đồng Quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường trong các trường hợp quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

11.2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của thành viên độc lập Hội đồng Quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng Quản trị;
- d) Trong trường hợp mà Chủ tịch Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết.

11.3. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định)

- a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng Quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải

xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị/người triệu tập họp Hội đồng Quản trị xét thấy cần phải họp khẩn cấp hoặc có đề nghị của trên 1/2 số thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty, Chủ tịch Hội đồng Quản trị/ người triệu tập họp Hội đồng Quản trị có thể tổ chức họp ngay sau khi gửi thông báo mời họp và tài liệu họp có thể được cung cấp cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp

- b) Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Hội đồng Quản trị quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại Công ty.
- c) Thành viên Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu bổ sung nội dung chương trình họp bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tới Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập. Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp có nhiệm vụ phải đưa các nội dung yêu cầu bổ sung vào chương trình họp nếu nội dung đó được toàn bộ các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Việc từ chối đưa các nội dung yêu cầu bổ sung vào cuộc họp phải được nêu công khai tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.

11.4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để trả lời các câu hỏi của cổ đông tại cuộc họp (nếu có); trường hợp bất khả kháng không tham dự được, thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát phải báo cáo bằng văn bản với Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, công ty đại chúng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của công ty đại chúng.

11.5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên Hội đồng Quản trị thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 02 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.

11.6. Cách thức biểu quyết

- a) Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- b) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - c) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 3 Điều này;
 - d) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - e) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - f) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
- 11.7. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- 11.8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận.
- 11.9. Trừ quy định tại khoản 5 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng Quản trị hoặc người được ủy quyền tham dự cuộc họp có một (01) phiếu biểu quyết;
- 11.10. Thành viên Hội đồng Quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thành viên Hội đồng Quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng Quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.

Điều 12. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

- 12.1. Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác theo quy định của Công ty.
- 12.2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu số phiếu tán thành và phản đối bằng nhau nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
- 12.3. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.
- 12.4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng Quản trị phải tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp Nghị quyết/Quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên biểu quyết

tán thành thông qua Nghị quyết/Quyết định phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về Nghị quyết/Quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên biểu quyết không tán thành thông qua Nghị quyết/Quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị đình chỉ thực hiện Nghị quyết nói trên theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị được phép ủy quyền cho cá nhân khác tham dự họp theo quy định của Điều lệ Công ty.

Điều 14. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

14.1. Các cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

14.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a khoản này (trừ điểm i khoản 1 Điều này) thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp và Hội đồng Quản trị cử một thành viên Hội đồng Quản trị ký ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị.

14.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

14.4. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

14.5. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài. Trường hợp Biên bản được lập thêm bằng tiếng nước ngoài thì Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 15. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

Điều 16. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Công ty thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Hội đồng Quản trị theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 17. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

17.1. Hội đồng Quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc;

17.2. Hội đồng Quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và các tiểu ban khác căn cứ nhu cầu của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

17.3. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng Quản trị quyết định và phải có tối thiểu là 03 người trong đó có ít nhất một thành viên là thành viên Hội đồng Quản trị.

17.4. Việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng Quản trị, nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban, thuộc Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quyết định phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty.

17.5. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng Quản trị.

17.6. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

17.7. Việc thực thi quyết định của Hội đồng Quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 18. Các đơn vị khác trực thuộc Hội đồng quản trị

18.1. Hội đồng Quản trị được quyền thành lập các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc khác ngoài các tiểu ban quy định tại Điều 34 của Quy chế này

và được phép ủy quyền cho các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc đó thực hiện một phần các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

- 18.2.** Hội đồng Quản trị được quyền quyết định toàn bộ các vấn đề liên quan đến các hội đồng chuyên môn nghiệp vụ, các cơ quan, đơn vị giúp việc trực thuộc nêu tại khoản 1 Điều này bao gồm nhưng không giới hạn ở việc thành lập, quyết định cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm, quyết định thu nhập đối với nhân sự làm việc tại các bộ phận này.
- 18.3.** Chủ tịch Hội đồng Quản trị có quyền quyết định thành lập bộ phận Văn phòng Hội đồng Quản trị trực thuộc Hội đồng Quản trị để giúp việc Hội đồng Quản trị; quyết định chức năng nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng Quản trị, quyết định việc bổ nhiệm miễn nhiệm, điều động, phân công công việc, chính sách thù lao, thu nhập đối với các nhân sự làm việc tại Văn phòng Hội đồng Quản trị.

Điều 19. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

- 19.1.** Hội đồng Quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị Công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.
- 19.2.** Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty:
- a) Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
 - b) Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- 19.3.** Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng Quản trị;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

- h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

19.4. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

- a) Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty khi đa số (trên 1/2) số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Người phụ trách quản trị Công ty mới thay thế.
- b) Người phụ trách quản trị Công ty có thể được Hội đồng Quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i) Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
 - (ii) Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
 - (iii) Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
- c) Người phụ trách quản trị Công ty có thể bị Hội đồng Quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - (ii) Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
 - (iii) Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.
- d) Việc miễn nhiệm/ bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng đã ký kết (nếu có).

19.5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

Thông tin về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty được thông báo và công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 20. Thư ký Công ty

Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- 20.1.** Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- 20.2.** Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- 20.3.** Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

20.4. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

20.5. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 21. Tổng Giám đốc

21.1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

- a) Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
- b) Tổng Giám đốc có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật.

Điều 22. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.

22.1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

- a) Hội đồng Quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng Quản trị (trừ Chủ tịch Hội đồng Quản trị) hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc.
- b) Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- c) Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - (i) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
 - (ii) Không được đồng thời làm việc cho Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;
 - (iii) Không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của Công ty chứng khoán khác;
 - (iv) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
 - (v) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
 - (vi) Có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của các tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác;
 - (vii) Có chứng chỉ hành nghề phân tích tài chính hoặc chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ;
 - (viii) Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;

- (ix) Có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty: Tốt nghiệp đại học trở lên, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

22.2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị có quyền đề cử các ứng viên đủ điều kiện và phù hợp giữ chức vụ Tổng Giám đốc theo quy định của pháp luật.

22.3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

- a) Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc theo phương thức biểu quyết tại cuộc họp theo quy định của Điều lệ Công ty và pháp luật.
- b) Việc ký kết Hợp đồng lao động được thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động, đảm bảo điều kiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước khi thực hiện. Hợp đồng trong đó quy định tiền lương và lợi ích khác.

22.4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

- a) Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - (i) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật;
 - (ii) Có đơn xin nghỉ việc;
 - (iii) Theo quyết định của Hội đồng Quản trị.
- b) Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng Quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - (i) Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
 - (ii) Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;
 - (iii) Các trường hợp khác theo quy định của Công ty và pháp luật

Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng Quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

22.5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc được Công ty công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

22.6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

- a) Tổng Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

- b) Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

CHƯƠNG IV : PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 23. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động

- 23.1. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, vì sự phát triển Công ty.
- 23.2. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu.
- 23.3. Các thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ tạo điều kiện làm việc theo đúng quy định của Điều lệ và pháp luật nhằm điều hành hoạt động kinh doanh.

Điều 24. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

- 24.1. Các thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc phối hợp chặt chẽ, thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của các thành viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành. Trong quá trình thực hiện chức năng quản trị, Hội đồng Quản trị tạo điều kiện để Tổng Giám đốc thực hiện tốt chức năng của mình.
- 24.2. Khi phát hiện các vấn đề cấp bách thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc, các thành viên Hội đồng Quản trị có thể trao đổi trực tiếp, qua điện thoại hay email với thành viên Ban Tổng Giám đốc để giải quyết kịp thời.
- 24.3. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết và quyết định của Hội đồng Quản trị, nếu Tổng Giám đốc phát hiện thấy có vấn đề bất lợi cho Công ty thì phải báo kịp thời cho Hội đồng Quản trị biết để giải quyết.
- 24.4. Hội đồng Quản trị khi cần thiết sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị Công ty để phục vụ công tác của Hội đồng Quản trị. Đối với công tác tổ chức các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất ba mươi (30) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông.
- 24.5. Tại các cuộc họp của Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp căn cứ nội dung cuộc họp để quyết định mời một hoặc một số thành viên Ban Tổng Giám đốc và/hoặc người quản lý khác phụ trách các mảng công việc có liên quan dự họp và tham gia đóng góp ý kiến (nếu có).

- 24.6. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị.
- 24.7. Trong trường hợp cấp thiết, vì những mục đích liên quan đến nhiệm vụ của mình, thành viên Hội đồng Quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi cho Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị được tiếp cận các thông tin, các báo cáo trong thời gian nhanh nhất.
- 24.8. Tổng Giám đốc có quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến của mình đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu nhận thấy quyết định này trái pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, Tổng Giám đốc phải có báo cáo giải trình ngay với Hội đồng Quản trị bằng văn bản. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín hoặc/và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hoặc phát sinh các sự việc xét thấy cần thiết, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo ngay cho Hội đồng Quản trị để trực tiếp theo dõi và có biện pháp xử lý.
- 24.9. Phối hợp khác: Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác tham gia các khóa học nghiệp vụ, các hoạt động khảo sát thực tế, các hội thảo nghiệp vụ trong và ngoài nước nhằm trau dồi, học hỏi kinh nghiệm, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành Công ty. Việc tham gia các khóa học, khảo sát, hội thảo của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác không được ảnh hưởng đến công việc chung của Công ty.

Điều 25. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

- 25.1. Hội đồng Quản và Tổng Giám đốc đồng thời là cuộc họp hàng quý của Hội đồng Quản trị. Nội dung họp định kỳ có thể kết hợp với các nội dung họp bất thường để xem xét trong cùng một cuộc họp.
- 25.2. Nội dung cuộc họp định kỳ hàng quý bao gồm: báo cáo đánh giá tình hình, hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty, kết quả đạt được, những vấn đề tồn tại cần khắc phục và các vấn đề phát sinh cần giải quyết khác (nếu có) của Công ty;
- 25.3. Hội đồng Quản trị cũng có thể tổ chức họp bất thường giữa Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc vào những thời điểm khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích Công ty;
- 25.4. Thời gian, địa điểm, thông báo mời họp, nội dung, chương trình họp, các tài liệu có liên quan và các vấn đề khác được thực hiện theo các quy định/quyết định của Hội đồng Quản trị và Điều lệ Công ty

Điều 26. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị thực hiện thông báo nghị quyết, quyết định cho Ban Kiểm soát theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 27. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị thực hiện thông báo nghị quyết, quyết định cho Tổng Giám đốc theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ Công ty.

Điều 28. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

28.1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình, tiến độ thực hiện và kết quả hoạt động đối với nhiệm vụ và quyền hạn được giao bởi Hội đồng Quản trị. Việc báo cáo phải được duy trì định kỳ hàng quý và hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của Hội đồng Quản trị.

28.2. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành quyết định của Tổng Giám đốc nếu thấy trái với pháp luật, vi phạm Điều lệ Công ty, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị.

Điều 29. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Định kỳ 06 tháng/lần hoặc đột xuất, Hội đồng Quản trị có thể kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết và các nội dung ủy quyền cho Tổng Giám đốc thực hiện hoặc tổ chức thực hiện.

Điều 30. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

30.1. Tổng Giám đốc hoặc người được Tổng Giám đốc ủy quyền phải báo cáo và cung cấp thông tin cho Hội đồng Quản trị ngay khi Công ty xảy ra một trong các sự kiện sau.

- a) Tài khoản của Công ty bị phong tỏa hoặc tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa;
- b) Có quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy phép hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
- c) Có quyết định khởi tố đối với người quản lý, người điều hành, người nội bộ Công ty; Có bản án, quyết định của tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty; có kết luận của cơ quan thuế về việc vi phạm pháp luật về thuế.
- d) Các vấn đề khác theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc theo quy định của pháp luật.

30.2. Các báo cáo, tài liệu kèm theo phải được lập và gửi bằng văn bản cho Hội đồng Quản trị. Trong trường hợp cấp bách, có thể sử dụng hình thức điện thoại, fax, bút phê và các phương tiện khác theo quy định của Công ty và pháp luật để gửi và xử lý báo cáo, xin ý kiến để kịp thời giải quyết công việc.

Điều 31. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

31.1. Phương thức đánh giá

- a) Công tác đánh giá hoạt động của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý cấp cao khác có thể được tiến hành theo một hoặc một số phương thức sau:
 - (i) Tự nhận xét, đánh giá;
 - (ii) Tổ chức lấy phiếu thăm dò, tín nhiệm;
 - (iii) Cách thức khác do Hội đồng Quản trị lựa chọn vào từng thời điểm.
- b) Đối với cán bộ quản lý khác, Tổng Giám đốc quyết định phương thức, quy trình tổ chức và thực hiện đánh giá hoạt động, báo cáo Hội đồng Quản trị kết quả thực hiện đánh giá.

31.2. Tiêu chí đánh giá hoạt động

- a) Kết quả thực hiện công việc được giao gồm mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân, kết quả phát triển của đơn vị
- b) Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhận thức, tư tưởng, việc tuân thủ và chấp hành Điều lệ Công ty, nội quy lao động, chủ trương, chính sách của Công ty và quy định pháp luật.
- c) Năng lực cá nhân gồm kiến thức, trình độ chuyên môn, khả năng giải quyết vấn đề và kỹ năng giao tiếp, trình bày.
- d) Năng lực quản lý, lãnh đạo gồm khả năng quản lý và vận hành hệ thống quy trình, khả năng đào tạo nhân viên, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thái độ chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.
- e) Tinh thần học tập nâng cao trình độ, trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức tổ chức, kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc được giao và vị trí đảm nhiệm.
- f) Đoàn kết, phối hợp trong và ngoài đơn vị, phối hợp nâng cao mối quan hệ hợp tác trong và ngoài Công ty.
- g) Mức độ tín nhiệm của nhân viên cấp dưới và người lao động trong Công ty.

31.3. Thực hiện đánh giá hoạt động

- a) Hội đồng Quản trị đánh giá kết quả hoạt động của mỗi thành viên định kỳ hàng năm dựa theo chức năng, nhiệm vụ Hội đồng Quản trị quy định tại Điều lệ Công ty và kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công.

- b) Hội đồng Quản trị đánh giá phẩm chất, năng lực, kết quả và hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc định kỳ hàng năm trên cơ sở đánh giá kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.
- c) Việc đánh giá hoạt động đối với các cán bộ quản lý khác được thực hiện hàng năm theo nội dung mô tả công việc, thỏa thuận trong hợp đồng lao động do Tổng Giám đốc quyết định.

Điều 32. Khen thưởng – Kỷ luật

32.1. Hội đồng Quản trị phê duyệt Quy chế khen thưởng – kỷ luật

32.2. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Quy chế này.

32.3. Công ty sẽ tiến hành khen thưởng định kỳ hoặc đột xuất cho tập thể hoặc cá nhân thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác được đánh giá có thành tích trong công tác quản lý hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

32.4. Việc kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm.

32.5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.

32.6. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V: BAN KIỂM SOÁT

Điều 33. Vai trò và nhiệm vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

33.1. Ban Kiểm soát có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật.

33.2. Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát:

- a) Tuân thủ Pháp Luật, Điều lệ công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao;
- b) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và cổ đông;
- c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không được sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích cho tổ chức, cá nhân khác;

Điều 34. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

34.1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 48 Điều lệ Công ty.

34.2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 50 Điều lệ Công ty.

34.3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

Cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu tối thiểu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông Công ty thực hiện đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 18.5 Điều 18 Điều lệ Công ty.

34.4. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc bầu thành viên Ban kiểm soát (bao gồm cả trường hợp bầu bổ sung) phải được thực hiện dựa trên nguyên tắc đồng phiếu.

34.5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong các trường hợp được quy định tại Điều 51 Điều lệ Công ty.

34.6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- a) Thông báo về thông tin ứng cử viên: trường hợp đã xác định được trước ứng cử viên thì thông tin liên quan đến các ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng cử viên thành viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các thông tin quy định tại điểm a) Khoản 39.1 Điều 39 Điều lệ Công ty.
- b) Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được công bố theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty.

34.7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban Kiểm soát được trả thù lao theo công việc và được hưởng các lợi ích khác theo quy định tại điểm d) Khoản 47.2 Điều 47 Điều lệ Công ty

CHƯƠNG VI: CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 35. Nghĩa vụ công bố thông tin



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DSC

80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Tel: (024) 38803456

Website: <https://www.dnsc.com.vn/dnsc>

- 35.1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
- 35.2. Công ty phải xây dựng và ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.
- 35.3. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và nhà đầu tư.

CHƯƠNG VII: SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY


Điều 36. Sửa đổi quy chế nội bộ về quản trị Công ty

Việc sửa đổi, bổ sung quy chế này phải được Hội đồng Quản trị xem xét và quyết định và phải được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty.

CHƯƠNG VIII:

HIỆU LỰC CỦA QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 37. Hiệu lực của Quy chế

- 37.1. Quy chế này gồm 37 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty nhất trí thông qua và có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 02 năm 2024.
- 37.2. Các vấn đề có liên quan đến hoạt động quản trị nội bộ của Công ty chưa được quy định trong Quy chế này và Điều lệ Công ty sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định và ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện. Trong trường hợp có bất kỳ nội dung nào của Quy chế này và/hoặc các văn bản hướng dẫn do Hội đồng Quản trị ban hành trái với quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định của pháp luật thì quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc quy định của pháp luật mặc nhiên được áp dụng để điều chỉnh các nội dung đó.
- 37.3. Quy chế này được lập thành 01 bản gốc và lưu trữ tại Công ty. 

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



NGUYỄN ĐỨC ANH



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DSC
80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP Hà
Nội
Tel: (024) 38803456
Website: <https://www.dsc.com.vn>

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Mã số : DSC.HO.QC-15

*(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 01/2024/NQ-DHĐCĐ/DSC ngày 25 tháng 03 năm 2024
của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC)*

Hà Nội, tháng 03/2024

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	3
QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Mục đích, đối tượng và phạm vi điều chỉnh.....	3
Điều 2. Các tài liệu tham chiếu.....	3
Điều 3. Giải thích thuật ngữ và các từ viết tắt.....	4
CHƯƠNG II	4
CƠ CẤU TỔ CHỨC, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG VÀ CÁCH THỨC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	4
Điều 4. Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc.....	5
Điều 5. Nhiệm kỳ của Ban Tổng Giám đốc.....	5
Điều 6. Nguyên tắc hoạt động của Ban Tổng Giám đốc.....	5
Điều 7. Cách thức giải quyết công việc của Ban Tổng Giám đốc.....	6
CHƯƠNG III	6
TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC	6
Điều 8. Tổng Giám đốc.....	6
Điều 9. Phó Tổng giám đốc.....	7
Điều 10. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc.....	9
Điều 11. Trách nhiệm cá nhân của thành viên Ban Tổng Giám đốc sau khi bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, mất chức danh.....	9
Điều 12. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc.....	9
Điều 13. Trợ lý Tổng Giám đốc.....	10
CHƯƠNG IV	12
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	12
Điều 14. Nguyên tắc phối hợp chung giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc.....	12
Điều 15. Phối hợp làm việc, phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc, giữa BKS với Ban Tổng Giám đốc.....	12
Điều 16. Mối quan hệ công tác giữa Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc.....	12
Điều 17. Mối quan hệ công tác giữa các Phó Tổng giám đốc.....	13
Điều 18. Mối quan hệ công tác giữa Ban Tổng Giám đốc và Trường/Phó phụ trách các Đơn vị 13	
Điều 19. Mối quan hệ công tác giữa Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán 14	
Điều 20. Xử lý công việc khi một thành viên Ban Tổng Giám đốc vắng mặt.....	15

CHƯƠNG V	15
TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỌP	15
Điều 21. Trách nhiệm tổ chức các cuộc họp	15
Điều 22. Họp giao ban tại Trụ sở chính.....	16
Điều 23. Tổ chức các Hội nghị và các cuộc họp quan trọng	17
CHƯƠNG VI	18
LỊCH CÔNG TÁC VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO	18
Điều 24. Lịch công tác của Ban Tổng Giám đốc.....	18
Điều 25. Chế độ báo cáo.....	18
CHƯƠNG VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	19
Điều 26. Tổ chức thực hiện	19
Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Quy chế	19



**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Mã số: DSC.HO.QC-15

Phiên bản: 01

Số trang: 3/19

**QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC**

Mã số: DSC.HO.QC-13

*(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ/DSC ngày 25 tháng 03 năm 2024
của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Mục đích, đối tượng và phạm vi điều chỉnh

- 1.1. Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, nguyên tắc hoạt động của Ban Tổng Giám đốc và mối quan hệ công tác của Ban Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và các chức danh lãnh đạo khác trong Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC; quy định chức năng, nhiệm vụ của Trợ lý Tổng Giám đốc.
- 1.2. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động quản trị và điều hành của Công ty; đảm bảo hoạt động quản trị và điều hành được thông suốt và tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật.
- 1.3. Quy chế này được áp dụng đối với các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

Điều 2. Các tài liệu tham chiếu

2.1. Văn bản quy phạm pháp luật

- a) Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- b) Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- c) Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- d) Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- e) Căn cứ Thông tư số 121/2020/TT-BTC ngày 31/12/2012 của Bộ Tài chính quy định về hoạt động của Công ty Chứng khoán;
- f) Các văn bản pháp luật sửa đổi, thay thế các văn bản nêu trên (nếu có) và các văn bản pháp luật khác có liên quan.



**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Mã số: DSC.HO.QC-15

Phiên bản: 01

Số trang: 4/19

2.2. Văn bản nội bộ của Công ty:

- a) Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC;
- b) Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết số: 01/2021/NQ-DHDCD/DNSC ngày 05 tháng 03 năm 2021;
- c) Các văn bản nội bộ khác của Công ty có liên quan.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ và các từ viết tắt

3.1. Giải thích thuật ngữ

- a) Trong Quy chế này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - (i) **Công ty:** là Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC;
 - (ii) **Ban Tổng Giám đốc:** bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc Công ty;
 - (iii) **Chi nhánh:** là các Chi nhánh do Công ty thành lập;
 - (iv) **Đơn vị:** bao gồm Phòng, Bộ phận, Chi nhánh và các bộ phận khác trực thuộc Công ty;
 - (v) **Điều lệ/Điều lệ Công ty:** là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - (vi) **Quy chế nội bộ về quản trị công ty:** là Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- b) Các thuật ngữ khác không được giải thích trong Quy chế này sẽ có nghĩa như được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các văn bản quy định nội bộ khác của Công ty.
- c) Tiêu đề của các Điều khoản đưa ra chỉ có mục đích thuận tiện cho việc theo dõi và không làm ảnh hưởng đến việc giải thích ý nghĩa, nội dung quy định của Quy chế này.

3.2. Các từ viết tắt

- **DHDCD:** Đại hội đồng cổ đông
- **HDQT:** Hội đồng quản trị
- **BKS:** Ban Kiểm soát
- **TSC:** Trụ sở chính
- **CN:** Chi nhánh.

CHƯƠNG II

**CƠ CẤU TỔ CHỨC, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG
VÀ CÁCH THỨC GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 4. Cơ cấu Ban Tổng Giám đốc

- 4.1. Ban Tổng Giám đốc Công ty gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc có thể đồng thời là thành viên HĐQT Công ty¹.
- 4.2. Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT thuê hoặc bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật và quyết định mức lương, thưởng và các lợi ích khác².

Điều 5. Nhiệm kỳ của Ban Tổng Giám đốc

Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế³.

Điều 6. Nguyên tắc hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

- 6.1. Mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc phải đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và của Công ty, trên cơ sở đảm bảo lợi ích của Công ty.
- 6.2. Ban Tổng Giám đốc hoạt động theo chế độ kết hợp trách nhiệm tập thể với việc đề cao quyền hạn và trách nhiệm cá nhân của Tổng Giám đốc và mỗi thành viên Ban Tổng Giám đốc; chịu sự lãnh đạo, quản lý, giám sát trực tiếp và toàn diện của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật.
- 6.3. Ban Tổng Giám đốc phải thiết lập và duy trì hệ thống thực thi quản trị rủi ro bao gồm các quy trình, bộ máy, nhân sự nhằm đảm bảo ngăn ngừa các rủi ro có thể ảnh hưởng tới lợi ích của Công ty và khách hàng; thiết lập và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ bao gồm cơ cấu tổ chức, nhân sự độc lập và chuyên trách, các quy trình, quy định nội bộ áp dụng tất cả các vị trí, Đơn vị, bộ phận và hoạt động của Công ty nhằm bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật⁴.
- 6.4. Ban Tổng Giám đốc phải xây dựng các quy định làm việc để Hội đồng quản trị thông qua, quy định làm việc tối thiểu phải có các nội dung cơ bản sau đây:
 - a) Trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - b) Quy định trình tự, thủ tục tổ chức và tham gia các cuộc họp;
 - c) Trách nhiệm báo cáo của Ban Tổng Giám đốc đối với Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát⁵.
- 6.5. Giải quyết công việc đúng thẩm quyền và phạm vi trách nhiệm trên cơ sở phân cấp/phân quyền hoặc ủy quyền quy định tại Điều lệ và các quy chế, quy định, quy trình nội bộ của Công ty, nghị quyết/quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.
- 6.6. Mỗi thành viên Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chính về hoạt động của Đơn vị hoặc địa bàn do mình được phân cấp/phân công hoặc ủy quyền phụ trách; chịu trách nhiệm triển khai về nghiệp

¹ Điều 42.1 Điều lệ Công ty

² Điều 42.1 Điều lệ Công ty

³ Điều 42.4 Điều lệ Công ty

⁴ Điều 42.3 Điều lệ Công ty

⁵ Điều 42.4 Điều lệ Công ty

vụ cũng như phân công, phân nhiệm trong các Đơn vị hoặc địa bàn đó.

- 6.7. Tuân thủ trình tự, thủ tục và thời hạn giải quyết công việc theo đúng các quy định nội bộ của Công ty, nghị quyết/quyết định của ĐHCĐ, HĐQT; tuân thủ chế độ báo cáo với HĐQT, Chủ tịch HĐQT, BKS, bảo đảm rõ ràng, minh bạch, kịp thời.
- 6.8. Phối hợp hoạt động theo tinh thần phát huy tốt nhất trách nhiệm cá nhân, đảm bảo tính thống nhất trong quản lý, điều hành Công ty; đảm bảo đoàn kết nội bộ và tăng cường sự hỗ trợ lẫn nhau trong hoạt động điều hành, trao đổi thông tin trong giải quyết công việc và trong mọi hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn.

Điều 7. Cách thức giải quyết công việc của Ban Tổng Giám đốc

- 7.1. Từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc phải chủ động, tự chịu trách nhiệm chỉ đạo, điều hành, xử lý giải quyết công việc một cách toàn diện cho đến khi có kết quả cuối cùng, theo phạm vi nhiệm vụ được phân cấp/phân công hoặc ủy quyền. Các vấn đề lớn, phức tạp, có thể họp Ban Tổng Giám đốc và mời các cán bộ quản lý khác có liên quan để thảo luận và quyết định từng vấn đề tại cuộc họp thường kỳ hoặc bất thường. Trường hợp không tổ chức được cuộc họp thì Trợ lý Tổng Giám đốc thực hiện theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc lấy ý kiến của từng thành viên trong Ban Tổng Giám đốc hoặc xin ý kiến chỉ đạo của HĐQT.
- 7.2. Cách thức giải quyết công việc hàng ngày của Ban Tổng Giám đốc:
- Thành viên Ban Tổng Giám đốc xem xét, giải quyết công việc hàng ngày trên cơ sở hồ sơ, tài liệu trình và báo cáo trực tiếp của các Đơn vị thuộc phạm vi được phân cấp/phân quyền hoặc ủy quyền phụ trách;
 - Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc phụ trách chủ trì cuộc họp để giải quyết những vấn đề quan trọng cần thiết mà chưa xử lý ngay được bằng cách thức nêu tại khoản 7.1 Điều này;
 - Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc giao việc, chỉ đạo các Đơn vị, cá nhân bằng văn bản hoặc các hình thức khác tương đương văn bản, thông qua phê duyệt trực tiếp trên tài liệu hoặc gửi email, trừ trường hợp công việc đơn giản, rõ ràng, không cần chỉ đạo và lưu lại hồ sơ bằng văn bản;
 - Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm và thực hiện báo cáo trực tiếp HĐQT các công việc trong hoạt động quản trị và điều hành Công ty theo các văn bản quy định nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG III

TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 8. Tổng Giám đốc

8.1. Phạm vi trách nhiệm, nhiệm vụ và cách thức giải quyết công việc của Tổng Giám đốc

- Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế, quy định quản lý nội bộ của Công ty, nghị

- quyết/quyết định của ĐHĐCĐ và/hoặc HĐQT và hợp đồng lao động ký với Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao;
- b) Trong phạm vi quyền hạn của Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế này và quyền hạn khác trên cơ sở phân quyền của HĐQT thì Tổng Giám đốc khi thực hiện quản trị và điều hành Công ty có quyền:
- (i) ban hành các quy định nội bộ để điều chỉnh hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, ban hành những quy định về sản phẩm dịch vụ (theo phân cấp thẩm quyền từng thời kỳ) và các biện pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty;
 - (ii) ủy quyền/giao/phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Tổng Giám đốc và gửi văn bản này cho HĐQT để báo cáo. Ngoài ra trong phạm vi quyền hạn của mình thì Tổng Giám đốc khi thực hiện quản trị và điều hành Công ty có quyền ủy quyền/giao/phân công nhiệm vụ cho các đối tượng khác như Kế toán trưởng, Trưởng phòng/Phó Phòng/Phụ trách Bộ phận, Giám đốc khối, Giám đốc Chi nhánh và các nhân viên của Công ty;
 - (iii) Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, văn bản nội bộ khác và pháp luật.
- c) Tổng Giám đốc có trách nhiệm:
- (i) quản lý, đôn đốc, kiểm tra và giám sát các công việc được thực hiện bởi sự chỉ đạo, giải quyết của các thành viên Ban Tổng Giám đốc;
 - (ii) báo cáo tình hình hoạt động của Công ty và đề xuất, kiến nghị các giải pháp (nếu có) khi thực hiện các nghị quyết của HĐQT định kỳ hàng tháng cho Chủ tịch HĐQT/HĐQT hoặc báo cáo đột xuất/theo yêu cầu của Chủ tịch HĐQT/HĐQT.
 - (iii) Lập và trình HĐQT Báo cáo tài chính hàng năm, Báo cáo kết quả kinh doanh hàng năm và Kế hoạch kinh doanh năm tiếp theo chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước ngày 30/03 hằng năm.
 - (iv) Các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều lệ Công ty, văn bản nội bộ khác và pháp luật.
- d) Trong trường hợp cần thiết, Tổng Giám đốc có thể trực tiếp giải quyết, xử lý các việc đã phân cấp/phân quyền/ủy quyền cho thành viên Ban Tổng Giám đốc.

8.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc

Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc tuân thủ theo quy định cụ thể tại Điều 43 Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

Điều 9. Phó Tổng giám đốc

9.1. Phạm vi trách nhiệm, nhiệm vụ và cách thức giải quyết công việc của Phó Tổng Giám đốc

- a) Phó Tổng Giám đốc giúp việc Tổng Giám đốc trong việc quản lý, chỉ đạo, điều hành, trực tiếp giải quyết một hoặc một số nghiệp vụ của các Đơn vị theo phân cấp/phân công/ủy quyền của Tổng Giám đốc;
- b) Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổng Giám đốc, HĐQT về những quyết định, ý kiến chỉ đạo, điều hành của mình cũng như kết quả công việc thuộc các lĩnh vực được phân cấp/phân công ủy quyền phụ trách. Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện, xử lý các công việc đột xuất do Tổng Giám đốc giao;
- c) Ngoài các nhiệm vụ quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Phó Tổng Giám đốc Công ty có các nhiệm vụ cụ thể sau:
 - (i) Chủ động, độc lập hoặc phối hợp giải quyết công việc được phân cấp/ phân công/ ủy quyền. Đối với các vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ, Phó Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Tổng Giám đốc;
 - (ii) Đối với những vấn đề liên quan đến cơ chế, chính sách mà chưa được pháp luật, DHĐCĐ, HĐQT quy định cụ thể hoặc những vấn đề chưa có chủ trương, chưa được thống nhất trong Ban Tổng Giám đốc thì Phó Tổng Giám đốc phải báo cáo Tổng Giám đốc để Tổng Giám đốc giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình HĐQT nếu xét thấy cần thiết;
 - (iii) Tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn các Đơn vị được phân cấp/phân công/ủy quyền phụ trách thực hiện các nhiệm vụ theo lĩnh vực được phân cấp/phân công/ủy quyền, phù hợp với chức năng của từng Đơn vị;
 - (iv) Tổ chức, chỉ đạo các Đơn vị được phân công phụ trách xây dựng các quy chế, quy định, quy trình nghiệp vụ, văn bản hướng dẫn để phục vụ việc quản lý và vận hành các hoạt động của Đơn vị một cách thường xuyên, liên tục, hiệu quả đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Công ty và pháp luật;
 - (v) Tham gia nghiên cứu, xây dựng về chiến lược, quy mô phát triển, phương hướng nhiệm vụ công tác, mô hình tổ chức, chủ trương chính sách, cơ chế nghiệp vụ và các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc;
 - (vi) Có trách nhiệm giải trình trước Tổng Giám đốc, HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi cần thiết;
 - (vii) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của Pháp luật, Điều lệ và quy định của HĐQT Công ty.

9.2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc phải đáp ứng đầy đủ tất cả các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- b) Không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành án phạt tù hoặc

- bị cấm hành nghề chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- c) Không được đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ hoặc doanh nghiệp khác;
 - d) Không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên của công ty chứng khoán khác;
 - e) Không bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán trong thời hạn 06 tháng gần nhất tính đến thời điểm nộp hồ sơ;
 - f) Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh chứng khoán; Có bằng đại học hoặc trên đại học và đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của Công ty và Pháp luật;
 - g) Đối với Phó Tổng Giám đốc phụ trách bộ phận chuyên môn nghiệp vụ: ngoài việc phải đáp ứng các quy định từ Điểm a) đến Điểm f) Khoản này phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ phụ trách, có kinh nghiệm làm việc tại bộ phận nghiệp vụ của tổ chức trong lĩnh vực tài chính, chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm hoặc tại bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp khác ít nhất hai (02) năm.

Điều 10. Bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc

Thành viên Ban Tổng Giám đốc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- 10.1.** Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này;
- 10.2.** Có Đơn xin từ chức bằng văn bản gửi đến Trụ sở chính của Công ty;
- 10.3.** Theo quyết định của HĐQT: HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Tổng Giám đốc khi đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết dự họp tán thành (trên năm mươi phần trăm (50%));
- 10.4.** Các trường hợp khác theo quy định của Điều lệ, quy chế quản lý cán bộ của Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 11. Trách nhiệm cá nhân của thành viên Ban Tổng Giám đốc sau khi bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, mất chức danh

Thành viên Ban Tổng Giám đốc sau khi bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, mất chức danh tương ứng vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái quy định của pháp luật và quy định của Công ty hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 12. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

- 12.1.** Thực hiện các quyền và nghĩa vụ, trách nhiệm được giao theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, Quyết định/Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và/hoặc HĐQT Công ty, Quy chế này. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho công ty thì phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty;

- 12.2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích Công ty⁶.
- 12.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông, không được phép sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác⁷;
- 12.4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho HĐQT về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, các giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột lợi ích hoặc ảnh hưởng bất lợi với Công ty và chỉ được tham gia vào các giao dịch đó khi được HĐQT hoặc Đại hội đồng cổ đông (nếu có) chấp thuận;
- 12.5. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà thành viên Ban Tổng Giám đốc và người có liên quan của mình làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty;
- 12.6. Thành viên Ban Tổng Giám đốc không được tăng lương, trả thưởng khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn;
- 12.7. Không được cạnh tranh bất hợp pháp/cạnh tranh không lành mạnh với Công ty hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Công ty.

Điều 13. Trợ lý Tổng Giám đốc

- 13.1. Trợ lý Tổng Giám đốc là bộ phận/cá nhân do Tổng Giám đốc thiết lập, giao nhiệm vụ khi cần thiết và không trái với quy định pháp luật để giúp việc cho Tổng Giám đốc trong việc thực thi nhiệm vụ tổ chức, điều hành, quản lý hoạt động của Công ty. Trợ lý Tổng Giám đốc có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty/Người phụ trách quản trị Công ty.
- 13.2. Trợ lý Tổng Giám đốc có nhiệm vụ và trách nhiệm chính như sau:
- Hỗ trợ việc quản lý điều hành hoạt động của các Đơn vị:
 - Tham mưu, đóng góp ý kiến giúp Tổng Giám đốc kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty theo phân công nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh doanh đảm bảo an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật;
 - Truyền đạt thông tin/ý kiến chỉ đạo của Tổng Giám đốc đến các Đơn vị, cá nhân có liên quan trong Công ty khi có yêu cầu và nhận thông tin phản hồi liên quan đến Tổng Giám đốc (nếu cần);
 - Đôn đốc và theo dõi kết quả thực hiện công việc của các Đơn vị, cá nhân quan trọng việc triển khai, thực hiện đúng các quyết định, ý kiến chỉ đạo của Tổng Giám đốc (nếu cần);
 - Báo cáo tiến độ thực hiện công việc của các Đơn vị, cá nhân theo yêu cầu của Tổng

⁶ Điều 42.5 Điều lệ Công ty

⁷ Điều 42.6 Điều lệ Công ty

Giám đốc (nếu cần);

- (v) Phối hợp với các Đơn vị, cá nhân có liên quan để thực hiện các công việc theo chỉ đạo của Tổng Giám đốc Công ty;
 - (vi) Trực tiếp thực hiện các công việc, soạn thảo công văn, tài liệu theo yêu cầu của Tổng Giám đốc;
 - (vii) Tiếp nhận, rà soát, phân loại công văn, hồ sơ, tài liệu từ các Đơn vị, cá nhân trình Tổng Giám đốc phê duyệt theo đúng thẩm quyền;
 - (viii) Hoàn trả các Đơn vị, cá nhân công văn, hồ sơ tài liệu sau khi có ý kiến chỉ đạo, phê duyệt của Tổng Giám đốc;
 - (ix) Lưu trữ hồ sơ tài liệu có liên quan đến việc quản lý điều hành hoạt động của Tổng Giám đốc.
- b) Tổ chức, sắp xếp lịch làm việc của Tổng Giám đốc:
- (i) Tiếp nhận, sắp xếp kế hoạch công tác và thông báo lịch làm việc của các thành viên Ban Tổng Giám đốc hoặc thông báo trực tiếp cho các Đơn vị trong toàn Công ty;
 - (ii) Là đầu mối chuẩn bị hồ sơ, tài liệu cần thiết cho các chuyến công tác của Tổng Giám đốc;
 - (iii) Tham gia các chuyến công tác cùng Tổng Giám đốc khi được yêu cầu;
 - (iv) Thông báo nhắc nhở các Đơn vị, cá nhân có liên quan về lịch công tác và chuẩn bị các điều kiện về ăn, ở, đi lại cần thiết cho chuyến công tác của Tổng Giám đốc;
 - (v) Thông dịch, biên dịch, thực hiện quan hệ giao dịch với các cơ quan chức năng, đối tác khi được phân công (nếu cần).
- c) Tham gia tổ chức các cuộc họp: theo quy định tại “Chương V: Tổ chức các cuộc họp” của Quy chế này (nếu cần theo yêu cầu của Tổng Giám đốc trong từng thời điểm).
- d) Nhiệm vụ khác:
- (i) Tiếp đón khách theo yêu cầu của Tổng Giám đốc;
 - (ii) Trả lời các cuộc điện thoại liên hệ công tác với Tổng Giám đốc;
 - (iii) Quản lý các hồ sơ, trang thiết bị tại văn phòng làm việc của Tổng Giám đốc;
 - (iv) Thực hiện các công việc khác theo yêu cầu của Tổng Giám đốc.

**CHƯƠNG IV
MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Điều 14. Nguyên tắc phối hợp chung giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc

Nội dung nguyên tắc phối hợp chung giữa HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám đốc được quy định cụ thể tại Điều 23, Điều 24 Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty.

Điều 15. Phối hợp làm việc, phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT với Ban Tổng Giám đốc, giữa BKS với Ban Tổng Giám đốc

Quy định Phối hợp làm việc, phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, giữa BKS với Ban Tổng Giám đốc được quy định tại Chương IV Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành ngày 05/03/2021.

Điều 16. Mối quan hệ công tác giữa Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc

16.1. Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định cao nhất trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, trừ trường hợp các vấn đề cần giải quyết phải có ý kiến phê duyệt của Chủ tịch HĐQT/HDQT. Mối quan hệ giữa Tổng Giám đốc với các Phó Tổng Giám đốc là mối quan hệ phân công, phân nhiệm và ủy quyền. Tổng Giám đốc sẽ ban hành các văn bản cụ thể về việc phân công và/hoặc ủy quyền giải quyết công việc.

16.2. Các Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về công việc được phân công, ủy quyền thực hiện và báo cáo công tác với Tổng Giám đốc theo quy định.

Trong quá trình quản trị và điều hành, các Phó Tổng Giám đốc trên nguyên tắc phát huy tối đa quyền hạn và trách nhiệm, chủ động tổ chức, điều hành, giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực được phân công phụ trách hoặc được ủy quyền trên cơ sở tuân thủ các quy định của pháp luật và các quy định của Công ty.

16.3. Trường hợp có vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện hoặc vấn đề vượt quá phạm vi thẩm quyền giải quyết, các Phó Tổng Giám đốc báo cáo Tổng Giám đốc để quyết định.

16.4. Tổng Giám đốc xem xét và điều chỉnh phạm vi công việc của Phó Tổng Giám đốc phù hợp với từng thời kỳ phát triển của Công ty và/hoặc theo yêu cầu của HĐQT.

16.5. Trong phạm vi công việc của mình, các Phó Tổng Giám đốc được quyền chủ động sắp xếp bố trí lịch công tác của cá nhân và các Đơn vị do Phó Tổng Giám đốc phụ trách. Trường hợp Phó Tổng Giám đốc vắng mặt tại trụ sở trên hai (02) ngày do đi công tác, Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Tổng Giám đốc thông qua về lịch trình, kế hoạch công tác của mình, đồng thời phải thực hiện theo quy định cụ thể tại các văn bản nội bộ có liên quan của Công ty.

Điều 17. Mối quan hệ công tác giữa các Phó Tổng giám đốc

- 17.1. Quan hệ giữa các Phó Tổng giám đốc là quan hệ phối hợp, các Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm, nghĩa vụ phối hợp chặt chẽ, thường xuyên thông tin, trao đổi với nhau về việc xử lý công việc được phân công.
- 17.2. Khi thực hiện công việc được phân công, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do Phó Tổng Giám đốc khác phụ trách, trực tiếp phối hợp với Phó Tổng Giám đốc đó để giải quyết; trường hợp giữa các Phó Tổng Giám đốc còn có ý kiến khác nhau hoặc có vấn đề cần xin ý kiến của Tổng Giám đốc, thì Phó Tổng Giám đốc đang chủ trì xử lý công việc đó báo cáo Tổng Giám đốc quyết định.
- 17.3. Trong trường hợp Phó Tổng Giám đốc vắng mặt tại trụ sở do nghỉ phép hoặc theo lịch trình công tác đã được Trợ lý Tổng Giám đốc thông báo trên hệ thống email nội bộ, các thành viên khác trong Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm thay thế giải quyết công việc của các Đơn vị, lĩnh vực thuộc phạm vi được phân công của Phó Tổng Giám đốc vắng mặt theo đúng phân công, phân cấp giải quyết công việc trong Ban Tổng Giám đốc.
- 17.4. Trường hợp có sự phân công lại công việc giữa các Phó Tổng Giám đốc thì các Phó Tổng Giám đốc phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan bằng văn bản cho Phó Tổng Giám đốc được phân công thay thế mình để phụ trách công việc đó hoặc bàn giao cho Tổng Giám đốc hoặc Trợ lý Tổng Giám đốc (theo phân công của Tổng Giám đốc) trong trường hợp công việc được chuyển lại cho chính Tổng Giám đốc phụ trách.

Điều 18. Mối quan hệ công tác giữa Ban Tổng Giám đốc và Trưởng/Phó phụ trách các Đơn vị

- 18.1. Các Phó Tổng Giám đốc chỉ đạo, điều hành trực tiếp công việc đối với Trưởng/Phó phụ trách Đơn vị được phân công phụ trách. Trong trường hợp cần thiết, Tổng Giám đốc có quyền chỉ đạo trực tiếp Trưởng/Phó phụ trách Đơn vị, trường hợp này Trưởng/Phó phụ trách Đơn vị có trách nhiệm báo cáo Phó Tổng Giám đốc phụ trách biết để phối hợp thực hiện.
- 18.2. Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xem xét giải quyết kịp thời những vấn đề do các Đơn vị đề xuất, kiến nghị liên quan đến lĩnh vực của Đơn vị đó hoặc liên quan đến công việc chung của Công ty.
- 18.3. Trưởng/Phó phụ trách các Đơn vị căn cứ chức năng nhiệm vụ và công việc khác được giao từ Phó Tổng Giám đốc phụ trách thực hiện xử lý công việc, phối hợp với các Đơn vị trong Công ty theo đúng thời hạn và yêu cầu công việc, báo cáo lại Phó Tổng Giám đốc phụ trách về kết quả công việc đã thực hiện/báo cáo lại Tổng Giám đốc trong trường hợp công việc do Tổng Giám đốc trực tiếp giao thực hiện. Các Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Tổng Giám đốc, xin ý kiến chỉ đạo của Tổng Giám đốc về các công việc thuộc phân công nhiệm vụ, phân cấp của mình.
- 18.4. Trưởng/Phó phụ trách các Đơn vị khi cần có sự phối hợp giải quyết công việc với các Đơn vị khác phải đồng thời báo cáo thành viên Ban Tổng Giám đốc phụ trách của Đơn vị cần phối hợp để chỉ đạo giải quyết đảm bảo công việc được thực hiện liên tục, hiệu quả.
- 18.5. Trưởng/Phó phụ trách Đơn vị phải chịu trách nhiệm về các văn bản do Đơn vị mình trình Ban Tổng Giám đốc ký ban hành hoặc trình lên HĐQT và phải ký nháy từng trang trên các văn bản quy

định/quyết định/biên bản hợp/tờ trình nội bộ, văn bản thỏa thuận/ hợp đồng/phụ lục hợp đồng/ bản sửa đổi bổ sung hợp đồng, biên bản nghiệm thu/thanh lý hợp đồng/phụ lục hợp đồng, công văn giấy tờ của Công ty gửi các cơ quan quản lý Nhà nước do Đơn vị chủ trì soạn thảo. Trong trường hợp cần thiết, Ban Tổng Giám đốc có thể yêu cầu Trưởng/Phó phụ trách Đơn vị ký nháy từng trang trên các văn bản, tài liệu khác của Đơn vị soạn thảo.

18.6. Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc phê duyệt kế hoạch công tác của các Đơn vị trong phạm vi phụ trách.

Điều 19. Mối quan hệ công tác giữa Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán

19.1. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán là người chịu trách nhiệm về tổ chức bộ máy kế toán, hạch toán và báo cáo thống kê, giúp Tổng Giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê của Công ty theo quy định của Luật kế toán và Điều lệ của Công ty; chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các Báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu kế toán, chế độ chứng từ hóa đơn kế toán và các thông tin tài chính khác.

19.2. Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán có các quyền hạn và nhiệm vụ quy định tại Luật kế toán và các quy định của Công ty, cụ thể:

- a) Trợ giúp Ban Tổng Giám đốc trong việc quản lý các vấn đề tài chính và kế toán của Công ty; tham mưu và cố vấn cho Ban Tổng Giám đốc về sử dụng tài sản và vốn của Công ty;
- b) Quản lý tình hình tài chính của Công ty để đề xuất HĐQT phân bổ nguồn tài chính hợp lý, thực hiện các kế hoạch kinh doanh đã được HĐQT và Ban Tổng Giám đốc phê duyệt;
- c) Xây dựng chiến lược tài chính của Công ty, xây dựng quy chế quản lý tài chính của Công ty, các quy chế, quy định quản lý tài chính nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và đặc thù kinh doanh của Công ty để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành;
- d) Xây dựng phương án sử dụng vốn, phương án phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, trích lập và sử dụng các quỹ trình Tổng Giám đốc và HĐQT phê chuẩn;
- e) Tổ chức thực hiện lập kế hoạch tài chính hàng năm, phân tích, đánh giá tình hình tài chính của Công ty khi kết thúc năm tài chính và đề xuất giải pháp với Ban Lãnh đạo để hoàn thiện và tăng cường hoạt động tài chính;
- f) Lập hệ thống sổ sách kế toán theo đúng quy định của Pháp luật; chịu trách nhiệm kiểm tra và chỉ đạo công tác kế toán, tài chính và báo cáo thống kê trong toàn Công ty đảm bảo hạch toán đầy đủ, kịp thời, chính xác, hợp lý, hợp pháp của các chứng từ, hợp đồng, sổ sách kế toán, đảm bảo phản ánh đầy đủ, trung thực, chính xác mọi hoạt động của Công ty, đảm bảo hồ sơ chứng từ kế toán được lưu trữ đầy đủ, khớp đúng với số liệu hạch toán kế toán theo quy định của pháp luật và của Công ty;
- g) Chịu trách nhiệm kiểm tra và định kỳ tháng, quý, năm hoặc theo yêu cầu của Ban Tổng Giám đốc báo cáo đầy đủ, chính xác kết quả hoạt động kinh doanh, công tác quản lý tài chính, quản lý vốn của Công ty cho Ban Tổng Giám đốc và các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của

pháp luật, của Công ty;

- h) Báo cáo bằng văn bản cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty khi phát hiện các vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán trong Công ty;
- i) Chịu trách nhiệm trước HĐQT, Tổng Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công;
- j) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và các văn bản quy định nội bộ của Công ty.

19.3. Quan hệ giữa Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán và Ban Tổng Giám đốc: Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán có trách nhiệm thực hiện yêu cầu hoặc quyết định của Tổng Giám đốc liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán. Nếu Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán đánh giá bất kỳ yêu cầu hoặc quyết định nào không rõ ràng, mâu thuẫn và/hoặc vi phạm quy định của Công ty hoặc Luật áp dụng, Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán phải báo cáo ngay cho Tổng Giám đốc. Nếu Tổng Giám đốc vẫn giữ nguyên yêu cầu hoặc quyết định, Kế toán trưởng được quyền bảo lưu quan điểm và trình bày tại cuộc họp gần nhất của Ban Tổng Giám đốc và/ hoặc báo cáo bằng văn bản lên HĐQT.

Điều 20. Xử lý công việc khi một thành viên Ban Tổng Giám đốc vắng mặt

20.1. Tổng Giám đốc ủy quyền bằng văn bản (có thể ủy quyền thường xuyên hoặc từng lần) cho Phó Tổng Giám đốc điều hành hoạt động của Công ty trong thời gian Tổng Giám đốc vắng mặt tại DSC. Trong phạm vi được ủy quyền, Phó Tổng Giám đốc được toàn quyền thay mặt Tổng Giám đốc và đại diện cho Công ty xử lý các công việc do Tổng Giám đốc ủy quyền trong thời gian vắng mặt này và có trách nhiệm báo cáo lại Tổng Giám đốc các công việc đã xử lý. Phó Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc và trước pháp luật về những vấn đề đã xử lý.

20.2. Tổng Giám đốc ban hành các văn bản cụ thể để phân công giải quyết công việc khi một hoặc nhiều thành viên Ban Tổng Giám đốc vắng mặt.

CHƯƠNG V TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỌP

Điều 21. Trách nhiệm tổ chức các cuộc họp

21.1. Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức các cuộc họp theo đúng quy định tại Quy chế này và các quy định khác của Công ty (nếu có). Chủ trì cuộc họp là Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc trực điều hành/được ủy quyền.

21.2. Ngoài hình thức họp trực tiếp, các cuộc họp có thể được tiến hành dưới hình thức điện đàm hoặc truyền hình (telephone, video conference) hoặc các hình thức khác theo quyết định của Người chủ trì cuộc họp.

21.3. Người chủ trì cuộc họp sẽ quyết định thành phần tham dự cuộc họp cho phù hợp với nội dung. Thành phần tham dự phải dự họp đầy đủ và chỉ được vắng mặt khi người chủ trì đồng ý.

21.4. Người chủ trì cuộc họp sẽ quyết định đơn vị đầu mỗi tổ chức cuộc họp.

Đơn vị đầu mỗi tổ chức cuộc họp có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu để phục vụ cuộc họp. Các tài liệu có liên quan đưa ra xem xét tại cuộc họp phải được gửi tới thành phần tham dự cuộc họp chậm nhất một (01) ngày làm việc trước khi họp, trừ trường hợp họp đột xuất để giải quyết những vấn đề cấp bách. Kết thúc cuộc họp phải được lập thành Biên bản, gửi và lưu giữ theo quy định của Công ty. Biên bản cuộc họp cần thể hiện các nội dung chủ yếu sau:

- Người chủ trì và danh sách thành phần tham dự có mặt tại cuộc họp;
- Những vấn đề được trình bày và thảo luận tại cuộc họp;
- Ý kiến phát biểu của thành phần tham dự cuộc họp;
- Kết luận của người chủ trì cuộc họp và các quyết định được đưa ra tại cuộc họp.

21.5. Trách nhiệm của Đơn vị chủ trì công việc khi tổ chức các cuộc họp giải quyết công việc của Đơn vị mình:

- Xin ý kiến của Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc phụ trách về việc tổ chức các cuộc họp;
- Gửi giấy mời/email và tài liệu họp đến các thành phần được mời họp;
- Đôn đốc các Đơn vị có liên quan chuẩn bị đầy đủ tài liệu họp;
- Phối hợp với Phòng Hành chính và các Phòng/Bộ phận liên quan bố trí lịch họp, địa điểm, các điều kiện khánh tiết, vật chất phục vụ cuộc họp và cán bộ, nhân viên tham gia cuộc họp;
- Chuẩn bị đầy đủ tài liệu họp theo yêu cầu của Người chủ trì cuộc họp;
- Chuẩn bị ý kiến giải trình về các vấn đề cần thiết liên quan đến nội dung họp;
- Soạn thảo các văn bản kết luận, quyết định theo chỉ đạo của Người chủ trì cuộc họp;
- Hoàn chỉnh các công việc theo chỉ đạo của Người chủ trì cuộc họp.

Điều 22. Họp giao ban tại Trụ sở chính

22.1. Trụ sở chính tổ chức chế độ họp giao ban theo định kỳ. Trường hợp cần thiết Công ty có thể tổ chức cuộc họp đột xuất theo quyết định của Tổng Giám đốc.

22.2. Thành phần họp giao ban:

- Thành phần họp giao ban gồm: Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng/Phụ trách phòng tại Trụ sở chính (họp trực tiếp), Trưởng các phòng/bộ phận tại Chi nhánh (thông qua họp trực tuyến) và Trợ lý Tổng Giám đốc, ngoài ra Tổng Giám đốc có thể quyết định mời các cán bộ khác tham dự (nếu cần thiết). Các Đơn vị và cá nhân có trách nhiệm tham dự họp đúng giờ và phát biểu ý kiến về những vấn đề liên quan. Cá nhân vắng mặt phải xin phép chủ tọa và cử cán bộ tham dự thay.
- Việc tham dự họp giao ban của Chủ tịch HĐQT, Ban Kiểm soát: Chủ tịch HĐQT, Ban Kiểm soát có thể tham dự cuộc họp giao ban với tư cách khách mời theo thư mời của Tổng Giám

độc để trực tiếp nắm bắt tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty; trường hợp cần thiết, Chủ tịch HĐQT, Ban Kiểm soát có thể chủ động yêu cầu được tham dự cuộc họp giao ban bằng việc thông báo đến Trợ lý Tổng Giám đốc để báo cáo lên Tổng Giám đốc hoặc trực tiếp thông báo đến Tổng Giám đốc trước khi cuộc họp diễn ra.

22.3. Tổng Giám đốc là chủ tọa cuộc họp giao ban. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm điều khiển cuộc họp, định hướng việc thảo luận, quyết định phương pháp làm việc và kết luận chung hoặc kết luận về từng vấn đề được đưa ra xem xét tại cuộc họp.

22.4. Trợ lý Tổng Giám đốc có trách nhiệm:

- a) Thông báo lịch họp giao ban cho các Đơn vị ;
- b) Làm Thư ký cuộc họp, ghi Biên bản họp giao ban;
- c) Soạn thảo Thông báo và theo dõi tiến độ thực hiện các Kết luận họp giao ban gửi các thành viên Ban Tổng Giám đốc/các Đơn vị chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc sau ngày họp để thực hiện.

22.5. Chuẩn bị báo cáo họp giao ban:

- a) Các Đơn vị có trách nhiệm gửi Báo cáo tình hình hoạt động của Đơn vị mình, tình hình thực hiện các Kết luận của Tổng Giám đốc tại cuộc họp giao ban trước cho Trợ lý Tổng Giám đốc trước khi họp giao ban theo yêu cầu, nhằm cập nhật và bám sát tình hình thực hiện của các Đơn vị, kịp thời tháo gỡ các vướng mắc (nếu có) trong quá trình hoạt động của Đơn vị mình;
- b) Trợ lý Tổng Giám đốc tổng hợp các Báo cáo từ các Đơn vị gửi Tổng Giám đốc và gửi báo cáo tới Chủ tịch HĐQT, Ban Kiểm soát (nếu Chủ tịch HĐQT, Ban Kiểm soát được mời tham dự cuộc họp hoặc có yêu cầu được tham dự cuộc họp) trước khi cuộc họp diễn ra.

22.6. Nội dung chủ yếu trong cuộc họp giao ban, bao gồm:

- a) Đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, những công việc chính đã giải quyết trong kỳ trước và dự kiến giải quyết trong kỳ tiếp theo;
- b) Các Phó Tổng Giám đốc và Trưởng/Phó phụ trách các Đơn vị bổ sung nội dung báo cáo (nếu có) và xin ý kiến chỉ đạo của Tổng Giám đốc về những vấn đề cần thiết hoặc những vấn đề còn vướng mắc;
- c) Các thành viên dự họp thảo luận về các mục tiêu, biện pháp tổ chức, thực hiện công việc đề ra của kỳ tiếp theo để đạt được KPI của Công ty từng thời kỳ.

Điều 23. Tổ chức các Hội nghị và các cuộc họp quan trọng

23.1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm chỉ đạo các Đơn vị phối hợp và chuẩn bị đầy đủ về chương trình, nội dung, tài liệu, phân công ban tổ chức và các điều kiện cần thiết khác, ... về việc tổ chức các Hội nghị/cuộc họp do Tổng Giám đốc trực tiếp chủ trì hoặc các Hội nghị/ cuộc họp khác do HĐQT giao tổ chức.

23.2. Các Hội nghị cần có sự phê duyệt của HĐQT về chủ trương, thành phần tham dự hoặc kinh phí tổ chức, thì chỉ được triển khai sau khi đã được HĐQT phê duyệt.

CHƯƠNG VI LỊCH CÔNG TÁC VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 24. Lịch công tác của Ban Tổng Giám đốc

- 24.1. Lịch công tác hoặc nghỉ phép của các thành viên Ban Tổng Giám đốc sẽ được các thành viên gửi đến Trợ lý Tổng Giám đốc để tổng hợp và thông báo trên hệ thống email nội bộ hoặc thông báo công khai tới các Đơn vị để chủ động liên hệ giải quyết công việc.
- 24.2. Trong trường hợp có sự thay đổi lịch làm việc của thành viên Ban Tổng Giám đốc, các thành viên Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm thông báo lại cho Trợ lý Tổng Giám đốc trước khi có sự thay đổi để thực hiện cập nhật lại lịch làm việc.

Điều 25. Chế độ báo cáo

- 25.1. Các báo cáo nghiệp vụ gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan hữu quan khác, được thực hiện theo quy định hiện hành về chế độ thông tin, báo cáo.
- 25.2. Các báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT, Ban Kiểm soát được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của HĐQT, Ban Kiểm soát và theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
- 25.3. Thông báo kết luận họp giao ban hàng tháng được Trợ lý Tổng Giám đốc gửi đến các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát để báo cáo.



**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Mã số: DSC.HO.QC-15

Phiên bản: 01

Số trang: 19/19

**CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 26. Tổ chức thực hiện

- 26.1. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Hội đồng quản trị thông qua và ký ban hành.
- 26.2. Những nội dung về chế độ làm việc của Ban Tổng Giám đốc nếu chưa được đề cập đến trong Quy chế này thì được thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các văn bản khác của Công ty. Khi có nội dung nào trong Quy chế này trái với các quy định của pháp luật hoặc trái với Quy chế nội bộ về quản trị công ty/Điều lệ Công ty thì các nội dung đó của Quy chế này đương nhiên hết hiệu lực thi hành và trong trường hợp này thì sẽ áp dụng theo các quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Điều lệ của Công ty.
- 26.3. Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng/Phụ trách Phòng và các Đơn vị, cá nhân có liên quan thuộc Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Điều 27. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị Công ty quyết định./

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Anh

PHỤ LỤC III

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính)*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

DSC, ngày 25. tháng 03. năm 2024

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

-----□□□-----

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Căn cứ:

- *Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;*
- *Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*
- *Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC;*
- *Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số: 01/2024/NQ-DHĐCD/DNSC ngày 25 tháng 03 năm 2024;*

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty Công ty cổ phần Chứng khoán DSC bao gồm các nội dung sau đây:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1.** Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- 1.2.** Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

- 2.1.** Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

- 2.2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

- 3.1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
- 3.2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:
- a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các Khoản thù lao nhận được từ các Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, Công ty con, Công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với Công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
- 3.3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

- 4.1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
- 4.2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- 5.1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị.
- 5.2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
- 5.3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.
- 5.4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

- 6.1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;
 - c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty khác;
 - d) Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và Công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại Khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng Giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý Công ty mẹ;
 - e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.
- 6.2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, Công ty mẹ hoặc Công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các Khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc Công ty con của Công ty;
 - d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
- 6.3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

- 7.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
- 7.2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc .
- 7.3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 7.4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền

và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

- 7.5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
- Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
 - Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- 8.1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- 8.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
- 8.3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.
- 8.4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
- c) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- 9.1.** Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
- a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
- 9.2.** Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
- 9.3.** Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị

thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

- 9.4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

10.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
 - e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
- 10.2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

- 11.1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 11.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập Công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

11.3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

11.4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

12.1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ Công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- a) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- b) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- c) Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

12.2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

13.1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

13.2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d Khoản 1 Điều này;

13.3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- e) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
- f) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

- 14.1.** Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
- 14.2.** Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

- 15.1.** Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 15.2.** Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
- 15.3.** Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị.;
 - Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.
- 15.4.** Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
- 15.5.** Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

15.6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

15.7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

15.8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định thời hạn khác ngắn hơn. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

15.9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

15.10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

15.11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

15.12. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

16.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

16.2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

16.3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

16.4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16.5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

17.1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

17.2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

17.3. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

18.1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

18.2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

18.3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

18.4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một Khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị].

- 18.5.** Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các Khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
- 18.6.** Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- 19.1.** Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
- Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
- 19.2.** Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- 19.3.** Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

- 20.1.** Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

- 20.2.** Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.
- 20.3.** Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mọi quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát

- 22.1.** Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- 22.2.** Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Chứng khoán DSC bao gồm 07 chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25. tháng 03. năm 2024.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



NGUYỄN ĐỨC ANH



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DSC
80 Dịch Vọng Hậu, P.Dịch Vọng Hậu, Q.Cầu Giấy, TP Hà
Nội
Tel: (024) 38803456
Website: <https://www.dsc.com.vn>

PHỤ LỤC IV

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm
2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

DSC, ngày 25 tháng 03 năm 2024

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

-----CS@DSC-----

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN DSC

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số: 01/2024/NQ-DHDCD/DSC ngày 25 tháng 03 năm 2024;

Ban Kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán DSC, bao gồm các nội dung sau đây:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 1.1. Phạm vi điều chỉnh:** Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
- 1.2. Đối tượng áp dụng:** Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

- 3.1.** Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- 3.2.** Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
- 3.3.** Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- 3.4.** Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
- 3.5.** Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
- 3.6.** Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

- 4.1.** Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 4.2.** Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
- 4.3.** Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
- 4.4.** Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

5.1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
- c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
- d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- e) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- f) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
- g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

5.2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

- 6.1.** Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn.
- 6.2.** Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
- 6.3.** Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

7.1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

7.2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 8.1.** Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- 8.2.** Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

- 9.1.** Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

9.2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

10.1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

- 10.2.** Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

- 11.1.** Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- 11.2.** Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
- 11.3.** Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- 11.4.** Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
- 11.5.** Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.
- 11.6.** Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- 11.7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
- 11.8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
- 11.9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
- 11.10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
- 11.11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
- 11.12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
- 11.13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
- 11.14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
- 11.15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- 11.16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 11.17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
- 11.18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- 11.19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.
- 11.20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
- 11.21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm

soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- 11.22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 11.23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- 11.24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
- 11.25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

- 12.1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời Điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
- 12.2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 12.3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

- 13.1.** Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
- 13.2.** Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- 13.3.** Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

- 14.1.** Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
- 14.2.** Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

- 16.1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- 16.2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
- 16.3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
- 16.4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
- 16.5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- 16.6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
- 16.7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
- 16.8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác, thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

- 17.1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
- 17.2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
- 17.3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của

pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

18.1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
- b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

18.2. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

18.3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

18.4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

18.5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm,



CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN DSC

80 Dịch Vọng Hậu, P. Dịch Vọng Hậu, Q. Cầu Giấy, TP Hà Nội

Tel: (024) 38803456

Website: <https://www.dsc.com.vn>

quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII


ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Chứng khoán DSC bao gồm 07 chương, 22 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 25 tháng 03 năm 2024.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN


NGUYỄN THỊ HIỀN NGỌC

